BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VỤ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

Hà Nội – 9/2022

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CB	Cán bộ
CBQL	Cán bộ quản lý
CC	Công chức
CDHT	Công dân học tập
CNTT	Công nghệ thông tin
GDCQ	Giáo dục chính quy
GDĐT	Giáo dục và đào tạo
GDTX	Giáo dục thường xuyên
HTSĐ	Học tập suốt đời
NLĐ	Người lao động
TTGDTX	Trung tâm giáo dục thường xuyên
TTHTCĐ	Trung tâm học tập cộng đồng
UBND	Ủy ban nhân dân
VC	Viên chức
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
XHHGD	Xã hội hóa giáo dục
XHHT	Xã hội học tập
XMC	Xóa mù chữ

MỞ ĐẦU

Giáo dục và đào tạo có sứ mạng nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; là nhân tố quan trọng hàng đầu tạo ra những giá trị, hoàn thiện nhân cách con người; là nhân tố quyết định chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, GDĐT có vị trí và vai trò đặc biệt quan trọng, là nhân tố quyết định sự phát triển bền vững của đất nước.

Xã hội học tập là một triết lý giáo dục được coi là chìa khóa cho sự phát triển kinh tế của quốc gia. Ở Việt Nam, chủ trương xây dựng và phát triển XHHT được Đảng xác định từ Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX "Đẩy mạnh phong trào học tập trong nhân dân bằng nhiều hình thức GDCQ và không chính quy, thực hiện giáo dục cho mọi người, cả nước trở thành một XHHT".

Xây dựng XHHT vừa là một nhiệm vụ cấp bách, vừa là một yêu cầu chiến lược, nhiệm vụ cơ bản, lâu dài của nền giáo dục nước nhà, quyết định thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; quyết định trong việc biến đổi nền kinh tế Việt Nam thành một nền kinh tế tri thức, góp phần đưa xã hội Việt Nam thành một xã hội trí tuệ, hiện đại, hội nhập kinh tế thế giới.

Nhiệm vụ trọng tâm của xây dựng XHHT là giúp mọi người bất kể độ tuổi, nghề nghiệp, địa vị xã hội… đều thấy cần phải học và học suốt đời, xem học tập là một nhu cầu của cuộc sống, như cơm ăn, áo mặc. XHHT tạo môi trường học tập đáp ứng cao nhất nhu cầu học tập ban đầu và học suốt đời của mọi tầng lớp nhân dân, mọi lứa tuổi, trong đó đặc biệt chú ý nhu cầu học tập của người cao tuổi, người khuyết tật, người thiệt thòi về giáo dục. XHHT tạo điều kiện cho mọi người có thể học ở mọi nơi, mọi lúc, học bằng nhiều cách... theo nguyên tắc tự học là chính.

Triển khai chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các đề án thực hiện nhiệm vụ xây dựng XHHT giai đoạn 2005 – 2010, giai đoạn 2012 - 2020. Kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng XHHT cho thấy các cấp ủy Đảng, chính quyền và đoàn thể các địa phương trong cả nước đã quan tâm, chỉ đạo triển khai thực hiện với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, như: Ban hành kế hoạch và thành lập Ban chỉ đạo; ban hành chỉ thị, nghị quyết của tỉnh/thành ủy, hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố; tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò, tác dụng của HTSĐ, xây dựng XHHT; xây dựng các mô hình học tập; tổ chức nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức theo đối tượng phục vụ nhu cầu HTSĐ trong mọi tầng lớp nhân dân.

Trên cơ sở những kết quả và bài học kinh nghiệm được tổng kết trong quá trình xây dựng XHHT giai đoạn 2005-2020, tiếp tục xây dựng XHHT dựa trên nền tảng phát triển đồng thời, gắn kết và liên thông giữa GDCQ với GDTX, liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo; vận dụng mọi hình thức giáo dục, đào tạo tiên tiến, hiệu quả, phù hợp với mục tiêu giáo dục; ứng dụng công nghệ số và dạy học trực tuyến trong tổ chức các hoạt động giảng dạy và học tập góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở

GDĐT đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội; mọi công dân có trách nhiệm và quyền lợi được học tập thường xuyên, học suốt đời, tận dụng mọi cơ hội học tập để trở thành công dân số, CDHT toàn cầu; xây dựng môi trường HTSĐ tại nơi làm việc đáp ứng các yêu cầu về năng suất, hiệu quả, chuẩn mực đạo đức và tác phong văn hóa nghề nghiệp; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quôc tế sâu rộng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Ngày 30/7/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1373/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2021-2030" xác định 04 mục tiêu cụ thể theo từng giai đoạn và 06 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu. Thủ tướng Chính phủ giao Bộ GDĐT là cơ quan thường trực, giúp Thủ tướng Chính phủ tổ chức triển khai; các bộ, ngành, các địa phương căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, chương trình triển khai thực hiện.

Để cung cấp những nội dung cơ bản về xây dựng XHHT, Vụ GDTX, Bộ GDĐT biên soạn tài liệu "Hướng dẫn xây dựng XHHT". Tài liệu nhằm hỗ trợ cung cấp cho cán bộ quản lý GDTX các cấp, cán bộ công tác trong lĩnh vực khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT ở các tỉnh/thành phố những kiến thức, thông tin cơ bản về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về xây dựng xã hội học tập; cách thức tổ chức xây dựng và nhân rộng các mô hình học tập để có thể vận dụng vào thực tiễn công tác.

Cấu trúc tài liệu gồm 05 chương:

Chương 1: Một số vấn đề chung về HTSĐ và xây dựng XHHT.

Chương 2: Chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về xây dựng xã hội học tập.

Chương 3: Hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác xây dựng XHHT.

Chương 4: Hướng dẫn đánh giá kết quả xây dựng XHHT ở Việt Nam

Chương 5: Giới thiệu quy trình xét khen thưởng cho các tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong công tác xây dựng XHHT

Xin bày tỏ lời cảm ơn trân trọng tới các chuyên gia thuộc nhiều lĩnh vực đã hỗ trợ cho việc biên soạn và hoàn thiện tài liệu. Xin cảm ơn các địa phương đã tham gia đóng góp những ý kiến quý báu để tài liệu được hoàn chỉnh hơn.

Mặc dù nhóm tác giả đã có nhiều cố gắng, song không tránh khỏi những thiếu sót nhất định trong quá trình biên soạn tài liệu. Rất mong tiếp tục nhận được những ý kiến trao đổi, góp ý của các cá nhân, đơn vị khi sử dụng tài liệu.

Trân trọng cảm ơn!

MỤC LỤC

Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HỌC TẬP SUỐT ĐỜI VÀ XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP……..... 07
I. Học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập và một số thuật ngữ, quan niệm liên quan …..…….…… 07
1. Giáo dục chính qui và không chính quy……..... 07
2. Học tập suốt đời, giáo dục suốt đời ……..…… 08
3. Xã hội học tập và xây dựng xã hội học tập ……..…….. 10
II. Xây dựng xã hội học tập với bốn trụ cột giáo dục thế kỷ 21 và các mục tiêu phát triển bền vững (SDG)……..... 12
1. Xã hội học tập và bốn trụ cột giáo dục thế kỷ 21…….. 12
2. Xây dựng xã hội học tập và các mục tiêu phát triển bền vững……..... 14
III. Các mô hình học tập suốt đời……..... 16
1. Một số mô hình học tập suốt đời trên thế giới…… 16
2. Mô hình học tập suốt đời ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030…….. 20
Chương 2. CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP…….. 28
I. Chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2005-2020…… 28
1. Chủ trương của Đảng về xây dựng xã hội học tập……. 28
2. Chính sách pháp luật của Nhà nước về xây dựng xã hội học tập……. 29
3. Kết quả thực hiện chính sách pháp luật của Nhà nước về xây dựng xã hội học tập……..... 29
II. Chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030……..……..…… 32
1. Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập..... 32
2. Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030…….…… 35
3. Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030"…….…… 35
Chương 3: HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP……..…… 41
I. Hướng dẫn chung…… 41
1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng xã hội học tập…… 41

2. Triển khai các hoạt động thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập..... 42
3. Bảo đảm các điều kiện cho việc thực hiện xây dựng xã hội học tập..... 42
4. Tăng cường sự tham gia và phối hợp của các lực lượng trong xã hội trong xây dựng, nhân rộng các mô hình học tập..... 43
II. Hướng dẫn cụ thể……..……. 45
1. Chỉ đạo công tác xây dựng xã hội học tập của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện……..……. 45
2. Tổ chức thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập của các sở, ban ngành liên quan..... 46
3. Phối hợp tổ chức thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và tổ chức xã hội…… 49
Chương 4: HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP……... 53
I. Hướng dẫn chung……... 53
II. Hướng dẫn đánh giá đơn vị học tập cấp tỉnh, cấp huyện…….. 54
1. Thực hiện tự đánh giá đơn vị học tập cấp huyện, cấp tỉnh như thế nào?..... 54
2. Ủy ban nhân dân huyện và Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra, đánh giá Đơn vị học tập cấp huyện, cấp tỉnh như thế nào?... 55
III. Hướng dẫn đánh giá "Cộng đồng học tập" cấp xã…… 57
1. Xã tổ chức tự đánh giá "Cộng đồng học tập" cấp xã như thế nào?..... 57
2. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" cấp xã như thế nào?..... 63
Chương 5: GIỚI THIỆU QUY TRÌNH XÉT KHEN THƯỞNG CHO CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN TIÊU BIỂU, XUẤT SẮC TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP……. 68
I. Quy định chung…….. 68
II. Quy định cụ thể……. 68
III. Tổ chức thực hiện…… 70
PHỤ LỤC……... 71
Phụ lục 1: MỘT SỐ THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM LIÊN QUAN ĐẾN HỌC TẬP SUỐT ĐỜI, XÃ HỘI HỌC TẬP ……. 71
Phụ lục 2: VĂN BẢN CHỈ ĐẠO ĐÁNH GIÁ CÁC MÔ HÌNH HỌC TẬP GIAI ĐOẠN 2021-2030……. 78
Phụ lục 3: KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG TRONG VIỆC XÂY DỰNG VÀ NHÂN RỘNG MÔ HÌNH HỌC TẬP ……. 109
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH..... 114

Chương 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HỌC TẬP SUỐT ĐỜI VÀ XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP

I. HỌC TẬP SUỐT ĐỜI, XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP VÀ MỘT SỐ THUẬT NGỮ, QUAN NIỆM LIÊN QUAN

Học tập suốt đời và xã hội học tập là những lĩnh vực có phạm vi bao phủ rộng, mang tính liên ngành, đa ngành, và có mối quan hệ chặt chẽ với các quá trình giáo dục, học tập cả trong và ngoài nhà trường. Có nhiều thuật ngữ, khái niệm có mối quan hệ với HTSĐ và XHHT, như học tập và giáo dục của người lớn, học tập chính qui, học tập không chính qui, học tập phi chính qui, giáo dục thường xuyên… (xin xem thêm Phụ lục 1 - Một số thuật ngữ, khái niệm liên quan đến HTSĐ, XHHT). Phần này đề cập tới hai thuật ngữ giáo dục chính qui và giáo dục không chính qui, với tư cách là hai trong số những trụ cột quan trọng, có tính bao trùm của HTSĐ và xây dựng XHHT, trước khi làm rõ về bản chất các quan niệm HTSĐ, XHHT và xây dựng XHHT.

1. Giáo dục chính quy và không chính quy

Giáo dục chính qui

Khái niệm ‘giáo dục chính qui’ (formal education) nói tới hệ thống giáo dục có tổ chức, được cấu trúc theo thứ bậc chặt chẽ, theo các năm học từ tiểu học cho đến đại học, bao gồm cả các chương trình giáo dục, đào tạo kĩ thuật và chuyên nghiệp toàn thời gian, và thường dẫn tới văn bằng, chứng chỉ. Giáo dục chính qui trong nhà trường là một trong những thành tố quan trọng của quá trình HTSĐ, xây dựng XHHT.

Giáo dục không chính qui

‘Giáo dục không chính qui’ (nonformal education) bao gồm các hoạt động giáo dục có tổ chức, được tiến hành bên ngoài hệ thống giáo dục chính qui, nhằm phục vụ các nhu cầu học tập khác nhau của nhiều nhóm đối tượng đa dạng trong xã hội, có thể dẫn tới hoặc không dẫn tới văn bằng, chứng chỉ.

Như vậy, giáo dục không chính qui (GDKCQ) bao gồm tất cả các chương trình giáo dục cho những đối tượng ngoài nhà trường, từ xoá mù chữ, sau xoá mù chữ, bổ túc văn hoá cho đến cao đẳng, đại học tại chức và các chương trình giáo dục không cấp lớp, giáo dục chuyên đề nhằm đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của mọi người dân trong cộng đồng như giáo dục dân số, đời sống gia đình, sức khoẻ, dinh dưỡng, kĩ năng sống,… Các chương trình GDKCQ có thể do nhiều đơn vị, lực lượng đa dạng trong xã hội như các ban, ngành, đoàn thể, dự án, các phương tiện thông tin đại chúng tiến hành... nhằm đáp ứng một cách linh hoạt nhu cầu học tập đa dạng của các nhóm thanh thiếu niên và người lớn khác nhau.

Ở Việt Nam, khái niệm GDKCQ được sử dụng theo phạm vi hẹp hơn, và thường được đồng nhất với giáo dục thường xuyên (GDTX), chủ yếu gồm các chương trình giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lí, chỉ đạo (như chương trình xóa mù chữ, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, bổ túc văn hóa, chương trình giáo dục tương đương trong các Trung tâm GDTX, chương trình đáp ứng nhu cầu người học…), phần lớn hướng đến các nhóm đối tượng không có điều kiện đi học hoặc phải bỏ học hệ chính quy (xin xem thêm về các khái niệm khác liên quan đến HTSĐ và XHHT trong Phụ lục 1).

Với những đặc điểm và tính chất như trên, có thể thấy cả GDCQ và GDKCQ đều là những thành tố quan trọng đóng góp vào quá trình xây dựng XHHT và thúc đẩy mỗi cá nhân, tổ chức tham gia HTSĐ.

2. Học tập suốt đời, giáo dục suốt đời

HTSĐ không đơn thuần nói đến một hoạt động cụ thể của mỗi cá nhân hay tổ chức, mà còn hàm ý một tư tưởng, một triết lí về việc học: Học tập là cả một quá trình liên tục, năng động, xuyên suốt mọi giai đoạn, mọi lứatuổi trong đời mỗi con người, nhằm phục vụ cho nhu cầu của cá nhân, giađình, đồng thời đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.

HTSĐ là xu thế phát triển tất yếu ở hầu hết các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Kiến thức học trong nhà trường chính quy, kể cả đại học, sau đại học không đủ để dùng trong suốt cuộc đời. Để sống, làm việc và tồn tại trong thời đại ngày nay, học thường xuyên, học suốt đời là cần thiết và cấp bách. Học tập ngày nay không chỉ diễn ra một lần, trong một giai đoạn nào đó, mà diễn ra trong suốt cuộc đời dưới nhiều hình thức, phương thức khác nhau: chính qui, không chính qui và phi chính qui. Việc học một lần trong đời hoặc chỉ học chính qui chỉ thích hợp với xã hội khép kín, ít thay đổi. Trong thời đại ngày nay, ranh giới giữa học tập và lao động ngày càng mờ dần, giữa thời gian học và thời gian làm việc không còn sự phân biệt rạch ròi: vừa làm, vừa học, học thông qua công việc, học để làm việc ngày càng hiệu quả hơn.

Theo định nghĩa của UNESCO: *HTSĐ bao gồm tất cả các hoạt động học tập xuyên suốt cuộc sống của một cá nhân từ khi chào đời đến lúc lìa đời, được thực hiện dưới hình thức GDCQ, không chính quy và phi chính quy. Nói cách khác, HTSĐ là việc học dưới bất kể hình thức nào diễn ra trong suốt cuộc đời mỗi người, từ lúc mới sinh cho tới khi về già.*

Trong bối cảnh mới của thời đại, HTSĐ thế kỉ XXI có nhiều thay đổi, nhiều đặc trưng mới, trong đó phải kể tới 3 đặc trưng cơ bản sau đây:

Một là, HTSĐ thế kỉ XXI là nhu cầu của tất cả mọi người, ở mọi độ tuổi, chứ không chỉ là nhu cầu của một số người hay ở một độ tuổi nhất định nào đó.

*Hai là, mục đích HTSĐ thế kỉ XXI có nhiều thay đổi - ngày càng đi theo hướng hành dụng và thiết thực hơn***.** HTSĐ ngày nay *không phải vì mục đích tự thân, không phải chỉ*

để biết, chỉ để có bằng cấp, chứng chỉ. HTSĐ ngày nay chủ yếu học để có kiến thức, có năng lực thực sự, để đáp ứng "nhu cầu cần gì học nấy", học để làm việc, kiếm sống, để có thể tồn tại/thích nghi trong một xã hội luôn thay đổi và để có thể cùng chung sống trong gia đình, cộng đồng trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập; *học để nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống của bản thân, gia đình và cộng đồng***.** HTSĐ phải có tác dụng thực sự đối với mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Ba là, HTSĐ thế kỉ XXI có phạm vi bao phủ rộng, được hiểu là bất cứ quá trình, hoạt động nào đem lại sự thay đổi về kiến thức, kĩ năng, thái độ và hành vi của cá nhân. HTSĐ có thể diễn ra ra ở mọi lúc, mọi nơi, dưới nhiều nội dung, hình thức và phương thức khác nhau miễn là đem lại sự thay đổi về kiến thức, kĩ năng, thái độ và hành vi của cá nhân. HTSĐ có thể diễn ra trong trường/ lớp, tại gia đình, tại nơi làm việc, tại thư viện, bảo tàng, nhà văn hoá, qua tham quan, xem triễn lãm … HTSĐ có thể diễn ra qua cuộc sống, qua lao động thực tiễn, qua giao tiếp, trao đổi, qua đọc sách, báo, nghe đài, xem tivi, qua mạng, qua các buổi họp, các buổi sinh hoạt nhóm, câu lạc bộ, các buổi nói chuyện, các buổi mít tinh, v.v... HTSĐ có thể có hoặc không có sự hướng dẫn; có hoặc không có mục đích trực tiếp đến việc học tập; có hoặc không có kế hoạch - miễn là hoạt động đó đem lại sự thay đổi về kiến thức, kĩ năng, thái độ và hành vi của cá nhân. Như vậy, HTSĐ không có nghĩa chỉ là đi học, chỉ là đến một ngôi trường, một lớp học cụ thể, không có nghĩa chỉ đi học cao đẳng, đại học hay học nghề.

Với sự phát triển của khoa học kĩ thuật và sự hỗ trợ của công nghệ hiện nay, mọi người có thể học tập gần như mọi nơi, mọi lúc, trong mọi điều kiện hoàn cảnh. Nói cách khác, các khía cạnh nội dung, phương thức, phương tiện, địa điểm, thời gian… trong HTSĐ đều rất linh hoạt và đa dạng.

- *Nội dung HTSĐ thế kỉ XXI ngày càng phong phú,* không chỉ học chữ, học văn hoá, học đại học, mà chủ yếu học kiến thức, học nghề, học kĩ năng sống cần thiết để làm việc, tồn tại và nâng cao chất lượng cuộc sống của bản thân, gia đình và cộng đồng.
- *Phương thức HTSĐ thế kỉ XXI ngày càng mềm dẻo, linh hoạt*: học tập trung – học tại chức; học chính quy – học không chính quy – học phi chính quy; học trực tiếp tại lớp – học từ xa (trực tuyến/e-learning, học qua đài, tivi; tự học có hướng dẫn…
- *Phương tiện HTSĐ ngày càng đa dạng, hiện đại và thuận tiện* nhờ sự phát triển mạnh mẽ của KHKT-CN, đặc biệt là công nghệ thông tin.
- *Địa điểm HTSĐ có thể là bất cứ nơi nào*, không chỉ ở trường lớp, ở các cơ sở giáo dục hay ở TTHTCĐ. HTSĐ có thể diễn ra tại các thiết chế văn hóa-giáo dục khác, qua các buổi tham quan, du lịch, nói chuyện, tọa đàm ngẫu nhiên, qua các hoạt động lao động sản xuất, vui chơi, văn hóa, thể dục thể thao; tại cơ quan, tại nhà, …

- *Thời gian HTSĐ là bất cứ lúc nào* miễn là thuận tiện, phù hợp với thời gian và công việc của từng cá nhân.

Với quan niệm rộng như vậy về HTSĐ thì việc xây dựng được mô hình "Gia đình học tập", "Dòng họ học tập" và "Cộng đồng học tập", "Thành phố học tập" nói riêng và xây dựng XHHT nói chung mới trở thành hiện thực. Ngược lại, nếu chỉ khuyến khích, công nhận những người đến trường, đến lớp, đi học cao đẳng, đại học và chỉ những người đến học chuyên đề tại TTHTCĐ thì việc bảo đảm cho tất cả mọi người được HTSĐ sẽ khó khăn và không khả thi về cơ sở vật chất (trường, lớp …), về kinh phí tổ chức lớp, cũng như về đội ngũ báo cáo viên/giảng viên.

Từ phạm vi HTSĐ rộng lớn và nội dung HTSĐ đa dạng như vậy, đồng thời diễn ra trong suốt cuộc đời**,** việc *tạo cơ hội HTSĐ không chỉ là trách nhiệm của ngành giáo dục*, mà là trách nhiệm của toàn xã hội, của tất cả các lực lượng, các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, của gia đình và cộng đồng. Kinh nghiệm của các nước trong khu vực và trên thế giới, kể cả các nước có kinh tế phát triển cho thấy không một ngành nào, tổ chức nào có thể đủ sức tạo các cơ hội học tập đa dạng như vậy cho tất cả mọi người, trong suốt cuộc đời.

Giáo dục suốt đời

Một khái niệm đôi khi được dùng với ý nghĩa tương tự hoặc thay thế cho HTSĐ là 'giáo dục suốt đời' (GDSĐ). GDSĐ có một số điểm tương đồng với HTSĐ ở khía cạnh nhấn mạnh vào tính chất thường xuyên, liên tục, mọi nơi, mọi lúc của việc học, hoặc ở vai trò, tác động của học tập trong suốt đời người… Tuy nhiên, nếu như HTSĐ chú trọng tới vị trí trung tâm, chủ động của người học, thì GDSĐ quan tâm hơn đến vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân… cung cấp cơ hội và môi trường, điều kiện học tập cho người học. HTSĐ chủ yếu là quá trình và trải nghiệm mang tính cá nhân, hướng đến sự tiến bộ và phát triển của cá nhân, còn GDSĐ hàm ý quá trình tổ chức học tập – đào tạo, các mục tiêu, sự thay đổi… mang tính thể chế và vĩ mô của nhà cung cấp giáo dục, hướng tới đạt được những mục đích lớn lao cho cả một cộng đồng, xã hội[1]. Như vậy, để mỗi người có thể HTSĐ một cách thuận lợi, thì cần có các tổ chức, thể chế GDSĐ sẵn sàng cung cấp các cơ hội học tập phù hợp nhất cho mọi người học.

3. Xã hội học tập và xây dựng xã hội học tập

XHHT và xây dựng XHHT là vấn đề ngày càng được đề cập rộng rãi ở Việt Nam trong những năm gần đây, nhất là sau Đại hội IX (2001). Tuy nhiên, ý tưởng về XHHT đã được UNESCO nêu lên lần đầu tiên từ đầu những năm 70 thế kỉ XX trong báo cáo nổi tiếng "Học tập để tồn tại" (1972) của Faure.

[1] Theo "Phân biệt HTSĐ và GDSĐ", S. Billett, Tạp chí Adult Learning, Knowledge and Innovation, 2 (1), 2018.

Một xã hội được coi là XHHT bao gồm rất nhiều đặc trưng, tiêu chí, trong đó có 3 đặc trưng cơ bản sau đây:

Trước hết đó là xã hội trong đó *mọi người đều học, học thường xuyên, học suốt đời dưới nhiều hình thức và phương thức khác nhau*. "*Mọi người đều học*" không có nghĩa là "*Mọi người đều đến trường, đến lớp*". "*Mọi người đều học*" không có nghĩa là "*Mọi người đều đi học cao đẳng hoặc đại học*". Để có thể HTSĐ mỗi người cần phải có kỹ năng tự học, tự tìm kiếm thông tin, tri thức bằng nhiều hình thức, phương thức khác nhau, chứ không chỉ có nhu cầu, ham muốn học tập, chỉ có thái độ hiếu học, tôn trọng sự học.

Tuy nhiên, nếu nói về XHHT chỉ với đặc trưng là "Mọi người học, học thường xuyên, học suốt đời", hoặc chú ý tới học tập chính quy trong trường/lớp hoặc tại các cơ sở giáo dục khác thì chưa đầy đủ. Đây mới chỉ là một trong các đặc trưng, tiêu chí quan trọng của một XHHT.

XHHT còn là một xã hội *tạo điều kiện thực sự cho mọi người có cơ hội được HTSĐ,* một xã hội có *sự cam kết chính trị* của các cấp lãnh đạo; có cơ sở pháp lý và các chính sách khuyến khích HTSĐ cụ thể, phù hợp; có cơ sở hạ tầng và các phương tiện phong phú phục vụ cho HTSĐ và đặc biệt có sự tham gia, vào cuộc, cùng làm giáo dục, cùng có trách nhiệm tạo cơ hội HTSĐ khác nhau cho mọi người của toàn xã hội, của tất cả các ban ngành, đoàn thể, tổ chức, doanh nghiệp, các chương trình, dự án, của gia đình, dòng họ, cộng đồng và của tất cả mọi người. Ở đây muốn nhấn mạnh sự *"cùng tham gia", "cùng có trách nhiệm",* chứ không phải chỉ là sự ủng hộ, hỗ trợ ngành giáo dục. Thiếu đặc trưng quan trọng này thì sẽ không thể nào hình thành được một XHHT thực sự.

Cuối cùng, một xã hội được công nhận là một XHHT phải là *một xã hội phát triển bền vững, có sự phát triển cân đối và hài hòa về kinh tế, văn hóa-xã hội và bảo vệ môi trường*. HTSĐ phải có tác dụng thực sự đối với cải thiện chất lượng cuộc sống của bản thân người học, của gia đình người học và của cộng đồng nơi người học sống và làm việc. XHHT mà trong đó mọi người đều HTSĐ không thể là xã hội không có sự tăng trưởng về kinh tế, còn nhiều người mù chữ, thất học, còn nhiều dịch bệnh, còn nhiều tệ nạn xã hội; còn bất bình đẳng giới; còn bạo lực gia đình, trẻ em; môi trường bị khai thác cạn kiệt, bị ô nhiễm v.v...

Tóm lại, XHHT là:

- Một xã hội trong đó *mọi người đều học, học thường xuyên, học suốt đời dưới nhiều hình thức và phương thức khác nhau*.
- Một xã hội *tạo điều kiện thực sự cho mọi người có cơ hội được HTSĐ* (Cơ sở pháp lý; Chính sách; Cam kết chính trị; Cơ sở hạ tầng, phương tiện, tài liệu …)

- Một xã hội *phát triển bền vững, cân đối và hài hòa về kinh tế, văn hóa-xã hội và môi trường.*

Như vậy, xây dựng XHHT chính là quá trình huy động mọi nguồn lực, tiềm năng của xã hội để bảo đảm cơ hội học tập thường xuyên, suốt đời cho mọi người; tạo điều kiện về mọi mặt như khung pháp lý, chính sách, cơ sở hạ tầng, tài liệu… và có cơ chế khuyến khích để ai cũng có thể học mọi nơi, mọi lúc; và bảo đảm sự phát triển bền vững, hài hòa của tất cả các phương diện kinh tế, văn hóa – xã hội và môi trường. Đồng thời, xây dựng XHHT không phải là một đích đến cố định, mà là quá trình liên tục với các giai đoạn khác nhau, đòi hỏi định hướng nhất quán, sự phấn đấu, nỗ lực bền bỉ và lâu dài của tất cả các thành phần liên quan.

II. XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP VỚI BỐN TRỤ CỘT GIÁO DỤC THẾ KỶ 21 VÀ CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (SDG)

1. Xã hội học tập và bốn trụ cột giáo dục thế kỷ 21

Xây dựng XHHT có mối quan hệ chặt chẽ với việc hiện thực hóa các trụ cột giáo dục của thế kỷ 21 mà báo cáo "Học tập – kho báu nội tại" của Delors (1996) đã khẳng định. Các chương trình học tập của GDCQ, không chính quy và phi chính quy đều thể hiện ở 4 trụ cột giáo dục trong thế kỷ 21[2], đó là:

Học để biết

Học để biết có thể coi vừa là phương tiện, vừa là kết quả của quá trình học tập trong cuộc sống. Với vai trò là phương tiện, những tri thức tiếp thu được trong học tập sẽ giúp cho cá nhân có thêm hiểu biết mới về bản thân, cuộc sống, môi trường xung quanh, biết sống vui vẻ, hữu ích hơn, biết cách làm việc hiệu quả hơn. Với vai trò là kết quả, những tri thức và lợi ích có được qua học tập giúp cho con người ngày càng tăng hứng thú với việc học hỏi, tạo thêm động lực để học tập, khám phá.

Những người lớn quan tâm đến sự tích lũy kiến thức và kỹ năng hoạt động thông qua học để biết thường có sự phát triển hứng thú nghiên cứu, khám phá, năng lực phê phán và đánh giá độc lập. Tuy nhiên, tri thức ngày càng đa dạng và ngày càng phong phú, lại luôn luôn phát triển nên ý tưởng học để biết tất cả sẽ không thể nào thành hiện thực. Do vậy, học để biết cần tập trung vào những kiến thức chung nhất, liên quan nhất đến cuộc sống và công việc của chính mình, đồng thời cũng cần có hiểu biết đủ để đi sâu và phát triển hơn nữa về chuyên môn - nghiệp vụ.

Học để làm

Học để biết thường gắn kết với học để làm, nhưng học để làm gắn chặt hơn với vấn đề đào tạo nghề nghiệp, đến khả năng biến kiến thức thành kĩ năng cụ thể, phục vụ cho

[2] Theo báo cáo của Delors: Learning – the treasure within (UNESCO, 1996)

công việc. Trong một xã hội tri thức, học để làm là việc tiếp nhận kiến thức mới, chuyển hóa những kiến thức đó thành kết quả cụ thể thông qua các sản phẩm, dịch vụ, hay sáng kiến có giá trị để tạo ra việc làm mới cho chính mình, cho người khác.

Trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, yếu tố thông tin và tri thức luôn được coi trọng. Những tiến bộ của kỹ thuật, sự ứng dụng công nghệ đòi hỏi con người phải thay đổi kỹ năng lao động, chủ yếu là phải có những kỹ năng trí tuệ trong điều khiển quá trình lao động, sản xuất. Máy móc ngày càng thông minh thì lao động chân tay ngày càng giảm đi, lao động trí tuệ ngày càng gia tăng. Học để làm trong điều kiện đó không chỉ là làm tăng thêm kiến thức và kỹ năng lao động, mà còn phải học để giao tiếp tốt hơn, hợp tác trong công việc với người khác nhịp nhàng hơn, hình thành được năng lực quản lý và giải quyết xung đột trong công việc cũng như cuộc sống nói chung.

Học để cùng chung sống

Thế giới ngày càng phát triển, sự đa dạng ngày càng mở rộng ở nhiều chiều kích phức tạp hơn. Mặc dù mỗi đất nước đều coi trọng hòa bình của nhân loại, song thực tiễn cho thấy giữa các cộng đồng, các quốc gia vẫn còn tồn tại bất ổn, xung đột, và bạo lực. Điều này đòi hỏi mỗi cá nhân phải biết tôn trọng sự khác biệt, học được cách chung sống hòa hợp với người khác, biết xử lý mâu thuẫn và xung đột mà không cần sử dụng bạo lực.

Vì vậy, giáo dục phải hướng tới giải quyết các quan hệ xã hội bằng các giải pháp phi bạo lực, xây dựng những môi trường xã hội nhân văn, các quan hệ bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau giữa con người với con người. Mỗi con người cần được học để hiểu và trân trọng giá trị của sự khoan dung, sự đa dạng, biết chấp nhận và khai thác điểm mạnh của sự khác biệt. Học để cùng chung sống không chỉ hướng tới xây dựng các cộng đồng thân thiện, lành mạnh, mà còn nhằm mục đích hóa giải xung đột, tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa các cá nhân, các nền văn hóa.

Học để làm người

Có thể hiểu đây là ý tưởng nói về mục tiêu học tập để phát triển mọi năng lực thể chất và tinh thần, tạo ra sự phát triển hài hòa giữa tính cách, phẩm chất mỗi con người với năng lực của họ, nhằm xây dựng một nhân cách có trình độ trí tuệ, tư duy phản biện và sáng tạo, tính nhạy cảm và tính thích ứng với hoàn cảnh bên ngoài luôn thay đổi, năng lực thẩm mỹ, tinh thần trách nhiệm, ý thức tôn trọng pháp luật, …

Bốn trụ cột trên của giáo dục trong thế kỷ 21 không tồn tại độc lập mà có mối liên hệ mật thiết, tác động qua lại. Đây cũng có thể coi là những thành tố quan trọng của một XHHT – nơi mọi công dân, mọi thành phần, tổ chức đều hướng tới và coi trọng việc học.

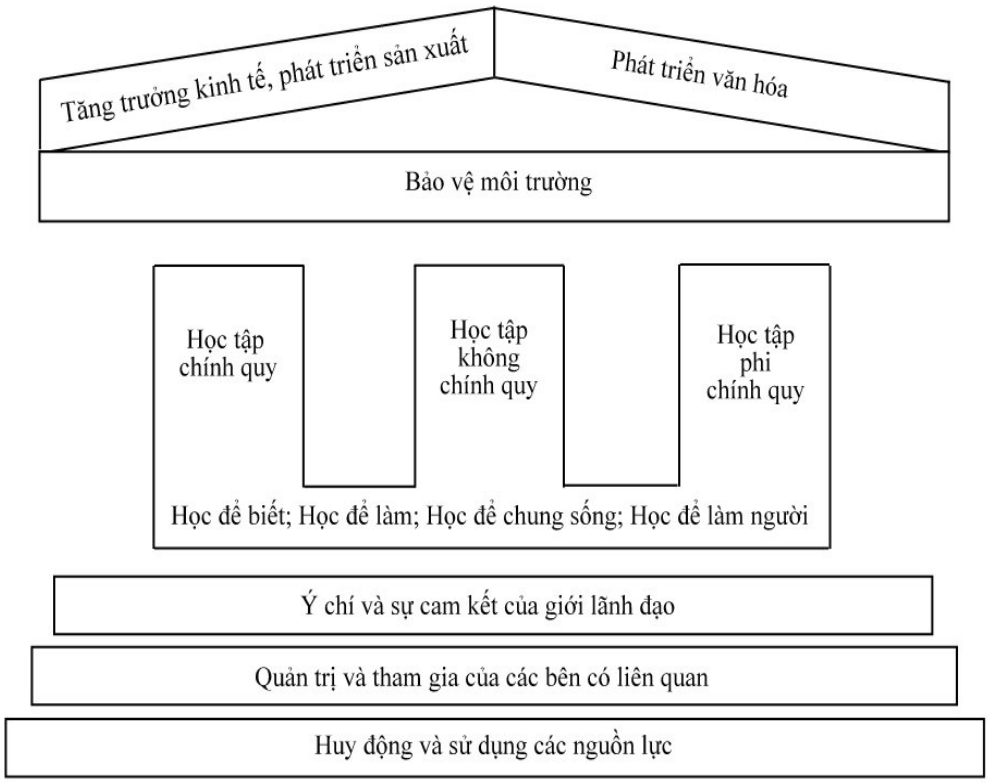

Ghi chú:

Phần mái nhà: Tác dụng, lợi ích của việc HTSĐ

Phần cột nhà: Các hình thức học và nội dung học

Phần nền móng ngôi nhà: Những điều kiện để xây dựng XHHT

2. Xây dựng xã hội học tập và các mục tiêu phát triển bền vững

Chương trình Nghị sự 2030 với 17 mục tiêu phát triển bền vững chính thức được thông qua ngày 25/9/2015 tại Hội nghị thượng đỉnh Liên Hợp Quốc với sự tham dự của 193 nước thành viên. Chương trình Nghị sự 2030 có độ bao phủ chính sách phổ quát, rộng lớn, toàn diện, với mục tiêu hoàn tất công việc dang dở của Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ và Chương trình Nghị sự 21 để bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau.

Quá trình xây dựng XHHT là quá trình phức hợp, không chỉ là nhiệm vụ riêng của ngành giáo dục mà bao gồm sự tham gia, liên kết của tất cả các thành phần, ngành nghề khác nhau trong xã hội để cùng hương tới một mục đích chung là các cộng đồng thịnh vượng, luôn sẵn sàng học hỏi, chuyển đổi để tiến bộ hơn một cách bền vững nhất. Như vậy, có thể khẳng định xây dựng XHHT ở mỗi quốc gia đều gắn liền với 17 mục tiêu phát triển bền vững – đặc biệt là mục tiêu số 4 về giáo dục. Mục tiêu số 4 (SDG4) được diễn đạt như sau: "bảo đảm một nền giáo dục hoà nhập, bình đẳng và chất lượng, và thúc đẩy các cơ hội HTSĐ cho tất cả mọi người".

Mục tiêu SDG4 về giáo dục gồm 7 mục tiêu thành phần và 3 giải pháp thực hiện:

4.1: Đến năm 2030, đảm bảo tất cả bé gái và bé trai hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học và trung học có chất lượng, bình đẳng một cách miễn phí, nhằm đạt được kết quả có hiệu quả tốt.

4.2: Đến năm 2030, đảm bảo tất cả bé trai và gái được tiếp cận giáo dục mầm non và giáo dục tiền tiểu học có chất lượng, chuẩn bị sẵn sàng cho các em vào Tiểu học.

4.3: Đến năm 2030, đảm bảo tất cả phụ nữ và nam giới đều có quyền tiếp cận một cách bình đẳng tới giáo dục kĩ thuật, dạy nghề có chất lượng, kể cả ở bậc Đại học.

4.4: Đến năm 2030, tăng đáng kể số thanh niên và người lớn có kĩ năng liên quan, kể cả kĩ năng nghề và kĩ thuật đủ để gia nhập thị trường lao động, có việc làm thỏa đáng và tham gia kinh doanh.

4.5: Đến năm 2030, xóa bỏ bất bình đẳng giới trong giáo dục, đảm bảo sự tiếp cận giáo dục một cách bình đẳng ở mọi cấp độ và đào tạo nghề các đối tượng dễ bị tổn thương bao gồm cho người khuyết tật, người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng bản địa và trẻ em ở các hoàn cảnh khó khăn.

4.6: Đến năm 2030, đảm bảo tất cả các thanh niên và một tỷ lệ đáng kể người lớn gồm cả nam và nữ đạt được trình độ XMC.

4.7: Đến năm 2030, đảm bảo tất cả người học đạt được kiến thức và kỹ năng cần thiết để thúc đẩy phát triển bền vững thông qua giáo dục về sự phát triển bền vững và các lối sống bền vững, về quyền con người, bình đẳng giới, thúc đẩy một nền văn hóa hòa bình và không bạo lực, về công dân toàn cầu và tôn vinh sự đa dạng của văn hóa và sự đóng góp của văn hóa vào việc phát triển bền vững.

Các giải pháp thực hiện bảy mục tiêu thành phần trên bao gồm ba giải pháp liên quan đến bảo đảm cơ sở giáo dục cho nhóm người học yếu thế như trẻ em, người khuyết tật; tăng học bổng toàn cầu dành cho các quốc gia/vùng lãnh thổ kém phát triển và đang phát triển; và tăng nguồn cung giáo viên có trình độ.

Bên cạnh đó, xây dựng XHHT còn liên quan đến nhiều mục tiêu SDG khác như: xóa nghèo (SDG1), xóa đói (SDG2), cuộc sống khỏe mạnh (SDG3), bình đẳng giới (SDG5), nước sạch và vệ sinh (SDG6), năng lượng sạch và bền vững (SDG7), việc làm và tăng trưởng kinh tế (SDG8), giảm bất bình đẳng (SDG10) … - các mục tiêu này đều là đích đến, là tác động mong muốn của một XHHT. Mặt khác, việc thực hiện thành công các mục tiêu SDG trên cũng chính là góp phần xây dựng nên một XHHT theo định hướng phát triển bền vững.

Như vậy, quá trình xây dựng XHHT của mỗi quốc gia cũng đồng thời là quá trình cụ thể hóa, hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc, đặc biệt là mục tiêu số 4 về giáo dục. Nói cách khác, xây dựng XHHT và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững là hai lĩnh vực có mối quan hệ tương hỗ, gắn bó mật thiết, cùng nhằm đạt được mục tiêu chung về một xã hội thịnh vượng, tri thức, văn minh, sẵn sàng thích ứng với mọi thay đổi để phát triển bền vững.

III. CÁC MÔ HÌNH HỌC TẬP SUỐT ĐỜI

1. Một số mô hình học tập suốt đời trên thế giới

1.1. Mô hình công dân học tập

Xu hướng chung trong việc tìm mô hình CDHT ở nhiều quốc gia là xác định được những *năng lực cốt lõi* nhất thiết phải có để con người thích ứng được những đòi hỏi trong xã hội hiện đại. Người ta chọn lọc những năng lực cần thiết, không quá nhiều để khỏi tạo nên mẫu người rất đẹp nhưng không thực hiện được.

Singapore chọn mô hình với các năng lực cốt lõi mà quốc gia này cho là cần có ở thế kỷ XXI như sau:

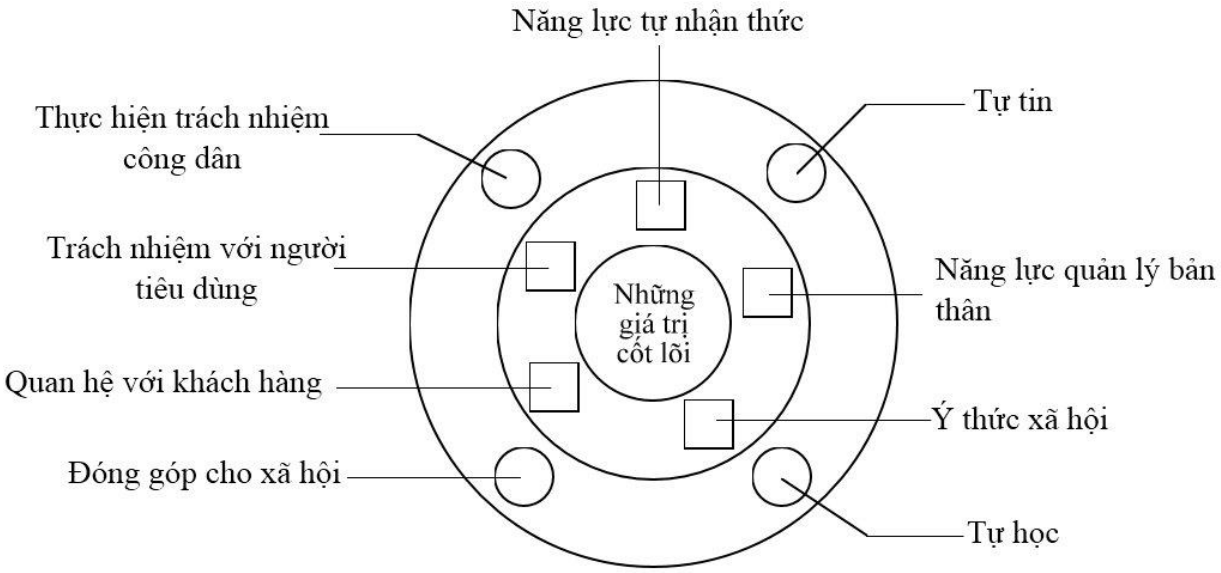

Hình 3. Mô hình CDHT của Singapore

(Nguồn: Những năng lực thế kỷ XXI, Bộ Giáo dục Singapore, 2014)

Để tạo ra CDHT như vậy, Singapore có một khẩu hiệu xây dựng XHHT độc đáo*: "Nhà trường tư duy, quốc gia học tập"*

Trong khi đó, các nước khối OECD lại tìm kiếm và xác định những năng lực chủ đạo như sau:

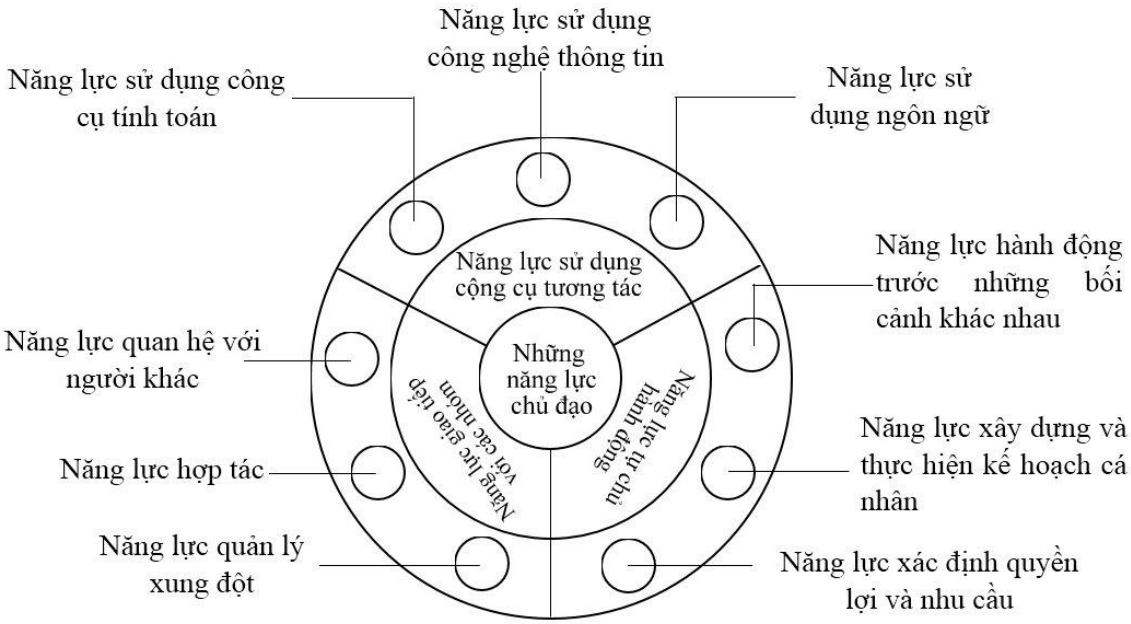

Hình 4. Mô hình CDHT khối OECD

(Nguồn: Xác định và lựa chọn những năng lực cốt lõi, OECD, 2005)

Canada, lại đưa ra một cách nhìn nhận và xác định những năng lực cần cho công dân của họ theo hình dưới đây:

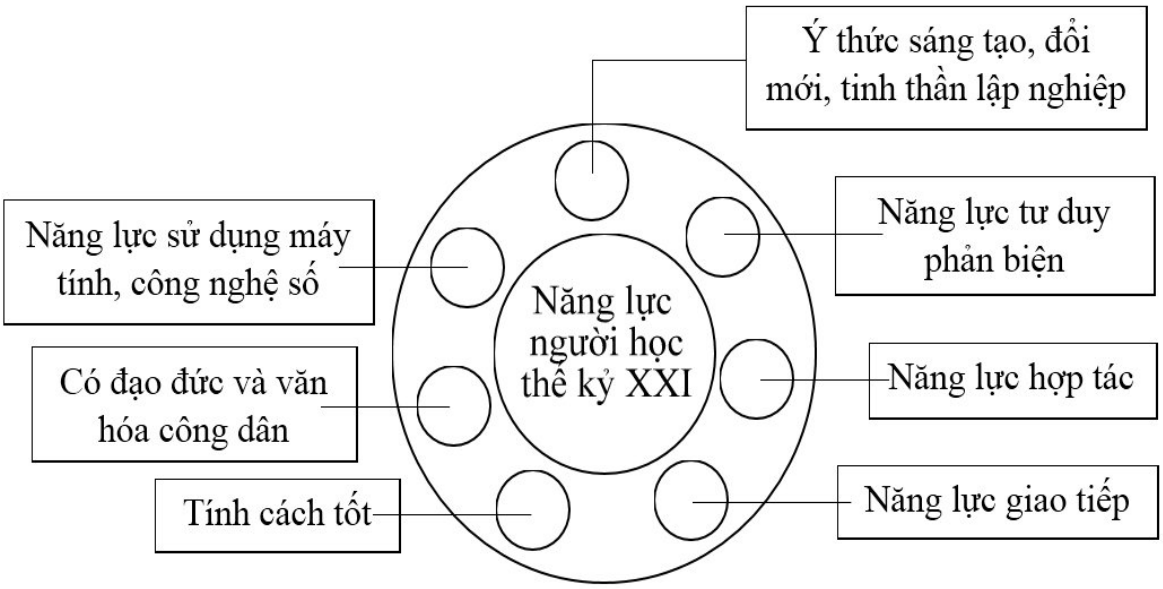

Hình 5. Mô hình CDHT của Canada

(Nguồn: Tầm nhìn thế kỷ 21 về giáo dục cộng đồng Canada, 2012)

1.2. Mô hình tổ chức/đơn vị học tập

Về thực chất, đơn vị học tập chính là những tổ chức học tập được xây dựng trước hết trong các doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất. Đây không phải là trào lưu nhất thời, mà là một xu hướng lôi cuốn ngày càng nhiều tổ chức, doanh nghiệp, trường học, những tổ chức xã hội tiến dần đến việc HTSĐ để các thành viên học được những kiến thức, kĩ năng để phục vụ tốt hơn cho công việc của chính mình. Nếu như trước đây trong các công ty, trường học, tổ chức xã hội, cơ quan hành chính - sự nghiệp thường có những bộ phận phụ trách đào tạo, hiện nay đã và đang chuyển dần sang bộ phận "Học tập và Phát triển" (Learning and Development). Bộ phận này không chỉ tổ chức các khóa đào tạo hay những chương trình để tăng phúc lợi, mà còn nhiều chương trình khác về giáo dục, y tế, gia đình, chăm sóc con cái, tài chính, văn hóa… Việc học này luôn đi đôi với làm, khuyến khích người học phát triển những năng lực, những kỹ năng, nhưng, tất nhiên việc học vì công việc của tổ chức vẫn là mục tiêu cơ bản.

Một tổ chức học tập (đơn vị học tập) bao giờ cũng hướng việc học vào việc kiến tạo chính tương lai của nó, giúp cho những thành viên phát triển, đồng thời làm tổ chức luôn thích nghi và đáp ứng với những nhu cầu và khát vọng của người trong và ngoài tổ chức (Navran Associates Newsletter,1993).

Tổ chức học tập luôn tìm cách làm cho nhân viên của mình được tự do. Họ sẽ không là biến phụ thuộc của một phương trình, mà là người cải tạo môi trường làm việc, thúc đẩy

môi trường nơi người ta làm việc "*tạo ra những kết quả mà họ thực lòng muốn có";* Họ học cách *học cùng nhau* vì sự tốt đẹp của toàn thể (Rheem, 1995).

Cái khái niệm Đơn vị học tập được lý giải qua khái niệm tương đồng "Tổ chức học tập" trên đây. Chúng ta sẽ qua đó hiểu "Đơn vị học tập" có giá trị thế nào khi nó được tổ chức tại cơ quan, công sở, doanh nghiệp, bệnh viện, hợp tác xã, tổ chức quân đội và công an.

Theo Peter Senge , đơn vị học tập có 5 đặc trưng:

- Làm chủ bản thân (Personal mastery) để việc học trở thành thói quen;
- Tư duy hệ thống (Systems thinking) để định hướng việc học tập;
- Xây dựng các nhóm học tập (Team learning) để hợp tác và chia sẻ tri thức;
- Xây dựng tầm nhìn chung (Building shared vision) để xây dựng chiến lược phát triển.
- Tạo ra mô hình tinh thần (Mental models) để có được không gian dân chủ và đoàn kết.

1.3. Mô hình thành phố học tập của UNESCO

Các thành phố học tập trong mạng lưới thành phố học tập do UNESCO điều hành được xây dựng theo một bộ tiêu chí gồm 42 khoản mục. Trong hướng dẫn các quốc gia đăng ký xây dựng thành phố học tập, UNESCO đưa ra mô hình sau:

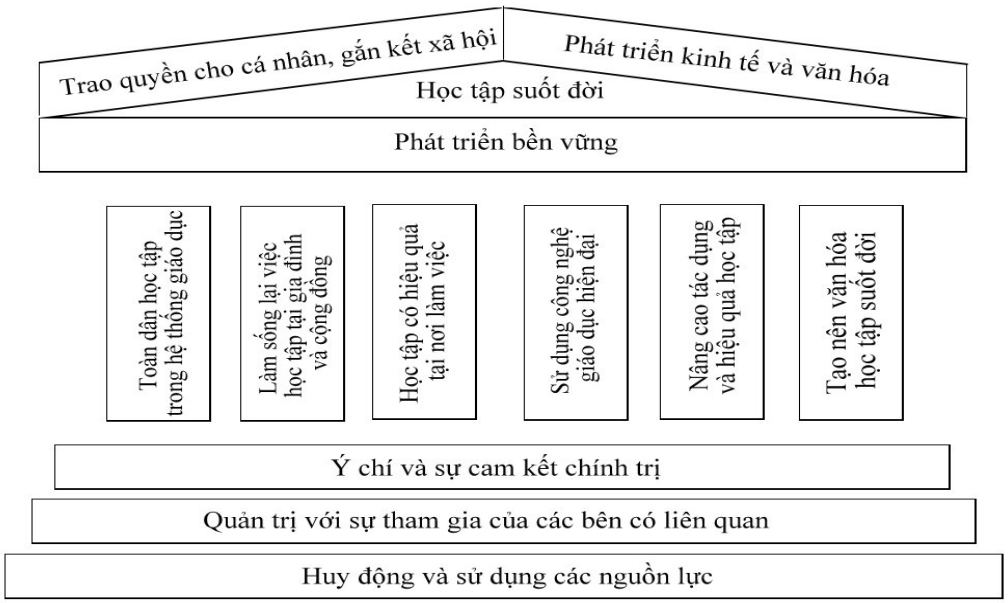

Hình 6. Mô hình thành phố học tập của UNESCO

Tư tưởng chủ đạo ở đây là trao quyền cho từng người dân với hàm ý việc HTSĐ sẽ phát triển được những năng lực sáng tạo của con người trên cơ sở cung ứng kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ cần thiết của con người đối với xã hội. Nội dung cơ bản trong khái niệm trao quyền là để người dân có đủ sức giải quyết những vấn đề về đời sống kinh tế và xã hội, dự báo được những khó khăn mà họ phải đương đầu và đối mặt được với những thách thức mới.

2. Mô hình học tập suốt đời ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030

Theo Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12/12/2014, cộng đồng học tập cấp xã là một mô hình HTSĐ ở cấp cơ sở, có liên quan tới hoạt động của tất cả các tổ chức, đơn vị ở cấp hành chính xã/phường/thị trấn. Mô hình Đơn vị học tập trực thuộc địa bàn huyện/tỉnh được qui định tại Thông tư số 22/2020/TT-BGDĐT ngày 06/8/2020 của Bộ GDĐT.

Tại Quyết định số 244/QĐ-KHVN ngày 28/7/2022 và Quyết định số 242/QĐ-KHVN ngày 28/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Khuyến học về ban hành Bộ tiêu chí và hướng dẫn đánh giá một số mô hình HTSĐ, các mô hình Công dân học tập, Gia đình học tập, Dòng họ học tập, Cộng đồng học tập ở thôn bản/tổ dân phố, và Đơn vị học tập trên địa bàn cấp xã đã được mô tả và hướng dẫn triển khai đánh giá.

Như vậy, tại thời điểm hiện tại, các mô hình HTSĐ chủ yếu của Việt Nam gồm: *Công dân học tập, Gia đình học tập, Dòng họ học tập, Cộng đồng học tập ở thôn bản/ tổ dân phố, Đơn vị học tập trên địa bàn cấp xã, Đơn vị học tập trực thuộc địa bàn huyện/tỉnh, và Cộng đồng học tập cấp xã.*

2.1. Công dân học tập

Công dân học tập là yếu tố cốt lõi của mọi mô hình học tập khác, bởi việc học trước hết đều phải xuất phát từ cá nhân mỗi thành viên của gia đình, đơn vị, cộng đồng, xã hội – với tư cách một công dân có trách nhiệm với sự tiến bộ của chính mình.

Theo hướng dẫn đánh giá công dân học tập tại Quyết định số 244/QĐ-KHVN ngày 28/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam, công dân học tập cần có những năng lực cơ bản sau:

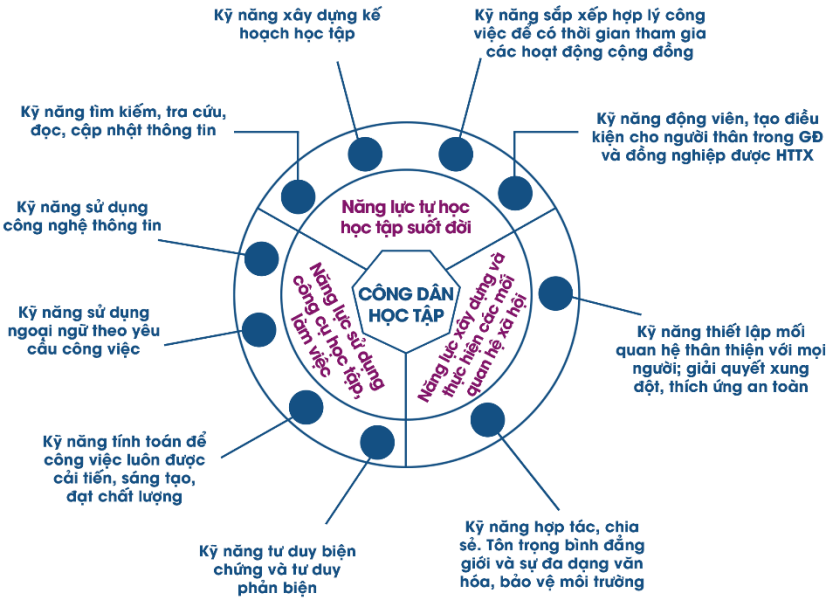

2.2. Gia đình học tập

Gia đình là hạt nhân không thể thiếu tạo nên sức mạnh của mỗi một cộng đồng, xã hội. Vì vậy, việc xây dựng các gia đình học tập sẽ tạo nền móng vững chắc cho mọi nỗ lực khác trong việc nhân rộng, triển khai các mô hình học tập ở những qui mô khác nhau để đóng góp vào việc xây dựng một XHHT. Phong trào xây dựng gia đình học tập đã được Hội Khuyến học Việt Nam và các đơn vị liên quan tích cực triển khai qua hai giai đoạn (2014-2015 – giai đoạn thí điểm, và 2016-2020 – giai đoạn đại trà), và đạt được kết quả tích cực, thúc đẩy động cơ, nỗ lực học tập của người dân ngay từ phạm vi gia đình.

Các tiêu chí để xác định một gia đình học tập gồm:

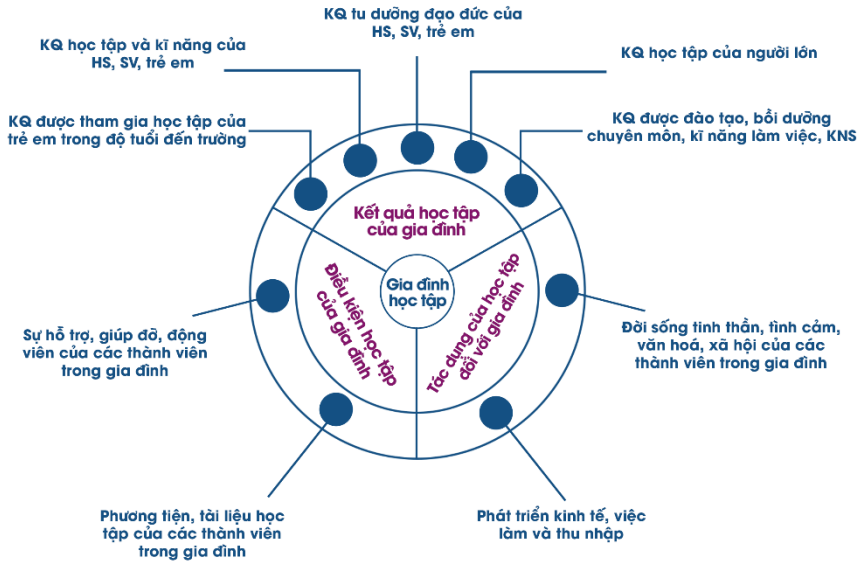

2.3. Dòng họ học tập

Truyền thống hiếu học của người Việt không chỉ thể hiện ở sự cố gắng của từng cá nhân để trở thành công dân học tập, ở nền nếp trong mỗi gia đình để xây dựng gia đình học tập, mà còn biểu hiện thông qua nỗ lực và sự quan tâm tới việc học của từng dòng họ trong cộng đồng. Vì vậy, xây dựng các dòng họ học tập vừa đóng góp thêm một mô hình HTSĐ quan trọng, đồng thời có ý nghĩa to lớn trong việc tôn vinh giá trị của việc học và kịp thời động viên, khuyến khích các gia đình trong dòng họ cùng nhau phấn đấu để ngày càng tiến bộ.

Kết quả xây dựng dòng họ học tập được thể hiện ở mô hình sau:

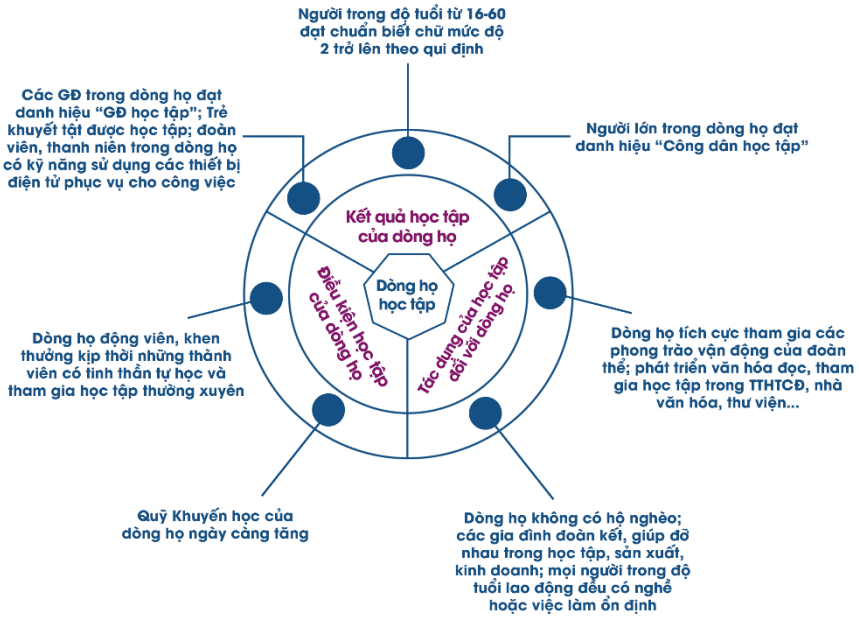

2.4. Cộng đồng học tập ở phạm vi thôn bản/ tổ dân phố

Cộng đồng học tập ở thôn bản/tổ dân phố là một trong các mô hình HTSĐ được triển khai theo Quyết định số 281/QĐ-TTg ngày 20/2/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Đẩy mạnh phong trào HTSĐ trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020".

Tiêu chí để xác định một cộng đồng ở phạm vi thôn bản/tổ dân phố là cộng đồng học tập được mô tả như sơ đồ dưới đây.

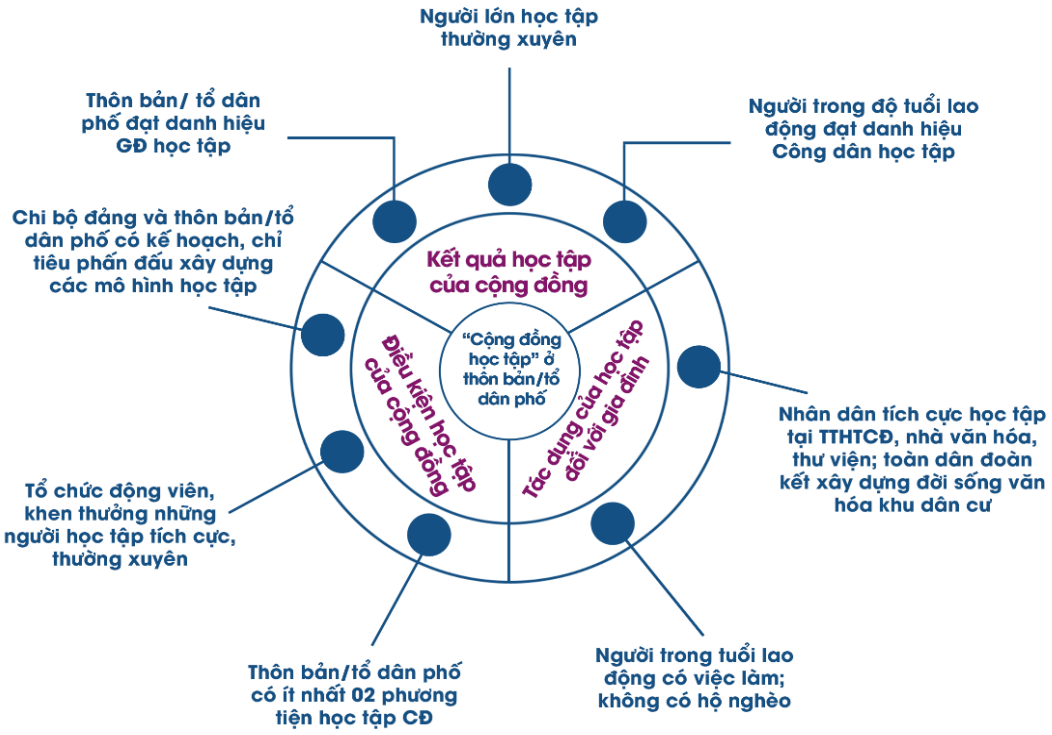

2.5. Đơn vị học tập trên địa bàn cấp xã

Đơn vị học tập trên địa bàn cấp xã cũng là mô hình HTSĐ được triển khai theo Quyết định số 281/QĐ-TTg ngày 20/2/2014 của Thủ tướng Chính phủ, cùng với các mô hình gia đình học tập, dòng họ học tập, và cộng đồng học tập ở thôn bản/ tổ dân phố.

Một đơn vị học tập cấp xã được xác định căn cứ vào các tiêu chí sau đây:

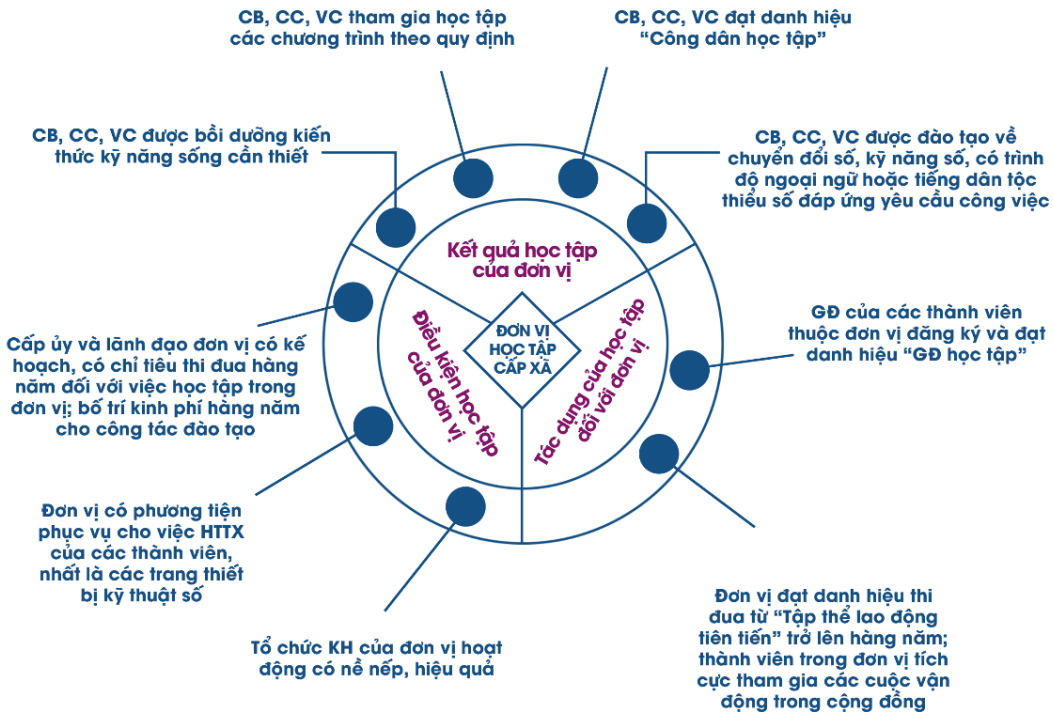

2.6. Đơn vị học tập trực thuộc huyện/tỉnh

Xây dựng XHHT không thể thiếu sự tham gia, đóng góp của các tổ chức, đơn vị học tập. Tuy nhiên, để xác định được các đặc trưng của một đơn vị học tập cần có những tiêu chí cụ thể, nói lên bản chất và kết quả của việc học tập tại nơi làm việc và học tập vì công việc, vì sự phát triển nghề nghiệp của mỗi người lao động trong đơn vị.

Ngày 6/8/2020, Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư số 22/TT-BGDĐT qui định về đánh giá, xếp loại các đơn vị học tập (trực thuộc huyện/tỉnh). Theo đó, một cơ quan, đơn vị trực thuộc huyện/tỉnh được xác định là một đơn vị học tập dựa trên những dấu hiệu dưới đây.

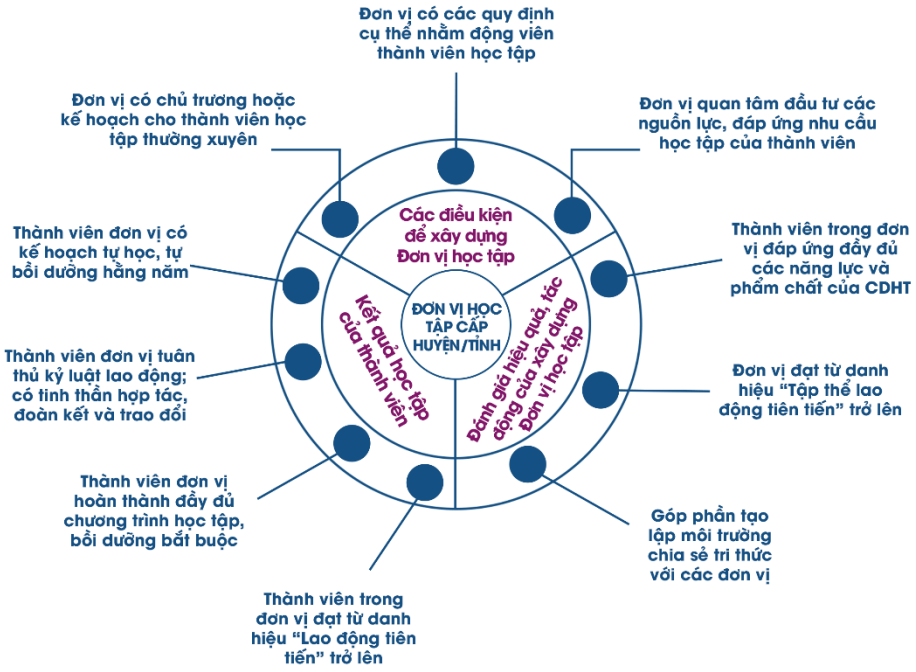

2.7. Cộng đồng học tập cấp xã

Với trên 10.500 đơn vị hành chính cấp xã trên cả nước, có thể thấy việc xây dựng các cộng đồng học tập cấp xã là một động lực to lớn thúc đẩy mọi thành phần trong cộng đồng tham gia học tập.

Theo Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12/12/2014 của Bộ GDĐT, việc đánh giá cộng đồng học tập cấp xã được thực hiện dựa trên các nhóm tiêu chí và tiêu chí cụ thể như sau:

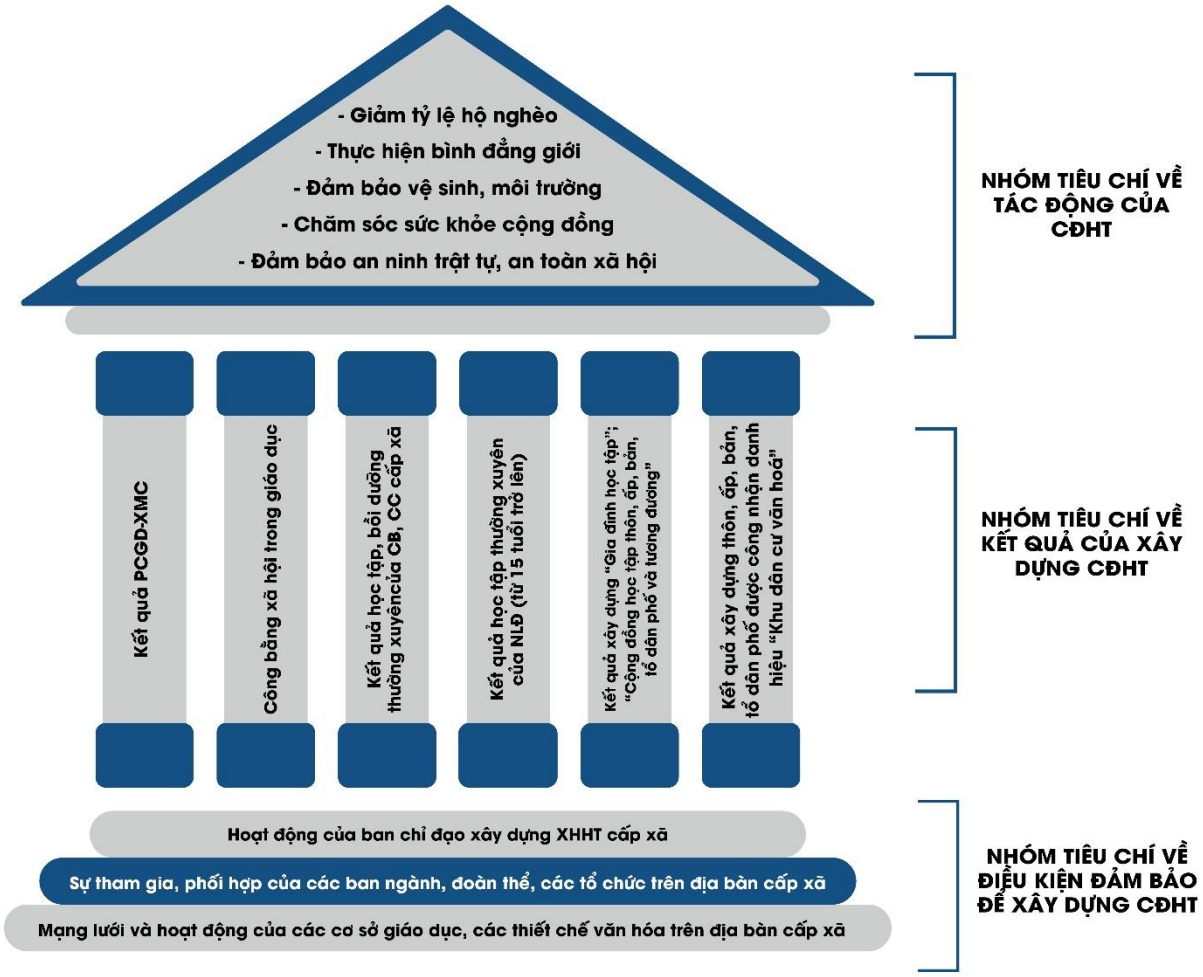

Như vậy, có thể thấy trong giai đoạn vừa qua, các mô hình HTSĐ của Việt Nam, từ phạm vi nhỏ nhất là mỗi công dân, cho đến qui mô gia đình, thôn bản, đơn vị, và cộng đồng đều có sự phát triển mạnh mẽ và đạt được những kết quả khả quan thông qua các tiêu chí đánh giá cụ thể, chặt chẽ. Các mô hình HTSĐ có tác động tích cực đến mọi mặt đời sống, xã hội của người dân trong cộng đồng cũng như người lao động trong các cơ quan, đơn vị.

Tuy nhiên, thực tế triển khai cũng cho thấy việc nhân rộng và phát triển các mô hình này một cách thực chất cũng đang gặp phải những khó khăn, rào cản nhất định, như: chất lượng của các mô hình học tập còn hạn chế so với yêu cầu của tiêu chí; công tác tuyên truyền về học tập suốt đời, xây dựng các mô hình HTSĐ và xây dựng XHHT nói chung mới chủ yếu đạt ở chiều rộng, chưa có chiều sâu, nhất là địa bàn khu dân cư vùng sâu, vùng xa và đồng bào dân tộc; trình độ nhận thức của người dân chưa đồng đều, nhất là bộ phận người dân lao động ở nông thôn nên chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra trong việc đánh giá các mô hình HTSĐ. Để có thể tiếp tục triển khai, nhân rộng một cách hiệu quả các mô hình HTSĐ trên, cần thực hiện thực chất, đồng bộ và có hiệu quả các giải pháp như:

Nâng cao nhận thức của các cấp quản lý về yêu cầu, tính cấp thiết của việc xây dựng XHHT, thúc đẩy phong trào HTSĐ và xây dựng các mô hình HTSĐ ở các qui mô, phạm vi khác nhau, thông qua hoạt động tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tập huấn...;

Quán triệt và cam kết thực hiện các chủ trương, chính sách, văn bản chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về xây dựng XHHT, thúc đẩy HTSĐ;

Chú trọng, sâu sát công tác tổ chức thực hiện xây dựng XHHT thông qua các mô hình học tập khác nhau, bao gồm cả việc tăng cường theo dõi, giám sát và đánh giá việc thực hiện mỗi mô hình để tổng kết thực tiễn và rút ra bài học kinh nghiệm;

Tăng cường sự tham gia chủ động, tích cực và sự phối hợp thực chất, có hiệu quả của các lực lượng trong cộng đồng, xã hội trong việc tổ chức các hoạt động HTSĐ; góp phần xây dựng, nhân rộng các mô hình học tập suốt đời;

Đẩy mạnh việc tôn vinh, khen thưởng các phong trào, hoạt động HTSĐ, xây dựng XHHT, và các cá nhân có đóng góp, có thành tích đáng khích lệ trong lĩnh vực HTSĐ;

Vv,...

Chương 2
CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP

I. CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP GIAI ĐOẠN 2005-2020

Hiện nay, xây dựng XHHT ở Việt Nam đã chuyển sang giai đoạn mới 2021-2030. Việc điểm lại chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước giai đoạn trước, 2005-2020, là để có cái nhìn tổng thể, hệ thống về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; từ đó có những đối chiếu, so sánh làm sáng rõ từng dấu ấn, từng bước tiến quan trọng, những điểm mới trong hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước trong quá trình xây dựng XHHT ở Việt Nam.

1. Chủ trương của Đảng về xây dựng xã hội học tập

Các chủ trương cơ bản của Đảng về xây dựng XHHT giai đoạn 2005 – 2020 gồm:

- Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT.
- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương 8 khóa XI đã chỉ rõ quan điểm "*Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo*".
- Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT, trong đó nêu rõ phương hướng phát triển XHHT và những nhiệm vụ tiếp tục triển khai công tác khuyến học, khuyến tài trong giai đoạn tiếp theo, trước mắt là giai đoạn 2020-2030, giai đoạn phát triển kinh tế tri thức dưới tác động của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.
- Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã đề ra giải pháp: *"Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xu hướng hội nhập quốc tế; tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, XMC và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở; xây dựng XHHT".*

2. Chính sách pháp luật của Nhà nước về xây dựng xã hội học tập

Một số chính sách pháp luật chủ yếu của Nhà nước về xây dựng XHHT giai đoạn 2005-2020 gồm:

- Quyết định số 112/2005/QĐ-TTg ngày 18/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2005-2010".
- Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2012-2020".
- Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
- Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT.
- Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

3. Kết quả thực hiện chính sách pháp luật của Nhà nước về xây dựng xã hội học tập

Trong giai đoạn 2005-2020, Đảng và Nhà nước đã ban hành những chủ trương, chính sách về HTSĐ và xây dựng XHHT, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp xây dựng XHHT của đất nước. Chủ trương của Đảng về HTSĐ và xây dựng XHHT đã được cụ thể hóa và chỉ ra những nhiệm vụ cần phải thực hiện trong sự nghiệp xây dựng XHHT trong từng giai đoạn, từ đó càng khẳng định rõ vị trí, vai trò và tầm quan trọng cần phải thúc đẩy HTSĐ và xây dựng XHHT ở Việt Nam.

Những chính sách về HTSĐ và xây dựng XHHT của Nhà nước đã được xây dựng có hệ thống, tạo cơ sở pháp lí cho việc thúc đẩy HTSĐ và xây dựng XHHT trong cả nước. Sau đây là một số phân tích những ưu điểm của 02 Đề án quốc gia về xây dựng XHHT để minh chứng cho kết quả và những ưu điểm đã đạt được của chính sách về HTSĐ và xây dựng XHHT ở Việt Nam.

3.1. Đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2005-2010"

Đây là Đề án quốc gia đầu tiên cụ thể hóa chủ trương về HTSĐ và xây dựng XHHT của Đảng và Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy HTSĐ và xây dựng XHHT trong cả nước một cách đồng bộ, thống nhất. Đề án tập trung vào các nội dung phát triển GDTX, xây dựng cả nước trở thành XHHT với mục tiêu cơ bản: "Tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi để mọi người ở mọi lứa tuổi, mọi trình độ được học tập thường xuyên,

học liên tục, học suốt đời ở mọi nơi, mọi lúc, mọi trình độ, huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội tham gia xây dựng và phát triển giáo dục, mọi người, mọi tổ chức, đều có trách nhiệm, nghĩa vụ trong việc học tập và tham gia tích cực xây dựng XHHT".

Đề án cũng đã đặt ra bốn nhiệm vụ cần phải thực hiện, một trong bốn nhiệm vụ đó là: "xây dựng phong trào cả nước trở thành XHHT" và đưa ra năm giải pháp để thực hiện các nhiệm vụ nêu trên: 1/Tăng cường sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng, phát huy vai trò của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội; 2/Tổ chức tuyên truyền, sử dụng nhiều hình thức, biện pháp tuyên truyền về phong trào xây dựng cả nước thành XHHT; 3/Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách, văn bản pháp luật về GDTX; 4/Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đánh giá, kiểm định chất lượng, thực hiện công tác thi đua khen thưởng và giải pháp về tài chính; và 5/Giải pháp về tài chính, phát huy cao độ hiệu quả của công tác xã hội hóa.

3.2. Đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2012-2020"

Đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2012-2020" được coi là một bước đi dài hơn, hoàn thiện hơn trong chủ trương, chính sách về HTSĐ và xây dựng XHHT của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Phát huy những thành quả và khắc phục những khó khăn, hạn chế của Đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2005-2010", Đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2012-2020" hướng đến sự phát triển theo chiều sâu với yêu cầu làm rõ những đặc trưng mong muốn của XHHT và công dân học tập ở nước ta.

Quan điểm chỉ đạo việc triển khai thực hiện đề án tập trung ở ba vấn đề sau: 1/Trong XHHT, mọi cá nhân có trách nhiệm học tập thường xuyên, suốt đời, tận dụng mọi cơ hội học tập để làm người công dân tốt; có nghề, lao động với hiệu quả ngày càng cao; học cho bản thân và những người xung quanh hạnh phúc; học để góp phần phát triển quê hương, đất nước và nhân loại; 2/ Các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cộng đồng dân cư và gia đình có trách nhiệm cung ứng các cơ hội học tập và tạo điều kiện thuận lợi để mọi người được HTSĐ; 3/ Xây dựng XHHT dựa trên nền tảng phát triển đồng thời, gắn kết và liên thông giữa giáo dục chính quy và GDTX; đẩy mạnh các hoạt động HTSĐ ở ngoài nhà trường; ưu tiên các đối tượng chính sách, người dân tộc, phụ nữ, người bị thiệt thòi.

Trên cơ sở những kết quả và bài học kinh nghiệm được tổng kết trong quá trình xây dựng XHHT giai đoạn 2005-2010, Đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2012-2020" đã đưa ra hệ thống bảy nhiệm vụ và giải pháp thực hiện, gồm: 1/Nâng cao nhận thức về mục đích, ý nghĩa, vai trò, lợi ích của việc xây dựng XHHT; 2/Tổ chức các hoạt động HTSĐ thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ; 3/Củng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục; 4/Đẩy mạnh hình thức học từ xa, học qua mạng; 5/Triển khai các biện pháp hỗ trợ người học nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả HTSĐ; 6/Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình xây dựng XHHT; và 7/ Hợp tác quốc tế.

Như vậy, có thể thấy hệ thống nhiệm vụ giải pháp trong Đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2012-2020" đã kế thừa và phát triển hệ thống giải pháp trong đề án xây dựng XHHT giai đoạn trước. Đồng thời, cũng đã mở rộng để Giáo dục phi chính quy như các phương tiện thông tin đại chúng, thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ... được chính thức đưa vào trong HTSĐ, các biện pháp hỗ trợ người học và các biện pháp đẩy mạnh hợp tác quốc tế đã được chú trọng hơn.

Trong giai đoạn 2005-2020 triển khai thực hiện 2 Đề án xây dựng XHHT của Thủ tướng Chính phủ, các cấp, các ngành và đoàn thể từ trung ương đến cơ sở đã quan tâm chỉ đạo và tổ chức triển khai, thực hiện và đã đạt được những kết quả quan trọng, cụ thể: Đã thành lập ban chỉ đạo xây dựng XHHT các cấp (từ cấp tỉnh tới cấp xã) và xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án; công tác phổ cập giáo dục và XMC được củng cố vững chắc; công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn, lý luận chính trị cho CB, CC, VC, NLĐ được tăng cường; mạng lưới cơ sở GDTX, nhất là các TTHTCĐ, trung tâm tin học, ngoại ngữ tiếp tục được củng cố và phát triển nhanh chóng về số lượng, đa dạng về mô hình, hoạt động mang lại hiệu quả thiết thực đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của người dân; các cơ sở giáo dục đã đẩy mạnh dạy học từ xa, dạy học trực tuyến và từng bước xây dựng các khóa học trực tuyến mở đại chúng; các thiết chế văn hóa, các phương tiện thông tin đại chúng đã tham gia cung ứng các chương trình HTSĐ và tổ chức các chương trình giáo dục mở trên sóng phát thanh, truyền hình; việc triển khai các mô hình học tập được thực hiện linh hoạt, từng bước vững chắc, nhận được sự đồng thuận của nhân dân; việc học tập cho người lớn đã được chú trọng, trình độ dân trí được nâng lên.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả nêu trên, việc triển khai thực hiện hai Đề án xây dựng XHHT giai đoạn 2005-2020 còn một số hạn chế, bất cập như: nhận thức về công tác khuyến học, khuyến tài xây dựng XHHT ở một số địa phương, cơ quan, doanh nghiệp, trường học, đơn vị lực lượng vũ trang chưa đúng mức; công tác đào tạo, bồi dưỡng chưa gắn với yêu cầu công việc, vị trí việc làm, chức danh mà CB, CC đảm nhiệm; các hoạt động HTSĐ ở ngoài nhà trường chưa đa dạng, phong phú, điều kiện hoạt động còn nhiều khó khăn; hoạt động của nhiều TTHTCĐ kém hiệu quả, số lượng người tham gia học tập ít, nội dung hoạt động nghèo nàn, thiếu hấp dẫn, thậm chí có nơi còn tổ chức mang tính hình thức; số người mù chữ ở các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn nhiều, tỷ lệ huy động người theo học các lớp XMC rất thấp so với số người còn mù chữ; việc học tập và ý thức tự học trong nhân dân chưa cao, nhiều nơi chưa coi trọng công tác đào tạo nghề, bồi dưỡng kỹ năng sống cho công nhân, lao động nông thôn; sự tham gia của các cơ sở giáo dục đại học trong công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT còn hạn chế.

II. CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP GIAI ĐOẠN 2021-2030

Để tiếp nối và thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ công cuộc xây dựng XHHT giai đoạn mới 2021-2030, Đảng và Nhà nước đã ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng XHHT phù hợp với tình hình, thực tiễn của Việt Nam và bối cảnh quốc tế, khu vực. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng, cấp thiết cho việc định hướng cũng như xác định rõ các nhiệm vụ, giải pháp triển khai xây dựng XHHT từ trung ương tới cơ sở.

1. Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập

Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân các cấp tiếp tục quán triệt sâu rộng, thực hiện nghiêm Chỉ thị 11, đồng thời đề ra các nhiệm vụ, giải pháp trong giai đoạn tiếp theo, đó là:

Thứ nhất, tổ chức đảng và CB đảng phải gắn việc thực hiện Chỉ thị 11 với đánh giá kết quả công tác hằng năm của Đảng bộ địa phương, cụ thể:

- Hằng năm trong báo cáo tổng kết của cấp ủy phải có mục "triển khai và kết quả thực hiện Chỉ thị 11 của tổ chức Đảng ở địa phương".
- Các đảng viên phải đạt danh hiệu CDHT, gia đình đảng viên có được quần chúng bình chọn là gia đình học tập, và tổ chức đảng đạt yêu cầu là đơn vị học tập.
- Người đứng đầu cấp ủy phải có trách nhiệm duy trì và nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT thì tổ chức đảng đó mới được đánh giá là tổ chức đảng gương mẫu, vững mạnh được.

Thứ hai, xây dựng XHHT là một xu thế phát triển của nền giáo dục thời đại mới. Do vậy, nhận thức đầy đủ và sâu sắc về xây dựng XHHT, và do đó, về khuyến học, khuyến tài, trước hết phải từ các tổ chức đảng và đảng viên. Với cách nhìn nhận đó, Ban Bí thư yêu cầu *phải xây dựng những chuyên đề về khuyến học, khuyến tài và XHHT để đưa vào Chương trình giáo dục chính trị tại các cơ sở GDĐT, trung tâm bồi dưỡng chính trị.* Đây là vấn đề lớn và không đơn giản bởi lý luận và thực tiễn của sự nghiệp xây dựng XHHT cũng như của công tác khuyến học, khuyến tài là rất phong phú. Nó bao hàm *những vấn đề về nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài* mà ở Việt Nam cũng như ở các quốc gia khác, nội dung về những chuyên đề này là hết sức phong phú (cả về lý thuyết, quan điểm, chính sách, kinh nghiệm lẫn chiến lược riêng).

Thứ ba, *xây dựng mô hình "Đơn vị học tập" tại các cơ quan, công sở, trường học, bệnh viện, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trong các lực lượng vũ trang.* Thực chất của công việc này là thúc đẩy việc HTSĐ của CB lãnh đạo, CBQL, CC, VC, nhân viên, NLĐ, trong đó, những đảng viên phải là người gương mẫu và đạt những danh hiệu học tập như trên đã nói.

Thứ tư, xây dựng hệ thống giáo dục mở để bảo đảm cho mỗi công dân có nhiều cơ hội và điều kiện để HTSĐ, trước hết, cần có ngay một số trường đại học mang tính mở bên cạnh những trường đại học mở đang hoạt động.

Thứ năm, thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc đối với CB, CC, VC đi đôi với XMC cho người lớn. Về thực chất, thực hiện chế độ học bắt buộc, đối với bất kỳ người nào, kể từ người có trình độ giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ đến cử nhân, kỹ sư, CB kỹ thuật trung cao cấp, các CBQL trong các cơ quan Nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể v.v... là công việc được gọi là *XMC chức năng hay xóa mù kỹ năng* hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, khoa học, công nghệ, giáo dục, văn hóa, nghệ thuật, y tế, quốc phòng. *Nếu không theo kịp sự đầu tư trang thiết bị kỹ thuật hiện đại và công nghệ tiên tiến thì coi như đang mù kỹ năng.*

XMC cơ bản là để bảo đảm quyền biết chữ của công dân. XMC chữ chức năng để bảo đảm quyền hành nghề của công dân. Hiện nay, XMC chức năng là việc lớn, hết sức quan trọng. Không có ai dám nói rằng, mình không bị mù chức năng. Chống mù kỹ năng là để bảo đảm NLĐ học vì công việc, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm các sản phẩm làm ra có uy tín cao, tạo ra những thương hiệu mới.

Thứ sáu, xây dựng các mô hình "Tỉnh học tập", "Thành phố học tập" là một nhiệm vụ rất mới mà Ban Bí thư yêu cầu phải làm từng bước vững chắc. Hiện nay, theo Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12/12/2014 của Bộ GDĐT, chúng ta đã xây dựng được xã học tập, phường học tập, thị trấn học tập; theo Thông tư số 22/2020/TT-BGDĐT ngày 06/8/2020 chúng ta đang xây dựng các cơ quan, trường học, doanh nghiệp, bệnh viện (do chính quyền cấp huyện và cấp tỉnh quản lý) thành đơn vị học tập. Trước hết, phải xây dựng được mô hình cộng đồng học tập cấp huyện (tức là xây dựng huyện học tập, quận học tập, thị xã học tập). Khi đã có mô hình cộng đồng học tập cấp huyện thì chúng ta sẽ xây dựng mô hình "Tỉnh học tập", "Thành phố học tập".

Ở đây cần nói thêm rằng, trong Kết luận số 49-KL/TW có nêu rõ *"Chủ động, tích cực tham gia mạng lưới "Thành phố học tập" do UNESCO điều hành".* Thuật ngữ *Thành phố học tập* ở đây được hiểu là các vùng học tập, khu công nghiệp học tập, khu chế xuất học tập, vùng biển đảo học tập… với điều kiện quy mô dân số từ 5000 người trở lên.

UNESCO đã đưa ra 42 tiêu chí đánh giá thành phố học tập. Quốc gia nào hưởng ứng – tức tự nguyện tham gia và đăng kí thực hiện 42 tiêu chí với các kết quả đạt được cụ thể, thì sẽ được UNESCO xem xét, kết nạp thành phố của quốc gia đó vào mạng lưới thành phố học tập trên thế giới.

Tuy nhiên, UNESCO cũng có cơ chế linh hoạt trong việc này, ví dụ Việt Nam đề xuất Bộ tiêu chí gồm 36 tiêu chí cụ thể (kèm theo Công văn số 86/BGDĐT-GDTX ngày 08/01/2019 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn đăng ký tham gia Mạng lưới thành phố học tập toàn cầu của UNESCO), trong khuôn khổ 42 tiêu chí chung thì vẫn được đăng ký vào mạng lưới thành phố học tập do UNESCO điều hành. Bộ GDĐT hiện đang khuyến khích các thành phố của Việt Nam tham gia mạng lưới thành phố học tập của UNESCO, đồng thời vẫn có thể tiếp tục xây dựng tỉnh, huyện học tập như kế hoạch.

Thứ bảy, củng cố và phát triển các tổ chức của Hội Khuyến học ở các cộng đồng dân cư, *phát triển các tổ chức khuyến học trong cơ quan, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu, lực lượng vũ trang...*

Năm 2018, Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam và Bộ GDĐT đã chỉ đạo việc xây dựng các tổ chức khuyến học (chi hội, ban…) tại các trường cao đẳng và đại học, các trường dạy nghề. Mục tiêu chính là để các đơn vị này đẩy mạnh việc HTSĐ trong hàng ngũ CB khoa học, các giảng viên cao cấp, từ đó giúp các thế hệ sinh viên học tập để khởi nghiệp, lập nghiệp, xây dựng các trường thành những đơn vị học tập vững mạnh.

Với bệnh viện, viện nghiên cứu, việc thành lập các tổ chức khuyến học là để thúc đẩy họ góp sức vào xây dựng các loại hình tài nguyên giáo dục và các kho tư liệu lớn có tính chuyên ngành để từ đó giúp người dân có nhiều tài liệu học tập hơn nữa, ví dụ tài liệu về bảo vệ sức khỏe, luyện tập thể lực, tự chữa bệnh, các tài liệu tham khảo để sáng tạo và khởi nghiệp.

Thứ tám, gắn kết tiêu chí công nhận mô hình học tập, CDHT, gia đình học tập, đơn vị học tập... với việc công nhận các mô hình văn hóa, với các danh hiệu thi đua.

Với mục đích đề cao hơn nữa ý nghĩa và giá trị của văn hóa trong đời sống xã hội, do đó cần phải đưa các tiêu chí học tập vào việc công nhận các mô hình văn hóa thì giá trị gia đình văn hóa, khu phố văn hóa sẽ tăng lên.

Hướng giải quyết vấn đề này là, *nếu không đạt danh hiệu học tập thì gia đình không thể là gia đình văn hóa; một tổ dân phố không là cộng đồng học tập thì không thể đạt danh hiệu tổ dân phố văn hóa, một xã không được công nhận là xã học tập thì xã đó không thể đạt danh hiệu xã nông thôn mới v.v...*

Thứ chín, trong quá trình xây dựng và phát triển XHHT cần coi trọng sự hợp tác quốc tế, bởi đây là cơ sở để học hỏi kinh nghiệm từ các nước phát triển, đồng thời giúp chúng ta tiếp cận nhiều nguồn lực đa dạng cho việc xây dựng XHHT và hội nhập tích cực hơn.

Như vậy, Kết luận số 49 là văn kiện quan trọng, trong đó chỉ rõ phương hướng phát triển XHHT và những nhiệm vụ khuyến học, khuyến tài từ sau khi tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 11-CT/TW, đây là Chỉ thị mới tiếp nối thực hiện Chỉ thị 11-CT/TW trong hoàn cảnh mới trước bối cảnh xã hội mới.

2. Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT giai đoạn 2021-2030

Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo:

(1) Đẩy mạnh và thực hiện hiệu quả chuyển đổi số trong các cơ sở GDĐT. Đẩy mạnh các hình thức đào tạo vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn để giúp người lao động, đặc biệt là lao động nông thôn, người khuyết tật, người nội trợ, người cao tuổi dễ dàng tiếp cận với giáo dục nghề nghiệp để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

(2) Đẩy mạnh liên thông giữa giáo dục chính quy và GDTX, liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở GDTX; nâng cao tỷ lệ và chất lượng xóa mù chữ. Chú trọng bồi dưỡng kiến thức và tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức theo dõi công tác dân tộc và công tác vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

(4) Thực hiện việc đánh giá, xếp loại, công nhận các mô hình học tập một cách thiết thực, hiệu quả. Xây dựng và nhân rộng các mô hình đào tạo, đào tạo lại nghề nghiệp và bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng cho công nhân, người lao động trong các doanh nghiệp, công ty và lao động nông thôn. Xây dựng và phát triển các mô hình học tập, ngành nghề đào tạo, các nghề đặc thù cần HTSĐ.

(4) Tiếp tục củng cố và phát triển các tổ chức Hội Khuyến học ở các cộng đồng dân cư; trong các cơ quan, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu và trong lực lượng vũ trang.

(5) Tăng cường thông tin, tuyên truyền về vai trò, vị trí quan trọng của công tác khuyến học, khuyến tài, HTSĐ và xây dựng XHHT; Phát động các cuộc vận động, phong trào thi đua về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT sâu rộng trong cả nước, gắn kết chặt chẽ và hiệu quả với các cuộc vận động, phong trào thi đua khác; đưa nhiệm vụ khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT của chính quyền cơ sở, các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể vào nội dung đánh giá thi đua hằng năm.

(6) Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp đề ra tại Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW của Ban Bí thư.

3. Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030"

2.1. Quan điểm chỉ đạo

Quan điểm chỉ đạo xây dựng XHHT của Đề án tập trung vào năm vấn đề:

a) Tiếp tục xây dựng XHHT dựa trên nền tảng phát triển đồng thời, gắn kết và liên thông giữa GDCQ và GDTX, liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo; vận dụng mọi hình thức giáo dục, đào tạo tiên tiến, hiệu quả, phù hợp với mục tiêu giáo dục.

b) Ứng dụng công nghệ số và dạy học trực tuyến trong tổ chức các hoạt động giảng dạy và học tập góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở GDĐT đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội.
c) Mọi công dân có trách nhiệm và quyền lợi được học tập thường xuyên, học suốt đời, tận dụng mọi cơ hội học tập để trở thành công dân số, CDHT toàn cầu.
d) Duy trì và phát huy truyền thống hiếu học của gia đình, dòng họ và cộng đồng; xây dựng môi trường HTSĐ tại nơi làm việc đáp ứng các yêu cầu về năng suất, hiệu quả, chuẩn mực đạo đức và tác phong văn hóa nghề nghiệp.
e) Các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, cộng đồng dân cư và dòng họ, gia đình có trách nhiệm tạo các cơ hội học tập công bằng và điều kiện thuận lợi để mọi người trong xã hội được tham gia học tập, nhất là các đối tượng chính sách, người dân tộc thiểu số và miền núi, người bị thiệt thòi, yếu thế trong xã hội.

2.2. Mục tiêu

Mục tiêu chung của Đề án nhằm tiếp tục và tạo chuyển biến cơ bản trong xây dựng XHHT bảo đảm đến năm 2030 mọi người dân đều có cơ hội bình đẳng trong việc tiếp cận hệ thống giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt, liên thông**,** hiện đại với nhiều mô hình, phương thức và trình độ đào tạo, góp phần đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

Mục tiêu cụ thể của Đề án 1373 tập trung vào các nội dung: XMC và phổ cập giáo dục; Về năng lực cơ bản và trình độ của người dân; Về hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục; Xây dựng các mô hình học tập trong xã hội.

Bảng dưới đây mô tả các mục tiêu cụ thể cùng chỉ tiêu thực hiện:

TT	Các mục tiêu cụ thể	Các tiêu chí cơ bản	Chỉ tiêu đến 2025	Chỉ tiêu đến 2030
1	XMC và phổ cập giáo dục	+ Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là tỉnh) đạt chuẩn XMC mức độ 2.	70%	90%
		+ Các tỉnh hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo.	70%	100%
		+ Các tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	50%	70%
		+ Các tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2	100%	100%

		+ Các tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3.	20%	40%
2	Về năng lực cơ bản và trình độ của người dân	+ Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động được trang bị năng lực thông tin.	50%	70%
		+ Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động được trang bị kỹ năng sống.	50%	70%
		+ Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên được đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật	23%	30%
		+ Tỷ lệ dân số có trình độ đại học trở lên.	12%	15%
3	Về hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục	+ Tỷ lệ các trường đại học có triển khai đại học số và xây dựng học liệu số.	70%	90%
		+ Tỷ lệ các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở GDTX, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục khác triển khai hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trên môi trường số.	60%	80%
		+ Tỷ lệ các TTHTCĐ ứng dụng CNTT trong quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục.	70%	90%
4	Xây dựng các mô hình học tập trong xã hội	+ Tỷ lệ công dân đạt danh hiệu CDHT theo tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền ban hành.	40%	60%
		+ Tỷ lệ các huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi là huyện) được công nhận danh hiệu huyện học tập theo tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền ban hành.	25%	50%
		+ Tỷ lệ các tỉnh được công nhận danh hiệu tỉnh học tập theo tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền ban hành	15%	55%

2.3. Nhiệm vụ và giải pháp

Đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2021-2030" đề ra một số giải pháp trọng tâm như:

(1) Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về HTSĐ, xây dựng XHHT trong nền kinh tế số, xã hội số; tổ chức hiệu quả Tuần lễ hưởng ứng HTSĐ và Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam hằng năm và biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các gương điển hình tiên tiến, nhân rộng mô hình tốt, cách làm hay, sáng kiến có giá trị trong phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT.

(2) Hoàn thiện cơ chế, chính sách về xây dựng XHHT như: nghiên cứu, đề xuất xây dựng dự án Luật HTSĐ; các tiêu chí công nhận các mô hình học tập, tiêu chí đánh giá

việc thực hiện xây dựng XHHT của các địa phương; cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho công nhân, NLĐ, người hết tuổi lao động, người nội trợ, người khuyết tật có điều kiện thuận lợi để HTSĐ.

(3) Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng CNTT trong tổ chức các hoạt động HTSĐ của các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở GDTX, các thiết chế văn hóa. Tổ chức các chương trình giáo dục trên kênh phát thanh, truyền hình, các trang mạng báo điện tử, các ứng dụng truyền hình và trên nền tảng công nghệ số của các mạng xã hội.

(4) Tăng cường công tác phối hợp, liên kết giữa các ngành, tổ chức, đơn vị, cơ sở giáo dục, cơ sở văn hóa thể thao để tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hiệu quả, thiết thực như: dạy nghề truyền thống, dạy nghề ngắn hạn, các lớp phổ biến kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ và XMC nhằm đẩy mạnh hoạt động của TTHTCĐ.

(5) Tổ chức các phong trào, cuộc vận động về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT sâu rộng để thúc đẩy, khuyến khích mọi tầng lớp nhân dân xây dựng, duy trì thói quen tự học, học thường xuyên, HTSĐ.

(6) Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục người lớn, HTSĐ, xây dựng XHHT và phát triển công nghệ đào tạo mở và từ xa; đẩy mạnh vận động, khuyến khích đội ngũ trí thức tài năng là người Việt Nam ở nước ngoài tham gia đóng góp với hoạt động khuyến học, khuyến tài và xây dựng XHHT.

2.4. Tổ chức thực hiện

Có 04 điểm cần chú trọng trong việc tổ chức thực hiện:

Thứ nhất, xây dựng các đề án thành phần

(1) Đề án "Đẩy mạnh phong trào HTSĐ trong gia đình, dòng họ, cộng đồng giai đoạn 2021-2030"
(2) Đề án "Xây dựng mô hình CDHT giai đoạn 2021 – 2030"
(3) Đề án "Đẩy mạnh các hoạt động HTSĐ trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2030"
(4) Đề án "Đẩy mạnh các hoạt động HTSĐ trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ đến năm 2030"
(5) Đề án "Xây dựng kho học liệu mở phục vụ việc tự học và HTSĐ trên hệ sinh thái truyền hình giáo dục Việt Nam"
(6) Đề án "Hỗ trợ cán bộ y tế tuyến cơ sở HTSĐ về chuyên môn khám chữa bệnh, phòng bệnh"

Thứ hai, *Đề án đã đề ra các nhiệm vụ chính sau:*

(1) Nghiên cứu xây dựng khung năng lực thông tin phục vụ HTSĐ cho công dân
(2) Nghiên cứu và đề xuất mô hình CDHT; mô hình Tỉnh/Thành phố học tập

(3) Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá việc thực hiện xây dựng XHHT của các địa phương

Đặc biệt, đối với nhiệm vụ (3), đây là một nhiệm vụ mà trong giai đoạn 2012-2020 chưa thực hiện được. Theo kinh nghiệm thế giới và kinh nghiệm nước ta trong một số lĩnh vực khác, như xây dựng nông thôn mới và cải cách hành chính nhà nước, việc ban hành và đưa vào sử dụng bộ chỉ số trong một lĩnh vực công tác nào đó là giải pháp hữu hiệu để các cấp chính quyền tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát và đánh giá tiến triển của lĩnh vực công tác đó thuộc phạm vi quản lý. Vì vậy, việc xây dựng và ban hành bộ tiêu chí đánh giá việc thực hiện xây dựng XHHT của các địa phương sẽ là một công cụ quản lý hiệu quả để giám sát và đánh giá bước tiến trong xây dựng XHHT nước ta.

Như vậy, so với giai đoạn trước, mục tiêu của đề án xây dựng XHHT giai đoạn 3 ("Xây dựng XHHT giai đoạn 2021-2030") có nhiều điểm khác biệt trong quan điểm, như: Đề án chú trọng hơn đến xây dựng các mô hình học tập trong xã hội, cụ thể: chú trọng đến công dân đạt danh hiệu CDHT theo tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền ban hành; các huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh được công nhận danh hiệu huyện học tập theo tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền ban hành; các tỉnh được công nhận danh hiệu tỉnh học tập theo tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Điều này cho thấy, Đề án đã chỉ ra rằng Mô hình XHHT phải được hình thành và phát triển chính từ cơ sở, ngay tại các đơn vị cơ sở xã hội nhỏ nhất là các tổ dân phố, các cụm dân cư; các làng bản, thôn ấp, dòng họ… Nó xuất phát từ yêu cầu phục vụ thiết thực cho đời sống người dân ở cộng đồng. Bên cạnh đó, đáng quan tâm hơn cả là những đổi mới quan trọng trong việc lên kế hoạch thực hiện Đề án rất cụ thể, sát với thực tiễn và tăng cường kiểm tra thực tế triển khai để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương.

Với các giải pháp tổng thể và chi tiết, Đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2021-2030" đã tạo chuyển biến cơ bản trong xây dựng XHHT theo hướng hình thành hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, liên thông, bảo đảm đến năm 2030 mọi người dân đều có cơ hội bình đẳng trong việc tiếp cận giáo dục suốt đời có chất lượng.

Điều này góp phần thực hiện thành công khâu đột phá chiến lược về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh đất nước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng cách mạng công nghiệp 4.0. Gắn kết và liên thông giữa GDCQ và GDTX, liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo; vận dụng mọi hình thức giáo dục, đào tạo tiên tiến, hiệu quả, phù hợp với mục tiêu giáo dục; Ứng dụng công nghệ số và dạy học trực tuyến trong tổ chức các hoạt động giảng dạy và học tập góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở GDĐT đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội. Mọi công dân có trách nhiệm và quyền lợi được học tập thường xuyên, học suốt đời, tận dụng mọi cơ hội học tập để trở thành công dân số, CDHT toàn cầu, góp phần xây dựng XHHT.

Tuy nhiên, từ bài học kinh nghiệm xây dựng XHHT của các nước trong khu vực và nhìn trong bối cảnh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam theo yêu cầu của Nghị quyết TW 8 (khóa XI) với quan điểm chỉ đạo "*Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo*", nhiều nhà nghiên cứu giáo dục cho rằng cần xem xét triển khai một số giải pháp mang tính căn cơ hơn. Đó là việc xây dựng và ban hành Luật Học tập/giáo dục suốt đời, tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho việc xây dựng cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, cũng như giữa Trung ương và địa phương; huy động và bảo đảm sự tham dự của các tổ chức xã hội dân sự và các doanh nghiệp; hình thành bộ máy quản lý có đủ năng lực và quyền hạn trong việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc đẩy mạnh HTSĐ và xây dựng XHHT.

Chương 3
HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Trong giai đoạn 2021-2030, các địa phương khi triển khai thực hiện công tác xây dựng XHHT tập trung vào các công việc và hoạt động sau:

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng xã hội học tập

1.1. Ban hành các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác xây dựng XHHT

- Ban hành chương trình, kế hoạch xây dựng XHHT hằng năm;
- Ban hành chương trình, kế hoạch truyền thông thực hiện xây dựng XHHT theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền hoặc phù hợp với đặc thù của địa bàn, lĩnh vực quản lý;
- Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện xây dựng XHHT.

1.2. Tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch thực hiện xây dựng XHHT

1.3. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Ban chỉ đạo xây dựng XHHT

- Củng cố, kiện toàn, triển khai thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban chỉ đạo xây dựng XHHT cấp tỉnh;
- Đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng XHHT cấp tỉnh;
- Chỉ đạo, hướng dẫn việc củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng XHHT cấp huyện.

1.4. Thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng hợp báo cáo việc thực hiện xây dựng XHHT

- Thực hiện việc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện xây dựng XHHT;
- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm sơ kết, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện xây dựng XHHT.

2. Triển khai các hoạt động thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập

2.1. Xây dựng các phóng sự, chuyên đề, biên tập tài liệu tuyên truyền về xây dựng XHHT và đăng tải trên trang thông tin điện tử;

2.2. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho CB, CC, VC, NLĐ thuộc phạm vi quản lý;

2.3. Tổ chức tập huấn tuyên truyền về HTSĐ, xây dựng XHHT cho phóng viên các cơ quan báo chí, đội ngũ tuyên truyền viên cấp cơ sở (đài phát thanh, truyền hình cấp huyện,

đài truyền thanh cấp xã, điểm sinh hoạt cộng đồng); CB chuyên trách trang tin điện tử, cổng thông tin điện tử của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị.

2.4. Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực tổ chức hoạt động HTSĐ cho bộ phận làm đầu mối quản lý về xây dựng XHHT ở các sở, ngành, tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp, các địa phương trong tỉnh.

2.5. Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng CB, CC, VC, các lớp phổ biến kiến thức phục vụ nhu cầu HTSĐ của mọi tầng lớp nhân dân.

2.6. Tổ chức các sự kiện hưởng ứng, tôn vinh khuyến học khuyến tài, xây dựng XHHT và các lễ hội, sự kiện văn hoá, nghệ thuật.

2.7. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các sở, ngành, tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp, các địa phương trong tỉnh triển khai các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ hưởng ứng HTSĐ và Ngày Sách và Văn hóa đọc hằng năm.

3. Bảo đảm các điều kiện cho việc thực hiện xây dựng xã hội học tập

3.1. Củng cố, phát triển, nâng cao chất lượng các cơ sở GDTX (TTGDTX; trung tâm giáo dục nghề nghiệp - GDTX; trung tâm tin học, ngoại ngữ; trung tâm/cơ sở giáo dục kỹ năng sống; TTHTCĐ,…);

3.2. Xây dựng, phê duyệt chiến lược và kế hoạch phát triển các cơ sở GDTX nhằm đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, học suốt đời của mọi đối tượng và đảm bảo chất lượng giáo dục;

3.3. Cơ sở vật chất của các TTGDTX, TTGDNN-GDTX được quan tâm đầu tư xây dựng;

3.4. Các TTHTCĐ được bố trí bộ máy quản lý theo quy định tại Quyết định 09/QĐ-BGDĐT của Bộ GDĐT (tối thiểu gồm 03 người: Giám đốc là chủ tịch/phó chủ tịch Ủy ban nhân dân/Chủ tịch Hội đồng nhân dân/Bí thư Đảng ủy cấp xã; 02 phó giám đốc là hiệu trưởng trường tiểu học/trung học cơ sở trên địa bàn và chủ tịch/phó chủ tịch/CB hội khuyến học cấp xã) và được cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước bảo đảm cho các hoạt động theo kế hoạch đã đề ra. Có trụ Sở GDĐT/Phòng làm việc của Ban giám đốc; có thư viện/tủ sách; có các phương tiện dạy-học, phương tiện nghe, nhìn và có máy tính được kết nối Internet;

3.5. Các trung tâm ngoại ngữ, tin học; trung tâm/cơ sở giáo dục kỹ năng sống được hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi trong tổ chức hoạt động;

3.6. Củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện việc xây dựng XHHT;

3.7. Chỉ đạo các huyện thành lập Ban chỉ đạo xây dựng XHHT;

3.8. Chỉ đạo Sở GDĐT có bộ phận phụ trách GDTX, công tác xây dựng XHHT; các Phòng GDĐT có bố trí CB, CC phụ trách GDTX, công tác xây dựng XHHT; các

TTHTCĐ có CB thường trực chuyên trách để lập kế hoạch, triển khai thực hiện các hoạt động ở trung tâm;

3.9. Bảo đảm kinh phí cho việc thực hiện xây dựng XHHT theo quy định của pháp luật;

Để xây dựng một XHHT và HTSĐ, một trong những vấn đề quan trọng là huy động nguồn lực phục vụ xây dựng XHHT và HTSĐ. Nguồn kinh phí phục vụ xây dựng XHHT và HTSĐ bao gồm nguồn kinh phí của ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí xã hội hóa.

- Hằng năm, UBND tỉnh bố trí đủ kinh phí thường xuyên triển khai Đề án 1373 theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.
- Có triển khai các hoạt động vận động, thu hút, huy động được các nguồn lực xã hội tham gia HTSĐ, xây dựng XHHT theo chủ trương xã hội hóa. Trong điều kiện ngân sách nhà nước còn nhiều hạn chế, việc huy động nguồn lực xã hội hóa là một trong những hướng đi quan trọng trong việc huy động nguồn tài chính hỗ trợ xây dựng XHHT và HTSĐ. Do đó UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo xây dựng các quỹ: Quỹ hỗ trợ sự nghiệp giáo dục, Quỹ khuyến học,… Các quỹ này hoạt động trên nguyên tắc đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài vì sự nghiệp GDĐT, vì mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.
- Phát động các phong trào hiệu quả, như: Phong trào hỗ trợ học sinh nghèo dưới hình thức 1 + 1 (một người lớn, một cửa hàng, một cơ quan, một đoàn thể… hỗ trợ 1 em học sinh, sinh viên về các điều kiện ăn học); Phong trào "Con gà khuyến học", "Cây chuối khuyến học", "Ao cá khuyến học" (kết quả sản xuất được bán đi lấy tiền vào quỹ); Phong trào góp tiền ủng hộ quỹ khuyến học,…

3.10. Bảo đảm cơ sở vật chất, trang bị các thiết bị CNTT phục vụ cho việc ứng dụng CNTT trong tổ chức các hoạt động của TTHTCĐ theo quy định của pháp luật.

- Có hệ thống thông tin quản lý các TTHTCĐ;
- Bảo đảm đầy đủ phòng làm việc, phương tiện cần thiết cho các TTHTCĐ.

4. Tăng cường sự tham gia và phối hợp của các lực lượng trong cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng, nhân rộng các mô hình học tập suốt đời

Học tập suốt đời là lĩnh vực có tính chất đa ngành, liên ngành, có mối liên hệ mật thiết với nhiều thành phần, lực lượng khác nhau trong một cộng đồng, xã hội. Vì vậy, khi huy động được sự tham gia, phối hợp của các thành phần, lực lượng với những vai trò khác nhau trong một cộng đồng sẽ bảo đảm cho các hoạt động HTSĐ, xây dựng XHHT đạt được kết quả thực chất và bền vững. Sự tham gia, phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả của các lực lượng trong cộng đồng, xã hội thực sự sẽ tạo ra nguồn lực to lớn cho sự phát triển, nhân rộng các mô hình HTSĐ. Để thực hiện hiệu quả việc tăng cường sự tham gia, phối hợp của các lực lượng trong cộng đồng trong xây dựng và triển khai các mô hình HTSĐ, xin gợi ý một số công việc sau:

4.1. Trước hết, cần cần xây dựng được cơ chế liên kết, phối hợp giữa các thành phần, lực lượng khác nhau trong cộng đồng, trong đó xác định rõ vai trò đầu mối (ví dụ, đại diện ngành giáo dục) và thống nhất sự chỉ đạo, điều phối chung của lãnh đạo chính quyền các cấp ở địa phương.

4.2. Xác định thế mạnh, khả năng, điều kiện của những thành phần, lực lượng tham gia, phối hợp trong từng hoạt động của mỗi một loại hình mô hình HTSĐ cụ thể (Ví dụ, mô hình Gia đình học tập cần có sự hỗ trợ, khuyến khích của đại diện các tổ dân phố/cụm dân cư và sự tạo điều kiện thuận lợi của các thiết chế văn hóa – giáo dục tại địa phương như: thư viện (hoặc tủ sách công cộng), TTHTCĐ…; mô hình Đơn vị học tập ở địa bàn cấp xã cần được tạo điều kiện để tổ chức hiệu quả các khóa học tập, đào tạo ngắn ngày tại chỗ cho người lao động thông qua TTGDTX, TTGDNN-GDTX, TTHTCĐ, được các doanh nghiệp, nhà tài trợ hỗ trợ về phương tiện, thiết bị học tập (đối với các đơn vị khó khăn), v.v.)

4.3. Xây dựng kế hoạch tham gia, phối hợp hàng năm (hoặc đưa nhiệm vụ/nội dung phối hợp thành một nhiệm vụ/nội dung trong kế hoạch hàng năm) của các đơn vị, ban ngành, đoàn thể, tổ chức để đóng góp cho việc xây dựng, triển khai nhân rộng các mô hình HTSĐ, dựa trên năng lực, khả năng cung ứng các dịch vụ/ sản phẩm, nhu cầu của cộng đồng và mối quan tâm của bản thân các thành phần, lực lượng tham gia vào quá trình liên kết, phối hợp. Khi xây dựng nội dung nhiệm vụ phối hợp cần xác định rõ nội dung, phạm vi, cách thức phối hợp, và người chịu trách nhiệm chính.

4.4. Kế hoạch này nên có sự trao đổi, tiếp thu ý kiến của các bên liên quan và sau đó thông báo rộng rãi, công khai tới các cơ quan, đơn vị, người dân có liên quan để bảo đảm thông tin được chia sẻ, tạo thuận lợi cho việc liên kết, phối hợp trong năm khi có cơ hội.

4.5. Thực hiện việc tổng kết, đánh giá kết quả tham gia, phối hợp để rút ra bài học kinh nghiệm, khắc phục các khó khăn và phát huy hơn nữa lợi thế của mỗi lực lượng trong cộng đồng.

4.6. Huy động sự tham gia thường xuyên của các cơ sở GDCQ, không chính qui trong cộng đồng nhằm khai thác khả năng, kinh nghiệm của họ trong việc truyền đạt, chia sẻ kiến thức, kĩ năng cho người dân.

4.7. Huy động sự tham gia, đóng góp của các thành phần, lực lượng xã hội có khả năng, điều kiện vào cho công tác thi đua, khen thưởng, tôn vinh những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong HTSĐ, xây dựng XHHT. Đồng thời, cũng trân trọng ghi nhận, tôn vinh các nỗ lực tham gia, phối hợp, đóng góp của các thành phần, lực lượng khác nhau trong cộng đồng cho việc xây dựng, triển khai và nhân rộng các mô hình HTSĐ để tạo động lực và khuyến khích, động viên họ tiếp tục tham gia.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

1. Chỉ đạo công tác xây dựng xã hội học tập của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện

a) Trách nhiệm của UBND cấp tỉnh

(1) Ban hành kế hoạch thực hiện Đề án của tỉnh và thành lập Ban chỉ đạo xây dựng XHHT các cấp;

(2) Chỉ đạo tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung của Đề án 1373 bằng hình thức phù hợp; Tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của Quyết định 1373, cách thức triển khai và lợi ích, kết quả thực hiện Quyết định 1373.

(3) Tiếp tục đẩy mạnh và triển khai hiệu quả việc đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập cấp xã" và đánh giá, xếp loại "Đơn vị học tập".

(4) Bố trí đủ kinh phí để thực hiện kế hoạch thực hiện Đề án của tỉnh. Cân đối ngân sách dành kinh phí hỗ trợ cho việc xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học hiện đại và hỗ trợ các hoạt động thường xuyên của các cơ sở giáo dục trong tỉnh theo các quy định hiện hành.

(5) Ban hành các cơ chế, chính sách và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các ngành, các huyện, xã về xây dựng XHHT;

(6) Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại cho các cơ sở giáo dục theo định hướng chuyển đổi số. Chỉ đạo các cơ sở GDTX đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; tăng cường ứng dụng CNTT, công nghệ số trong tổ chức các hoạt động giáo dục; tăng cường hợp tác với trường đại học, tập đoàn công nghệ giáo dục xây dựng, kết nối và chia sẻ học liệu mở, đào tạo trực tuyến.

(7) Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các sở, ngành, tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp, các địa phương trong tỉnh triển khai các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ hưởng ứng HTSĐ và Ngày Sách và Văn hóa đọc hằng năm.

(8) Chỉ đạo các cơ quan phát thanh, truyền hình, báo của địa phương xây dựng chuyên mục tuyên truyền về xây dựng XHHT.

(9) Chỉ đạo các địa phương trong tỉnh tăng cường quản lý, chỉ đạo nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác XMC; chú trọng xóa mù kiến thức khoa học, CNTT và truyền thông và nhiều lĩnh vực khác (XMC chức năng).

(10) Chỉ đạo các sở, ban, ngành có các hình thức động viên CB, CC, VC, NLĐ tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao kiến thức, trình độ, kỹ năng và tham gia các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT.

(11) Chỉ đạo các trường đại học, cao đẳng trong tỉnh tăng cường phối hợp với các quận, huyện, thị xã xây dựng kế hoạch nghiên cứu về các lĩnh vực kinh tế - xã hội; tổ chức biên soạn tài liệu học tập cho các TTHTCĐ, các cơ sở GDTX; tổ chức các lớp bồi dưỡng cho CB, CC, VC và các lớp chuyển giao khoa học – kỹ thuật cho NLĐ.

(12) Nghiên cứu, lựa chọn và đề xuất các thành phố, quận, thị xã trực thuộc đăng ký tham gia mạng lưới các thành phố học tập toàn cầu của UNESCO theo văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT.

(13) Kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ và đột xuất việc triển khai thực hiện Đề án tại địa phương.

(14) Tổ chức xét tặng giải thưởng "Học tập suốt đời" cho những cá nhân tiêu biểu về tự học thành tài, các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho công tác xây dựng XHHT.

(15) Hằng năm tổ chức sơ kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện Đề án tại địa phương.

b) Trách nhiệm của UBND cấp huyện

(1) Thành lập Ban chỉ đạo xây dựng XHHT cấp huyện;

(2) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án 1373 hằng năm;

(3) Bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để đảm bảo việc thực hiện mục tiêu của Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án 1373 của huyện.

(4) Chỉ đạo các cơ quan thông tin của địa phương (Phòng Văn hóa và Thông tin, Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện,…) xây dựng chuyên mục tuyên truyền về xây dựng XHHT. Tổ chức "Tuần lễ hưởng ứng HTSĐ" và Ngày Sách và Văn hoá đọc hằng năm với các hoạt động thiết thực và hiệu quả.

(5) Chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể đẩy mạnh việc mở các lớp chuyên đề bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng các kỹ năng cho NLĐ.

(6) Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng XHHT giai đoạn 2012-2020 và cụ thể hóa nội dung kế hoạch thành các chương trình, kế hoạch cụ thể tại địa phương.

(7) Chỉ đạo xây dựng và nhân rộng các mô hình "Gia đình học tập", "Dòng họ học tập", "Cộng đồng học tập" và "Đơn vị học tập".

(8) Tổ chức xét tặng danh hiệu "Cộng đồng học tập cấp xã" và danh hiệu "Đơn vị học tập".

(9) Tổ chức tuyên dương, khen thưởng các đơn vị và cá nhân có nhiều thành tích trong công tác xây dựng XHHT.

(10) Tăng cường chỉ đạo, quản lý hoạt động của các TTHTCĐ trên địa bàn; Chỉ đạo Phòng GDĐT tổ chức đánh giá, xếp loại TTHTCĐ hằng năm.

(11) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch tại địa phương và tổng hợp, báo cáo tình hình xây dựng XHHT trên địa bàn về Sở GDĐT để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ GDĐT.

2. Tổ chức thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập của các sở, ban ngành liên quan

a) Trách nhiệm của Sở GDĐT

(1) Chủ trì phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Thông tin và Truyền thông phát hành Bản tin xây dựng XHHT hằng quí;
(2) Xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm; dự trù kinh phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08/3/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2021-2030".
(3) Chủ trì phối hợp với sở, ban ngành biên soạn và số hóa những tài liệu học tập, sách hướng dẫn cho các TTHTCĐ.
(4) Chỉ đạo các Phòng GDĐT phối hợp với TTGDTX, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX về công tác tư vấn, hỗ trợ các TTHTCĐ.
(5) Chỉ đạo các TTGDTX, Trung tâm GDNN-GDTX nâng cao chất lượng, năng lực hoạt động theo hướng thực hiện nhiều nhiệm vụ, phù hợp với điều kiện thực tế của địa bàn và đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội: dạy văn hóa kết hợp tư vấn hướng nghiệp và dạy nghề; Tổ chức dạy nghề và triển khai các chương trình khoa học kỹ thuật, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng suất, tăng thu nhập cho lao động nông thôn,…
(6) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác XMC, công tác điều tra, vận động người mù chữ, tái mù chữ đi học XMC, phương pháp dạy học cho người lớn, tổ chức lớp học..., công tác quản lý và hoạt động của TTHTCĐ cho CB, giáo viên trong và ngoài ngành Giáo dục, mở các lớp tiếng dân tộc thiểu số cho giáo viên và CB đang công tác tại địa bàn tỉnh.
(7) Kiểm tra việc đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã và "Đơn vị học tập" theo qui định.
(8) Chỉ đạo TTGDTX tỉnh phối hợp với các trường Đại học, trường Cao đẳng tổ chức các lớp học và thực hiện chương trình đào tạo từ xa theo đúng quy định của Bộ GDĐT và của các trường đại học liên kết. Bổ sung, tăng cường giáo trình, học liệu cho thư viện và xây dựng thư viện điện tử.
(9) Xây dựng tiêu chuẩn, kế hoạch xét chọn, đề cử Giải thưởng HTSĐ theo Qui chế của Bộ GDĐT.

b) Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

(1) Quán triệt, triển khai, tuyên truyền và tổ chức thực hiện tốt Đề án "Đẩy mạnh các hoạt động HTSĐ trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ" sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
(2) Tổ chức Ngày hội "Đọc và HTSĐ theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại", tổ chức cuộc thi "Đại Sứ văn hóa đọc" và trao tặng "Giải thưởng phát triển văn hóa đọc" hằng năm.
(3) Phối hợp với Sở GDĐT, các sở, ngành liên quan tổ chức các hoạt động "Tuần lễ hưởng ứng HTSĐ".
(4) Chỉ đạo Bảo tàng tỉnh tổ chức triển lãm tranh, ảnh, trưng bày hiện vật giới thiệu về truyền thống lịch sử, văn hóa con người địa phương; phối hợp với các huyện, thị xã

tổ chức triển lãm, tranh ảnh, trưng bày hiện vật vào các dịp tổ chức sự kiện tại các địa phương.

(5) Chỉ đạo Thư viện tỉnh tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giới thiệu sách báo, phục vụ các nhiệm vụ chính trị, các sự kiện văn hóa và các ngày lễ kỷ niệm; tổ chức lễ phát động Hưởng ứng Ngày sách và Văn hoá đọc Việt Nam; tặng ấn phẩm sách, báo, tài liệu cho các thư viện trường học, thư viện cấp xã, tủ sách cơ sở, thư viện tư nhân; tăng cường xe thư viện lưu động phục vụ bạn đọc vùng sâu, vùng xa...

(6) Phối hợp với Sở GDĐT đẩy mạnh việc xây dựng các chương trình giáo dục thông qua thư viện, bảo tảng, nhà văn hóa, câu lạc bộ trong trường phổ thông.

(7) Chỉ đạo đẩy mạnh học tập cho người lớn tại các thư viện, bảo tàng, câu lạc bộ.

(8) Tổ chức các cuộc thi vòng sơ khảo "Đại sứ văn hóa đọc" cho học sinh tiểu học, THCS, THPT trên địa bàn tỉnh,…

c) Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

(1) Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan báo chí, cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tuyên truyền sâu rộng về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT; xây dựng mới các chuyên trang, chuyên mục; tăng thời lượng phát sóng tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống đài truyền thanh cơ sở về mục đích, ý nghĩa, vai trò và lợi ích của việc HTSĐ, xây dựng XHHT; biểu dương các gương điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt trong giáo dục, học tập.

(2) Phối hợp với Sở GDĐT tuyên truyền về các hoạt động của Đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2021-2030".

d) Trách nhiệm của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

(1) Tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của Đề án "Xây dựng kho học liệu mở phục vụ việc tự học và HTSĐ trên hệ sinh thái truyền hình giáo dục Việt Nam" sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; cách thức triển khai và lợi ích, kết quả thực hiện Đề án.

(2) Phối hợp với Sở GDĐT, Hội Khuyến học tỉnh phát sóng các tin, bài, phóng sự về xây dựng XHHT; mở chuyên mục khuyến học, khuyến tài; tuyên truyền về các chương trình giáo dục cộng đồng; phổ biến các quy định mới về giáo dục.

(3) Tham gia thực hiện các chương trình giáo dục từ xa, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức về các lĩnh vực của khoa học và đời sống.

d) Trách nhiệm của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

(1) Nhân rộng các mô hình đào tạo, đào tạo lại nghề nghiệp cho NLĐ trong các doanh nghiệp; đào tạo nghề gắn với ngành nghề truyền thống, gắn với sản xuất, kinh doanh.

(2) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tạo điều kiện hỗ trợ công nhân lao động học nghề, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động; phối hợp với doanh nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao, đào tạo lại, đào tạo thường xuyên lực lượng lao động; phối hợp với Hội khuyến học tỉnh triển khai các hoạt động về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT trong

các hoạt động đào tạo nghề nghiệp cho lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật và các đối tượng chính sách khác.

đ) Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(1) Phối hợp chỉ đạo, tổ chức thực hiện đào tạo, tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho đối tượng là lao động nông thôn.

(2) Phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, các cơ sở đào tạo nghề tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho NLĐ nông thôn nhằm giúp người dân vận dụng vào điều kiện thực tế trong tổ chức sản xuất, kinh doanh, nâng cao thu nhập và có việc làm, tự tạo việc làm.

e) Trách nhiệm của Sở Tài chính

Phối hợp với Sở GDĐT tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo việc cấp kinh phí cho thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030" theo Thông tư 07/2018/TT-BTC ngày 24/1/2018 của Bộ Tài chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong tỉnh triển khai Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030".

3. Phối hợp tổ chức thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và tổ chức xã hội

a) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh

(1) Ban hành các văn bản, kế hoạch, hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp với các tổ chức thành viên, chính quyền các cấp; các cơ quan ban ngành liên quan để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng XHHT trên địa bàn tỉnh.

(2) Chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp xây dựng kế hoạch tổ chức các phong trào thi đua khuyến học, khuyến tài, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về tự học, học thường xuyên, học suốt đời và giám sát các nội dung liên quan.

(3) Hằng năm, đưa nội dung công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT vào tiêu chí đánh giá, xếp loại phong trào Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư đánh giá kết quả trong dịp tổ chức Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu dân cư (18/11).

(4) Phối hợp tổ chức, củng cố và nhân rộng các mô hình, điển hình "Gia đình học tập", "Dòng học học tập", "Cộng đồng học tập", "Đơn vị học tập"' và có sơ kết, tổng kết đánh giá và biểu dương khen thưởng kịp thời các mô hình tiêu biểu hằng năm.

b) Hội Khuyến học tỉnh

(1) Tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của Quyết định số 387/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình "Đẩy mạnh phong trào HTSĐ

trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị giai đoạn 2021-2030" (Chương trình 387), cách thức triển khai và lợi ích, kết quả thực hiện Chương trình 387.

(2) Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào thi đua, học tập thường xuyên, liên tục, HTSĐ trong các tầng lớp nhân dân thông qua việc triển khai hiệu quả, nhân rộng các mô hình "Gia đình học tập", "Dòng họ học tập", "Đơn vị học tập".

(3) Phát động phong trào thi đua, tổ chức cuộc vận động để thúc đẩy HTSĐ trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị, gắn kết với phong trào xây dựng cộng đồng học tập cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh.

(4) Tuyên truyền vận động các tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm tham gia công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT, xây dựng Quỹ khuyến học để khuyến khích, giúp đỡ các thành viên học tập có hiệu quả.

(5) Phối hợp với Sở GDĐT, các ngành, tổ chức tham mưu với Tỉnh ủy, UBND tỉnh xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT hằng năm.

(6) Phối hợp với Sở GDĐT tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cho CBQL TTHTCĐ, CB khuyến học và CBQL giáo dục.

(7) Hỗ trợ Hội khuyến học cấp huyện, cấp xã các hoạt động, các sự kiện khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT.

(8) Phối hợp tổ chức Hội nghị biểu dương, vinh danh các tập thể, cá nhân tích cực trong công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT.

(9) Vận động hội viên tham gia các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT.

(10) Phát động phong trào thi đua, tổ chức cuộc vận động để thúc đẩy HTSĐ trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị.

c) Liên đoàn lao động tỉnh

(1) Tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của Đề án "Đẩy mạnh các hoạt động HTSĐ trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2030" sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; cách thức triển khai và lợi ích, kết quả thực hiện Đề án.

(2) Phối hợp với các ngành liên quan tổ chức hội nghị chuyên đề về văn hóa; tổ chức các lớp kỹ năng xây dựng đời sống văn hóa cho CB công đoàn trong các doanh nghiệp ở các khu, cụm công nghiệp; trang bị, đầu tư bổ sung tủ sách pháp luật, sách báo cho công đoàn cơ sở và khu nhà trọ công nhân lao động.

(3) Chỉ đạo các cấp công đoàn cơ sở phát triển tổ chức Hội trong các công đoàn cơ sở.

d) Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

(1) Phối hợp Sở GDĐT, Hội Khuyến học tỉnh tổ chức tập huấn cho CB hội viên khuyến học về lồng ghép các hoạt động tại TTHTCĐ với bình đẳng giới.

(2) Chỉ đạo các cấp hội phấn đấu mỗi hội viên phụ nữ là một hội viên khuyến học, tích cực tự học áp dụng kiến thức khoa học vào lao động sản xuất phát triển kinh tế gia

đình; triển khai chương trình cho phụ nữ nghèo vay vốn của Hội Khuyến học; Triển khai phong trào "Nuôi lợn nhựa khuyến học",…

đ) Hội Cựu chiến binh

(1) Phối hợp chỉ đạo các cấp hội vận động hội viên tham gia làm hội viên khuyến học, tham gia phong trào thi đua khuyến học, xây dựng mỗi gia đình cựu chiến binh là một "Gia đình học tập".

(2) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng chính sách xã hội, Liên minh hợp tác xã, Sở Tài nguyên môi trường và các cấp hội trong tỉnh đã tổ chức được các lớp tập huấn cho CB, hội viên tham gia về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh cho gia súc, cây trồng, bảo vệ môi trường, công tác quản lý điều hành hợp tác xã và một số những nội dung về xây dựng nông thôn mới, kinh nghiệm quản lý sử dụng vốn vay có hiệu quả,...

e) Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh

(1) Chỉ đạo các cấp Đoàn - Hội - Đội tổ chức nhiều hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; phòng chống bạo lực học đường; xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học.

(2) Tổ chức hoạt động giao lưu với những sinh viên điển hình, những tấm gương sinh viên vượt khó, vươn lên trong học tập.

(3) Triển khai hiệu quả Chương trình sinh viên 5 tốt, học sinh 3 rèn luyện, học sinh 3 tốt, phong trào Thiếu nhi Việt Nam thi đua làm theo 5 điều Bác Hồ dạy, Chương trình "Rèn luyện Đội viên",… và tuyên dương học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện.

(4) Phối hợp với Sở GDĐT phát động phong trào quyên góp và trao tặng học bổng, đồ dùng học tập (cặp sách, vở, bút...), quần áo cho học sinh nghèo vùng núi, vùng khó khăn,…

g) Hội Người cao tuổi tỉnh

(1) Phối hợp tuyên truyền, triển khai phong trào thi đua "Tuổi cao - gương sáng" của Hội với phong trào xây dựng các mô hình học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng; động viên người cao tuổi nêu tấm gương sáng về HTSĐ, chăm lo truyền dạy con cháu học tập về mọi mặt, tích cực tham gia học tập tại TTHTCĐ.

(2) Vận động người cao tuổi tích cực tham gia công tác khuyến học ở khu dân cư và dòng họ của mình.

h) Hội Cựu giáo chức tỉnh

(1) Phối hợp tổ chức Hội thi CB khuyến học giỏi; Hội nghị biểu dương cựu giáo chức tiêu biểu làm tốt công tác khuyến học.

(2) Vận động hội viên tham gia các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT, tham gia giảng dạy tại các TTHTCĐ,…

i) Hội Nông dân tỉnh

(1) Phối hợp với Sở GDĐT triển khai, thực hiện công tác xây dựng XHHT trên địa bàn tỉnh.

(2) Chỉ đạo Hội Nông dân từ huyện đến cơ sở tích cực tham mưu, triển khai thực hiện, tổ chức phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên nông dân tham gia thực hiện công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT, đẩy mạnh phong trào xây dựng "Gia đình học tập", "Dòng họ học tập".

(3) Tích cực phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề, tạo việc làm, tập huấn khoa học - kỹ thuật xây dựng các mô hình phát triển kinh tế cho hội viên, nông dân, hỗ trợ nông dân khởi nghiệp.

(4) Thu hút, khích lệ hội viên, nông dân tích cực tham gia các hoạt động của Hội cũng như các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới ở địa bàn.

k) Các tổ chức đoàn thể khác

(1) Phối hợp tham gia tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia học tập; đưa một số nội dung thuộc Đề án 1373 vào cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư".

(2) Lồng ghép các hoạt động tuyên truyền về xây dựng XHHT cho các đoàn viên, thanh niên, phụ nữ, NLĐ; phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai nhiệm vụ và giải pháp xây dựng XHHT phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của hội.

Chương 4

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Đánh giá kết quả xây dựng XHHT là một trong những yếu tố cốt lõi đảm bảo cho sự thành công và bền vững của công tác xây dựng XHHT. Trước hết, việc đánh giá phải được thực hiện ngay từ cấp cơ sở và trong từng đơn vị trên địa bàn cấp tỉnh, huyện của các địa phương. Vì vậy, phần này tập trung hướng dẫn, gợi ý cụ thể cho việc đánh giá kết quả xây dựng XHHT theo hai mô hình là Đơn vị học tập trên địa bàn huyện/tỉnh và Cộng đồng học tập cấp xã.

Căn cứ Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12/12/2014 và Thông tư số 22/2020/TT-BGDĐT ngày 06/8/2020 của Bộ GDĐT, khi tổ chức đánh giá Đơn vị học tập trực thuộc huyện/tỉnh và Cộng đồng học tập cấp xã, các địa phương cần chú trọng những vấn đề sau:

- Việc đánh giá được thực hiện hằng năm, chủ yếu dựa trên ***tự đánh giá, xếp loại của các xã, của các cơ quan đơn vị trực thuộc tỉnh và huyện.***
- Việc đánh giá hằng năm do các cấp ủy Đảng lãnh đạo, UBND các cấp chủ trì tổ chức, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức, ban ngành, đoàn thể phối hợp cùng thực hiện, triển khai, trong đó ***ngành giáo dục các cấp chủ trì***, phối hợp với ***Hội khuyến học giữ vai trò nòng cốt tham mưu***, chỉ đạo, tổ chức thực hiện.
- Việc đánh giá không chỉ được tiến hành vào thời điểm cuối năm, mà ***cần được thực hiện trong suốt cả quá trình, có kế hoạch, có giám sát, có sự phân công cụ thể, rõ ràng*** cho các đơn vị liên quan phụ trách ***giám sát, đánh giá*** tiêu chí cụ thể phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị.
- Việc đánh giá kết quả xây dựng XHHT của các địa phương ***cần có sự chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể của UBND cấp tỉnh, huyện trên cơ sở tham mưu của Sở GDĐT, Phòng GDĐT và Hội Khuyến học cấp tỉnh, huyện***. Cụ thể, theo Thông tư số 22/2020/TT-BGDĐT và Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT.

UBND cấp tỉnh

- Chỉ đạo các cơ quan liên quan xây dựng và thực hiện kế hoạch xây dựng XHHT của địa phương;
- Căn cứ tiêu chí, quy trình đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập theo Thông tư số 22/2020/TT-BGDĐT và Cộng đồng học tập cấp xã quy theo Thông tư số 44/2014/BGDĐT của Bộ GDĐT hướng dẫn UBND các huyện và các đơn vị liên quan tổ chức đánh giá Đơn vị học tập, Cộng đồng học tập cấp xã sao cho phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương;

- Bố trí kinh phí đảm bảo cho công tác kiểm tra, thanh tra, tổng kết việc đánh giá Đơn vị học tập, Cộng đồng học tập cấp xã.

***Sở Giáo dục và Đào tạo*:**

- Chủ trì, phối hợp với Hội khuyến học cấp tỉnh và các sở, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh hướng dẫn triển khai thực hiện Thông tư số 22/2020/TT-BGDĐT và Thông tư số 44/2014/BGDĐT;
- Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập của các đơn vị và Cộng đồng học tập cấp xã trên địa bàn;
- Tổng hợp và báo cáo kết quả về Bộ GDĐT.

UBND cấp huyện:

- Chỉ đạo các đơn vị cấp huyện xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đánh giá Đơn vị học tập của các đơn vị, Cộng đồng học tập cấp xã của các xã trên địa bàn;
- Chỉ đạo Phòng GDĐT chủ trì tổ chức kiểm tra việc đánh giá Đơn vị học tập của các đơn vị, Cộng đồng học tập cấp xã của các xã trên địa bàn.

II. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ ĐƠN VỊ HỌC TẬP CẤP HUYỆN, CẤP TỈNH

1. Thực hiện tự đánh giá đơn vị học tập cấp huyện, cấp tỉnh như thế nào?

1.1. Các công việc cần triển khai

Sau đây là gợi ý các công việc cần thiết mà lãnh đạo các đơn vị trên địa bàn tỉnh, huyện chủ trì tổ chức tự đánh giá Đơn vị học tập hằng năm.

(1) Xây dựng kế hoạch của đơn vị và chỉ đạo các bộ phận của đơn vị xây dựng kế hoạch tự kiểm tra, đánh giá kết quả xây dựng XHHT.
(2) Chủ trì tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch tự đánh giá Đơn vị học tập, quán triệt các tiêu chí, quy trình đánh giá và phân công trách nhiệm giám sát, đánh giá các tiêu chí cho các bộ phận trong đơn vị.
(3) Chỉ đạo các bộ phận của đơn vị giám sát các tiêu chí đã được phân công.
(4) Chủ trì tổ chức cuộc họp giữa kỳ để các bộ phận của đơn vị được phân công báo cáo tiến độ, kết quả giám sát các tiêu chí và các khó khăn, kiến nghị cần thiết.
(5) Chỉ đạo các bộ phận của đơn vị tiếp tục giám sát các tiêu chí đã được phân công và thu thập các minh chứng phù hợp chuẩn bị cho việc đánh giá.
(6) Chủ trì tổ chức cuộc họp cuối kỳ để các bộ phận của đơn vị báo cáo kết quả đánh giá, chấm điểm các tiêu chí đã được phân công cùng với các minh chứng cần thiết, trao đổi và thống nhất cho điểm từng tiêu chí.
(7) Gửi báo cáo kết quả tự đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập về Sở GDĐT (đối với các đơn vị cấp tỉnh); Phòng GDĐT (đối với các đơn vị cấp huyện).

1.2. Kế hoạch tổ chức tự đánh giá Đơn vị học tập

Việc tự đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập không chỉ tiến hành vào cuối năm, mà cần có kế hoạch và phân công giám sát từ đầu năm. Sau đây là gợi ý để các địa phương tham khảo.

Quý I

Lãnh đạo các đơn vị chỉ đạo/chủ trì tổ chức, triển khai các công việc sau:

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các bộ phận của đơn vị xây dựng kế hoạch, phê duyệt Kế hoạch tự kiểm tra, đánh giá kết quả xây dựng XHHT của các bộ phận thuộc đơn vị, bao gồm phân công giám sát, đánh giá các tiêu chí cho các bộ phận của đơn vị.
- Chủ trì tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch tự đánh giá Đơn vị học tập, quán triệt các tiêu chí và phân công trách nhiệm giám sát, đánh giá các tiêu chí cho các đơn vị liên quan trong xã.

Quý II

Lãnh đạo đơn vị chỉ đạo/chủ trì tổ chức triển khai các công việc sau:

- Chỉ đạo các bộ phận của đơn vị triển khai giám sát việc thực hiện các tiêu chí đã được phân công;
- Chủ trì tổ chức cuộc họp giữa năm để các đơn vị được phân công báo cáo tiến độ, kết quả giám sát việc thực hiện các tiêu chí và các khó khăn, kiến nghị cần thiết.

Quý III:

Lãnh đạo đơn vị chỉ đạo các bộ phận của đơn vị tiếp tục giám sát các tiêu chí đã được phân công và chuẩn bị thu thập các minh chứng cần thiết để đánh giá việc thực hiện các tiêu chí.

Quý IV:

Lãnh đạo đơn vị chỉ đạo/chủ trì tổ chức, triển khai các công việc sau:

- Chỉ đạo các đơn vị thu thập các minh chứng cần thiết.
- Chủ trì tổ chức cuộc họp cuối kỳ để các bộ phận của đơn vị báo cáo kết quả đánh giá, chấm điểm các tiêu chí đã được phân công cùng với các minh chứng cần thiết, trao đổi và thống nhất cho điểm từng tiêu chí.
- Gửi báo cáo kết quả tự đánh giá, xếp loại của đơn vị lên Sở GDĐT/Phòng GDĐT (chậm nhất sang quý I năm sau).

2. Ủy ban nhân dân huyện và Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra, đánh giá Đơn vị học tập cấp huyện, cấp tỉnh như thế nào?

2.1. Các công việc cần triển khai

Sau đây là gợi ý các công việc cần thiết mà UBND cấp huyện, Phòng GDĐT cần triển khai để chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại kết quả xây dựng XHHT trong huyện, trong tỉnh hằng năm.

(1) UBND cấp huyện:

- Chỉ đạo các đơn vị cấp huyện xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đánh giá Đơn vị học tập;
- Chỉ đạo Phòng GDĐT chủ trì tổ chức kiểm tra việc tự đánh giá Đơn vị học tập của các đơn vị cấp huyện trên địa bàn.

(2) Phòng GDĐT:

- Chủ trì, phối hợp với Hội Khuyến học huyện và các ban ngành, đoàn thể liên quan tham mưu UBND huyện hướng dẫn các đơn vị trên địa bàn huyện triển khai thực hiện tự kiểm tra, giám sát, đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập;
- Chủ trì, phối hợp với Hội Khuyến học huyện và các ban ngành, đoàn thể liên quan tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch kiểm tra, đánh giá Đơn vị học tập của các đơn vị trên địa bàn huyện, quán triệt các tiêu chí, minh chứng, quy trình kiểm tra và phân công trách nhiệm kiểm tra, thanh tra cho các đơn vị/các đoàn kiểm tra.
- Thành lập các đoàn kiểm tra, thanh tra việc đánh giá Đơn vị học tập sau khi nhận được báo cáo kết quả tự đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập của các đơn vị trên địa bàn huyện.
- Chỉ đạo các đoàn công tác đã được phân công triển khai thực hiện kiểm tra, thanh tra việc đánh giá Đơn vị học tập của các đơn vị trên địa bàn huyện.
- Chủ trì tổ chức cuộc họp mời các đơn vị/các đoàn kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá Đơn vị học tập của các đơn vị.

(3) Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Chủ trì, phối hợp với Hội Khuyến học tỉnh và các ban ngành, đoàn thể liên quan tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn các đơn vị trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện tự kiểm tra, giám sát, đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập;
- Chủ trì, phối hợp với Hội Khuyến học tỉnh và các ban ngành, đoàn thể liên quan tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch kiểm tra, đánh giá Đơn vị học tập của các đơn vị trên địa bàn tỉnh, quán triệt các tiêu chí, minh chứng, quy trình kiểm tra và phân công trách nhiệm kiểm tra, thanh tra cho các đơn vị/các đoàn kiểm tra.
- Thành lập các đoàn kiểm tra, thanh tra việc đánh giá Đơn vị học tập sau khi nhận được báo cáo kết quả tự đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập của các đơn vị trên địa bàn tỉnh.
- Chỉ đạo các đoàn công tác đã được phân công triển khai thực hiện kiểm tra, thanh tra việc đánh giá Đơn vị học tập của các đơn vị trên địa bàn tỉnh.
- Chủ trì tổ chức cuộc họp mời các đơn vị/các đoàn kiểm tra, thanh tra báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá Đơn vị học tập của các đơn vị.
- Tổng hợp và báo cáo kết quả về Bộ GDĐT hàng năm.

2.2. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá Đơn vị học tập

Công tác kiểm tra, thanh tra việc đánh giá Đơn vị học tập thường được tiến hành gấp, vào tháng cuối cùng của năm hoặc đầu năm sau sau khi nhận được báo cáo kết quả tự đánh giá, xếp loại của các đơn vị. Vì vậy cần phải huy động nhiều lực lượng, tiến hành khẩn trương nhưng phải bào đảm chính xác, khách quan để có tác dụng động viên.

Nên có kế hoạch phân công theo dõi từ đầu năm, trong suốt quá trình thì công tác kiểm tra, thanh tra việc đánh giá Đơn vị học tập vào cuối năm khi nhận được báo cáo các đơn vị sẽ thuận tiện và nhanh chóng hơn.

Tùy theo tình hình cụ thể của từng địa phương, kế hoạch cụ thể sẽ khác nhau. Sau đây là ví dụ tham khảo:

1-10/12:

- Sở GDĐT, Phòng GDĐT chủ trì, phối hợp với Hội Khuyến học huyện, tỉnh tham mưu Chủ tịch UBND huyện, tỉnh phê duyệt Kế hoạch kiểm tra, đánh giá, Đơn vị học tập của đơn vị và thành lập các đoàn kiểm tra, đánh giá Đơn vị học tập.
- Sở GDĐT, Phòng GDĐT chủ trì, phối hợp với Hội Khuyến học huyện, tỉnh và các ban ngành, đoàn thể liên quan tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch hoạch kiểm tra, đánh giá Đơn vị học tập của các đơn vị trên địa bàn huyện, tỉnh, quán triệt các tiêu chí, minh chứng, quy trình kiểm tra và phân công trách nhiệm kiểm tra, thanh tra cho các đơn vị/các đoàn kiểm tra.

10-20/12:

- Các đoàn tổ chức kiểm tra, thanh tra việc giám sát, đánh giá Đơn vị học tập ở các đơn vị được phân công.

20-30/12:

- Sở GDĐT, Phòng GDĐT chủ trì tổ chức cuộc họp mời các đoàn kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá Đơn vị học tập trên địa bàn.
- Sở GDĐT, Phòng GDĐT tổng hợp và kết quả trình Chủ tịch UBND cùng cấp quyết định công nhận kết quả đánh giá Đơn vị học tập và công bố công khai.
- Sở GDĐT tổng hợp và báo cáo kết quả về Bộ GDĐT trước ngày 31/1 hàng năm.

III. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ "CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP" CẤP XÃ

1. Xã tổ chức tự đánh giá "Cộng đồng học tập" cấp xã như thế nào?

1.1. Các công việc cần triển khai

Sau đây là gợi ý các công việc cần thiết mà Hội Khuyến học xã và nhà trường Mầm non, Tiểu học hoặc Trung học cơ sở trên địa bàn xã, do UBND xã chỉ định (sau đây gọi tắt là Nhà trường) cần triển khai để tham mưu cho UBND xã chủ trì tổ chức tự đánh giá "Cộng đồng học tập" cấp xã hằng năm.

(1) Hội Khuyến học xã phối hợp với nhà trường chủ trì tham mưu Chủ tịch UBND xã phê duyệt Kế hoạch tự kiểm tra, đánh giá kết quả xây dựng "Cộng đồng học tập" cấp xã và phân công giám sát, đánh giá các tiêu chí cho các đơn vị liên quan.

(2) Hội khuyến học xã phối hợp với nhà trường tham mưu UBND xã chỉ đạo/chủ trì tổ chức các công việc sau:

- Chủ trì tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch tự đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã, quán triệt các tiêu chí, quy trình đánh giá và phân công trách nhiệm giám sát, đánh giá các tiêu chí cho các đơn vị liên quan.
- Chỉ đạo các đơn vị liên quan giám sát các tiêu chí đã được phân công.
- Chủ trì tổ chức cuộc họp giữa kỳ để các đơn vị được phân công báo cáo tiến độ, kết quả giám sát các tiêu chí và các khó khăn, kiến nghị cần thiết.
- Chỉ đạo các đơn vị liên quan tiếp tục giám sát các tiêu chí đã được phân công và thu thập các minh chứng phù hợp.
- Chủ trì tổ chức cuộc họp cuối kỳ để các đơn vị liên quan báo cáo kết quả đánh giá, chấm điểm các tiêu chí đã được phân công cùng với các minh chứng cần thiết, trao đổi và thống nhất cho điểm từng tiêu chí.

(3) Hội Khuyến học xã phối hợp với nhà trường tham mưu UBND xã chuẩn bị hồ sơ và ký tờ trình đề nghị UBND huyện kiểm tra, đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" của xã. Hồ sơ bao gồm:

- Tờ trình của UBND xã;
- Báo cáo đánh giá kết quả xây dựng "Cộng đồng học tập" của xã (kèm theo các minh chứng phù hợp với các tiêu chí), có xác nhận của Chủ tịch UBND xã;
- Biên bản tự kiểm tra, đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" của xã.

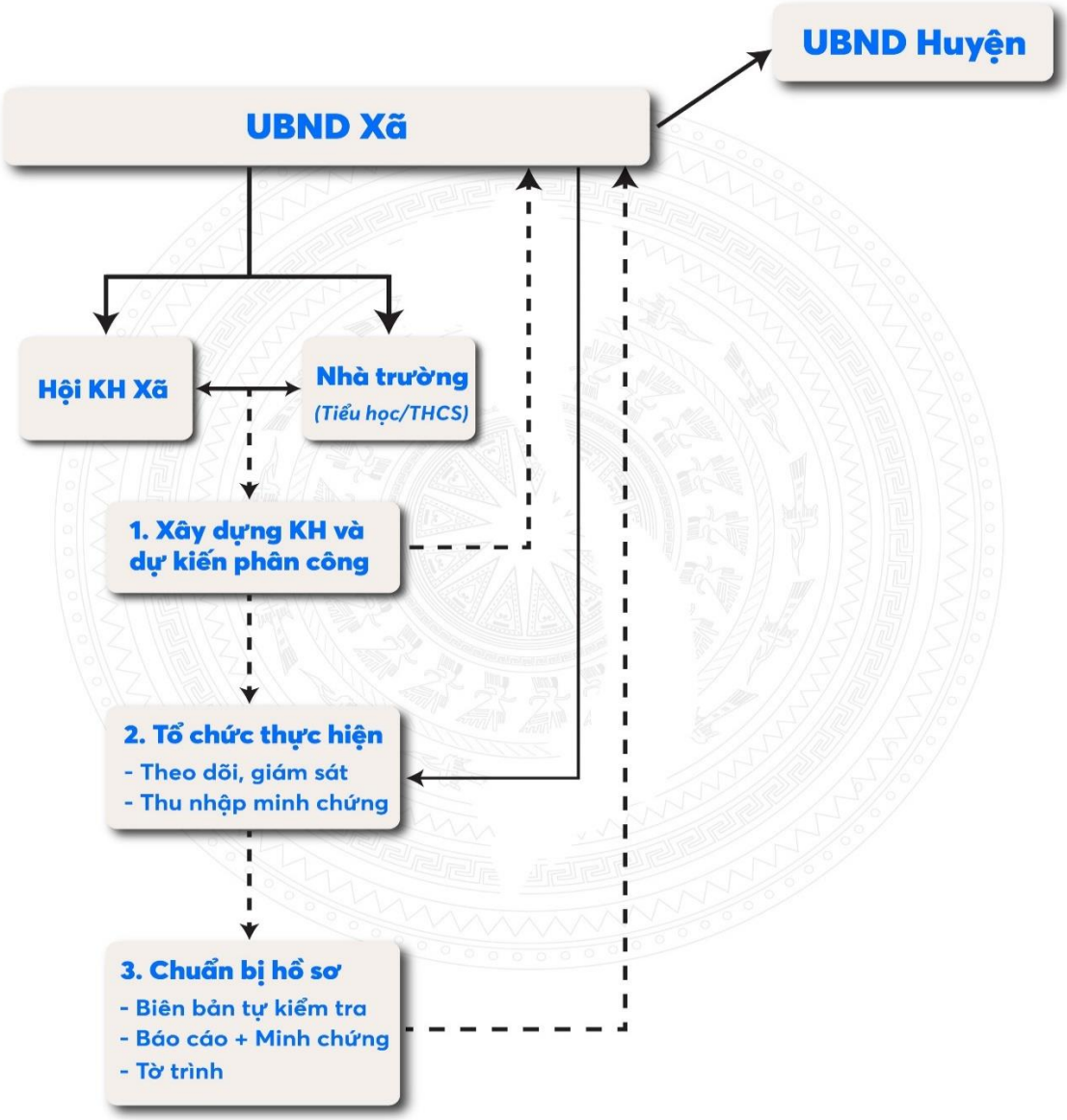

Tóm lại, Hội Khuyến học xã và nhà trường cần tham mưu cho UBND xã và Chủ tịch UBND xã các loại tờ trình, kế hoạch, quyết định, báo cáo sau:

(i) Tờ trình của Hội Khuyến học xã và nhà trường đề nghị Chủ tịch UBND xã phê duyệt Kế hoạch tự kiểm tra, đánh giá kết quả xây dựng "Cộng đồng học tập" cấp xã.

(ii) Kế hoạch tự kiểm tra, đánh giá kết quả xây dựng "Cộng đồng học tập" cấp xã do Chủ tịch UBND xã phê duyệt (bao gồm phân công giám sát, đánh giá các tiêu chí của "Cộng đồng học tập" cấp xã cho các đơn vị liên quan).

(iii) Kết quả đánh giá, cho điểm từng tiêu chí của các đơn vị được phân công.

(iv) Biên bản tự kiểm tra, đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" của xã.

(v) Báo cáo đánh giá kết quả xây dựng "Cộng đồng học tập" của xã do Chủ tịch UBND xã ký gửi UBND huyện .

(vi) Tờ trình của chủ tịch UBND xã đề nghị UBND huyện kiểm tra, đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã.

Tùy theo yêu cầu của từng địa phương, có thể bổ sung thêm hoặc ghép các văn bản trên.

1.2. Vai trò, trách nhiệm của UBND xã, Hội Khuyến học, nhà trường và các đơn vị liên quan trong xã

Để việc đánh giá "Cộng đồng học tập" cấp xã được thuận lợi, bảo đảm tính chính xác, khách quan và có tác dụng khuyến khích phong trào xây dựng XHHT ở cơ sở, cần quán triệt các quan điểm sau trong suốt quá trình giám sát, đánh giá "Cộng đồng học tập" cấp xã:

- Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền;
- Bảo đảm vai trò nòng cốt tham mưu của Hội Khuyến học và ngành giáo dục các cấp;
- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ và sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị, của Mặt trận tổ quốc, các tổ chức, ban ngành, đoàn thể và đơn vị liên quan.

UBND xã*:* Vai trò chủ trì. Cụ thể:

- Chủ trì tổ chức tự đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" của xã mình; Phê duyệt Kế hoạch tự kiểm tra, đánh giá kết quả xây dựng "Cộng đồng học tập" cấp xã ; và Phân công trách nhiệm cho các đơn vị liên quan phụ trách giám sát, đánh giá từng tiêu chí.
- Chỉ đạo tổ chức và kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch của các đơn vị đã được phân công. (Chủ trì tổ chức, chỉ đạo các Hội nghị triển khai, các cuộc họp giữa kỳ để kiểm điểm tiến độ và cuộc họp cuối kỳ thống nhất kết quả tự đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" của xã trong năm đó …).
- Chỉ đạo Hội Khuyến học xã và nhà trường chuẩn bị hồ sơ và ký tờ trình đề nghị UBND huyện kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" của xã.

Hội Khuyến học xã*:* Vai trò nòng cốt tham mưu. Cụ thể:

- Hằng năm phối hợp với nhà trường chủ trì tham mưu Chủ tịch UBND xã phê duyệt Kế hoạch tự kiểm tra, đánh giá kết quả xây dựng "Cộng đồng học tập" cấp xã và phân công giám sát, đánh giá các tiêu chí cho các đơn vị liên quan.
- Phối hợp với nhà trường và các đơn vị liên quan tổ chức giảm sát và đánh giá các tiêu chí đã được phân công.
- Phối hợp với nhà trường tham mưu UBND xã chỉ đạo/chủ trì tổ chức các cuộc họp trước, trong và sau khi đánh giá với các đơn vị đã được phân công để quán triệt các tiêu chí, các minh chứng, quy trình tự đánh giá và thống nhất kế hoạch, phân công cụ thể; để kiểm điểm tiến độ và tập hợp báo cáo của các đơn vị về kết quả thực hiện các tiêu chí đã được phân công kèm theo các minh chứng phù hợp.

- Phối hợp với nhà trường chuẩn bị hồ sơ, tờ trình để Chủ tịch UBND xã ký và gửi cho UBND huyện tổ chức kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" của xã.

Nhà trường: Vai trò nòng cốt tham mưu. Cụ thể:

- Hằng năm phối hợp với Hội Khuyến học xã chủ trì tham mưu Chủ tịch UBND xã phê duyệt Kế hoạch tự kiểm tra, đánh giá kết quả xây dựng "Cộng đồng học tập" cấp xã, bao gồm phân công giám sát, đánh giá các tiêu chí cho các đơn vị liên quan.
- Phối hợp với Hội Khuyến học xã và các đơn vị liên quan tổ chức giảm sát và đánh giá các tiêu chí đã được phân công.
- Phối hợp với Hội Khuyến học xã tham mưu UBND xã chỉ đạo/chủ trì tổ chức các cuộc họp trước, trong và sau khi đánh giá với các đơn vị đã được phân công để quán triệt các tiêu chí, các minh chứng, quy trình tự đánh giá và thống nhất kế hoạch, phân công cụ thể; để kiểm điểm tiến độ và tập hợp báo cáo của các đơn vị về kết quả thực hiện các tiêu chí đã được phân công kèm theo các minh chứng phù hợp.
- Phối hợp với Hội Khuyến học xã chuẩn bị hồ sơ, tờ trình để Chủ tịch UBND xã ký và gửi cho UBND huyện tổ chức kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" của xã.

Các đơn vị liên quan trong xã: Vai trò cùng phối hợp giám sát, đánh giá các tiêu chí được phân công. Cụ thể:

Có trách nhiệm thực hiện giám sát, đánh giá các tiêu chí được Chủ tịch UBND xã phân công. Sau đây là gợi ý để các địa phương có thể tham khảo khi tổ chức phân công cho các đơn vị liên quan trong xã giám sát, đánh giá các tiêu chí.

- Văn phòng Đảng ủy xã có thể phụ trách giám sát, đánh giá Tiêu chí 1 về sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng và Cính quyền cấp xã;
- Văn phòng UBND xã có thể phụ trách giám sát, đánh giá Tiêu chí 2, 7, 11 về hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng XHHT cấp xã; về kết quả học tập, bồi dưỡng thường xuyên của CB, CC cấp xã; về tỷ lệ hộ nghèo;
- MTTQ có thể phụ trách giám sát, đánh giá Tiêu chí 3 và 10 về sự tham gia, phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trên địa bàn cấp xã; về kết quả xây dựng thôn, ấp, bản, tổ dân phố được công nhận danh hiệu „Khu dân cư văn hóa";
- Nhà trường có thể phụ trách giám sát, đánh giá Tiêu chí 4, 5, 6 về mạng lưới và hoạt động của các cơ sở giáo dục và thiết chế văn hóa trên địa bàn cấp xã; về kết quả phổ cập giáo dục và XMC; về công bằng xã hội trong giáo dục;
- Hội nông dân có thể phụ trách giám sát, đánh giá Tiêu chí 8 về kết quả học tập thường xuyên của NLĐ;
- Hội Khuyến học có thể phụ trách giám sát, đánh giá Tiêu chí 9 về kết quả xây dựng „Gia đình học tập", „Cộng đồng học tập" thôn/bản/ấp/tổ dân phố";
- Hội phụ nữ xã có thể phụ trách giám sát, đánh giá Tiêu chí 12 về thực hiện bình đẳng giới;

- Đoàn thanh niên có thể phụ trách giám sát, đánh giá Tiêu chí 13 về vệ sinh môi trường;
- Trạm y tế xã có thể phụ trách giám sát, đánh giá Tiêu chí 14 về chăm sóc sức khỏe cộng đồng;
- Công an xã có thể phụ trách giám sát, đánh giá Tiêu chí 15 về an ninh trật tư, an toàn xã hội;

Việc phân công phải hết sức cụ thể, rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điểm mạnh của từng đơn vị và được sự phê duyệt của Chủ tịch UBND xã. Đồng thời sự tham gia, phối hợp của các ban ngành, đoàn thể cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát chặt chẽ, thường xuyên của cấp ủy Đảng và UBND.

1.3. Kế hoạch tổ chức tự đánh giá "Cộng đồng học tập" cấp xã

Việc tự đánh giá "Cộng đồng học tập" cấp xã không chỉ tiến hành vào cuối năm, mà cần có kế hoạch và phân công giám sát từ đầu năm. Sau đây là gợi ý để các địa phương tham khảo.

Quý I

Hội Khuyến học xã và nhà trường tham mưu Chủ tịch UBND xã chỉ đạo/chủ trì tổ chức, triển khai các công việc sau:

- Phê duyệt Kế hoạch tự kiểm tra, đánh giá kết quả xây dựng "Cộng đồng học tập" cấp xã, bao gồm phân công giám sát, đánh giá các tiêu chí cho các đơn vị liên quan.
- Chủ trì tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch tự đánh giá "Cộng đồng học tập" cấp xã, quán triệt các tiêu chí và phân công trách nhiệm giám sát, đánh giá các tiêu chí cho các đơn vị liên quan trong xã.

Quý II

Hội Khuyến học xã và nhà trường tham mưu Chủ tịch UBND xã chỉ đạo/chủ trì tổ chức triển khai các công việc sau:

- Chỉ đạo các đơn vị triển khai giám sát các tiêu chí đã được phân công;
- Chủ trì tổ chức cuộc họp giữa năm để các đơn vị được phân công báo cáo tiến độ, kết quả giám sát các tiêu chí và các khó khăn, kiến nghị cần thiết.

Quý III:

Hội Khuyến học xã và nhà trường tham mưu Chủ tịch UBND xã chỉ đạo các đơn vị tiếp tục giám sát các tiêu chí đã được phân công và chuẩn bị thu thập các minh chứng cần thiết để đánh giá tiêu chí.

Quý IV:

Hội Khuyến học xã và nhà trường tham mưu Chủ tịch UBND xã chỉ đạo/chủ trì tổ chức, triển khai các công việc sau:

- Chỉ đạo các đơn vị thu thập các minh chứng cần thiết.
- Chủ trì tổ chức cuộc họp cuối kỳ để các đơn vị liên quan báo cáo kết quả đánh giá, chấm điểm các tiêu chí đã được phân công cùng với các minh chứng cần thiết, trao đổi và thống nhất cho điểm từng tiêu chí.
- Chuẩn bị hồ sơ và ký tờ trình đề nghị UBND huyện kiểm tra, thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại của xã.

2. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" cấp xã như thế nào?

2.1. Các công việc cần triển khai

Sau đây là gợi ý các công việc cần thiết mà Phòng GDĐT và Hội Khuyến học huyện cần triển khai để tham mưu UBND huyện chủ trì tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả xây dựng XHHT trong huyện hằng năm.

(1) Phòng GDĐT phối hợp với Hội Khuyến học huyện chủ trì tham mưu Chủ tịch UBND huyện phê duyệt Kế hoạch kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" của các xã trong huyện và thành lập các đoàn kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ của UBND các xã.

(2) Hội khuyến học huyện phối hợp với Phòng GDĐT tham mưu UBND huyện chỉ đạo/chủ trì tổ chức, triển khai các công việc sau:

- Chủ trì tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" của các xã trong huyện, quán triệt các tiêu chí, minh chứng, quy trình kiểm tra và phân công trách nhiệm kiểm tra các xã cho các đơn vị/các đoàn kiểm tra.
- Chỉ đạo việc kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" cấp xã của các đơn vị/các đoàn kiểm tra đã được phân công.
- Chủ trì tổ chức cuộc họp mời các đơn vị/các đoàn kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" của các xã, trao đổi và thống nhất cho điểm từng xã.

(3) Hội Khuyến học huyện phối hợp với Phòng GDĐT tham mưu UBND huyện ký quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" của các xã. Cụ thể chuẩn bị hồ sơ, bao gồm:

- Biên bản kiểm tra, đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" câp xã.
- Tờ trình của Hội Khuyến học và Phòng GDĐT.

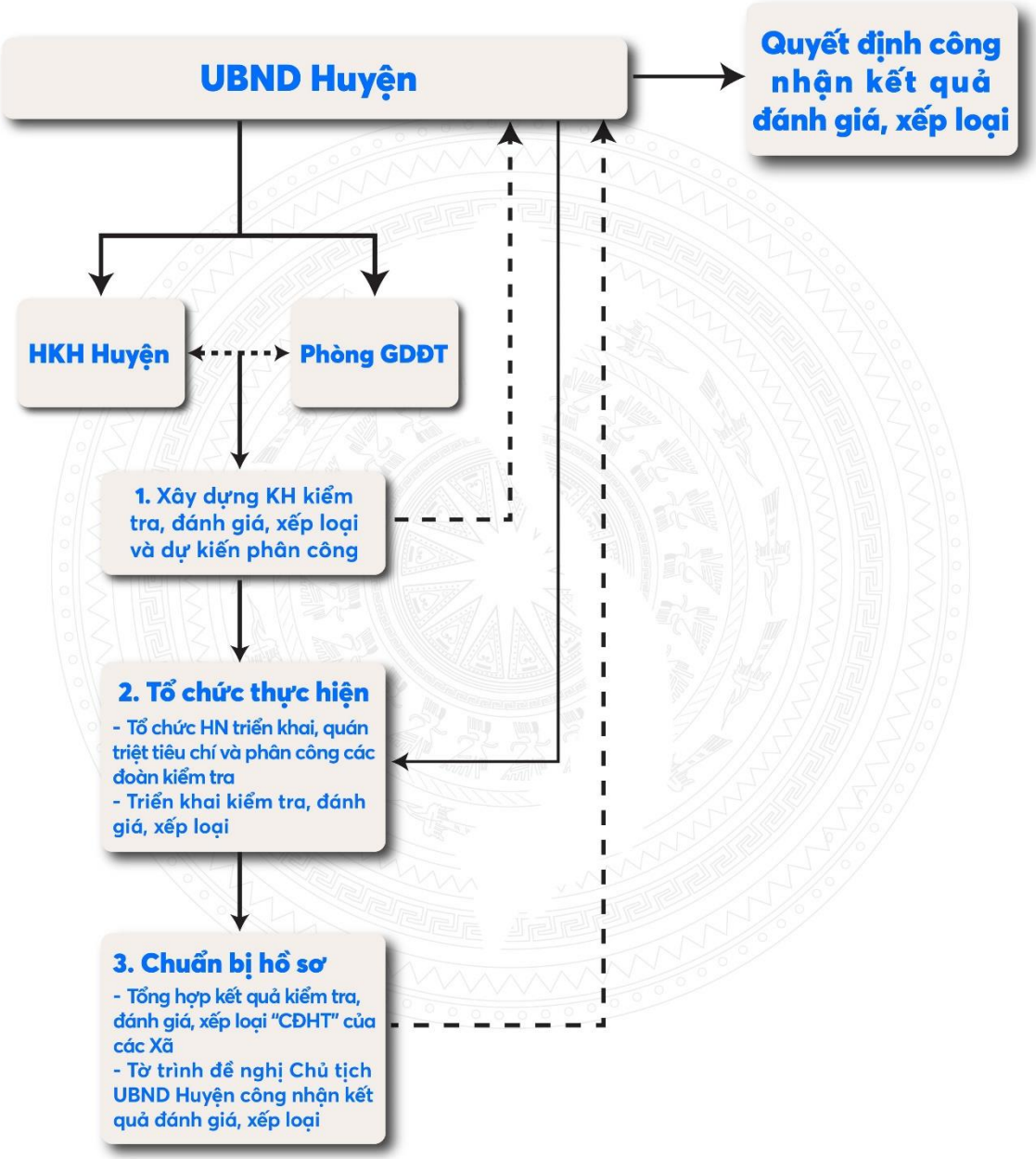

Tóm lại, Hội Khuyến học huyện và Phòng GDĐT cần tham mưu cho UBND huyện và Chủ tịch UBND huyện các loại tờ trình, kế hoạch, quyết định, báo cáo sau:

- Tờ trình của Hội Khuyến học huyện và Phòng GDĐT đề nghị Chủ tịch UBND huyện phê duyệt Kế hoạch kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" cấp xã và thành lập đoàn kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" cấp xã.
- Kế hoạch kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" cấp xã do Chủ tịch UBND huyện phê duyệt.
- Quyết định thành lập các đoàn kiểm tra của Chủ tịch UBND huyện.
- Biên bản kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" cấp xã của Trưởng đoàn kiểm tra và đơn vị được kiểm tra.

- Tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" của các xã năm.....
- Tờ trình của Hội Khuyến học huyện và Phòng GDĐT đề nghị Chủ tịch UBND huyện công nhận kết quả đánh giá "Cộng đồng học tập" của các xã năm.....
- Quyết định của Chủ tịch UBND huyện công nhận kết quả đánh giá "Cộng đồng học tập" của các xã năm…..
- Tùy theo yêu cầu của từng địa phương, có thể bổ sung thêm hoặc ghép các văn bản trên.

2.2. Vai trò, trách nhiệm của UBND huyện, Hội Khuyến học huyện, Phòng GDĐT và các đơn vị liên quan trong huyện

a) UBND huyện: Vai trò chủ trì. Cụ thể:

- Hằng năm chủ trì tổ chức kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" của các xã trong huyện; Phê duyệt Kế hoạch kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" của các xã và thành lập các đoàn kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" cấp xã.
- Chủ trì tổ chức Hội nghị triển khai, quán triệt tiêu chí, minh chứng, quy trình kiểm tra và phân công các đoàn kiểm tra.
- Chỉ đạo, giám sát việc kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" cấp xã của các đơn vị/các đoàn kiểm tra đã được phân công.
- Chủ trì tổ chức cuộc họp mời các đơn vị/các đoàn kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" của các xã, trao đổi và thống nhất cho điểm từng xã.
- Chỉ đạo Hội Khuyến học huyện phối hợp với Phòng GDĐT chuẩn bị hồ sơ để trình Chủ tịch UBND huyện quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" của các xã trong huyện và công bố công khai.

b) Hội Khuyến học huyện: Vai trò nòng cốt tham mưu. Cụ thể:

- Phối hợp với Phòng GDĐT chủ trì tham mưu Chủ tịch UBND huyện phê duyệt Kế hoạch kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" của các xã và thành lập các đoàn kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập"; Tổ chức Hội nghị tập huấn/triển khai.
- Tham gia đoàn kiểm tra đã được phân công để kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" của các xã trong huyện.
- Phối hợp với Phòng GDĐT tham mưu UBND huyện chủ trì tổ chức cuộc họp mời các đơn vị/các đoàn kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" của các xã, trao đổi và thống nhất cho điểm từng xã.
- Phối hợp với Phòng GDĐT chuẩn bị hồ sơ để trình Chủ tịch UBND huyện quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" của các xã trong huyện.

c) Phòng GDĐT: Vai trò nòng cốt tham mưu. Cụ thể:

- Phối hợp với Hội Khuyến học huyện chủ trì tham mưu Chủ tịch UBND huyện phê duyệt Kế hoạch kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" của các xã và thành lập các

đoàn kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập"; Tổ chức Hội nghị tập huấn/triển khai.

- Tham gia đoàn kiểm tra đã được phân công để kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" của các xã trong huyện.
- Phối hợp với Hội Khuyến học huyện tham mưu UBND huyện chủ trì tổ chức cuộc họp mời các đơn vị/các đoàn kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" của các xã, trao đổi và thống nhất cho điểm từng xã.
- Phối hợp với Hội Khuyến học huyện chuẩn bị hồ sơ để trình Chủ tịch UBND huyện quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" của các xã trong huyện.

d) Các đơn vị liên quan trong huyện: Vai trò cùng phối hợp giám sát, đánh giá các tiêu chí được phân công. Cụ thể*:*

- Có trách nhiệm triển khai hoặc tham gia các đoàn kiểm tra, đánh giá, xếp loại các xã được Chủ tịch UBND huyện phân công.
- Trong thời gian ngắn (khoảng 1 tháng) sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ của UBND các xã, UBND huyện phải tổ chức kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" của các xã trong huyện. Hội Khuyến học huyện và Phòng GDĐT không có đủ nhân lực và thời gian để kiểm tra hết tất cả các xã trong huyện. Vì vậy việc thành lập các đoàn kiểm tra và phân công trách nhiệm rõ ràng cụ thể là rất cần thiết. Có thể phân công cho từng cơ quan, đơn vị trong huyện phụ trách kiểm tra, đánh giá 1 xã cụ thể nào đó. Hoặc có thể thành lập các đoàn kiểm tra bao gồm nhiều thành phần từ các cơ quan, đơn vị khác nhau trong huyện chịu trách nhiệm kiểm tra 1 số xã nào đó.

2.3. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" cấp xã

Việc kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" thường được tiến hành gấp, vào tháng cuối cùng của năm sau khi nhận được hồ sơ của UBND các xã. Vì vậy cần phải huy động nhiều lực lượng, tiến hành khẩn trương nhưng phải bảo đảm chính xác, khách quan để có tác dụng động viên phong trào.

Nếu có kế hoạch phân công theo dõi từ đầu năm, trong suốt quá trình thì việc kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" cấp xã vào cuối năm khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của UBND các xã sẽ thuận tiện và nhanh chóng hơn.

Tùy theo tình hình cụ thể của từng địa phương, kế hoạch cụ thể sẽ khác nhau. Sau đây là ví dụ tham khảo:

1-10/12:

- Hội Khuyến học huyện phối hợp với Phòng GDĐT chủ trì tham mưu Chủ tịch UBND huyện phê duyệt Kế hoạch kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" của các xã và thành lập các đoàn kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập".
- UBND huyện chủ trì tổ chức Hội nghị triển khai, quán triệt tiêu chí và phân công các đoàn kiểm tra.

10-20/12:

Các đoàn tổ chức kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" ở các xã được phân công.

20-30/12:

- UBND huyện chủ trì tổ chức cuộc họp mời các đoàn kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá "Cộng đồng học tập" của các xã, trao đổi và thống nhất cho điểm từng xã.
- Hội Khuyến học huyện phối hợp với Phòng GDĐT chuẩn bị hồ sơ trình Chủ tịch UBND huyện quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" của các xã trong huyện.
- UBND huyện công bố công khai kết quả đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" của các xã.

Chương 5
GIỚI THIỆU QUY TRÌNH XÉT KHEN THƯỞNG CHO CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN TIÊU BIỂU, XUẤT SẮC TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP

Để giúp các địa phương tham khảo để vận dụng trong việc tôn vinh, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác triển khai Đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2021-2030" hoặc có công lao đóng góp đối với công tác xây dựng XHHT giai đoạn 2021-2030, Bộ GDĐT giới thiệu quy trình xét khen thưởng cho các tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong công tác xây dựng XHHT sau đây:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mục đích

Nhằm xét chọn, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong công tác xây dựng XHHT, góp phần thúc đẩy HTSĐ, xây dựng XHHT.

2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác triển khai Đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2021-2030" hoặc có công lao đóng góp đối với công tác xây dựng XHHT giai đoạn 2021-2030.

3. Nguyên tắc thực hiện

Việc xét khen thưởng cho các tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong công tác xây dựng XHHT đảm bảo đúng pháp luật, đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình theo quy định và công bằng, dân chủ, khách quan, công khai.

4. Thẩm quyền xét khen thưởng

UBND cấp tỉnh là cơ quan chủ trì việc xét khen thưởng cho các tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong công tác xây dựng XHHT.

5. Quyền lợi của tập thể, cá nhân được khen thưởng

Tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong công tác xây dựng XHHT được nhận Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Tiêu chuẩn xét khen thưởng

1. Tiêu chuẩn xét khen thưởng

1.1. Đối với tập thể

Có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2021-2030", trong đó đạt đầy đủ các tiêu chuẩn sau:

a) Có kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2021-2030" hằng năm;

b) Xây dựng, triển khai có hiệu quả công tác xây dựng xã hội học tập; đề ra các nội dung, giải pháp sáng tạo, đặc thù thiết thực, phù hợp với tình hình và điều kiện của địa phương. Có nhiều giải pháp, sáng kiến hiệu quả trong triển khai thực hiện Đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2021-2030" *(gửi kèm minh chứng, sản phẩm);*

c) Thực hiện tốt phong trào tự học, tự bồi dưỡng, tự nghiên cứu tại cơ quan, đơn vị; khuyến kích, tạo điều kiện cho CB, CC, VC, NLĐ được tự học, tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức, trình độ, kỹ năng phù hợp với điều kiện thực tiễn; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho CB, CC, VC, NLĐ được học tập suốt đời.

d) Tích cực tham gia các cuộc vận động, phong trào thi đua về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT.

đ) Trong năm đơn vị không có CB, CC, VC, NLĐ vi phạm pháp luật đến mức bị kỷ luật;

e) Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo qui định, bảo đảm chất lượng và đúng thời hạn;

g) Có mô hình tiêu biểu trong công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT *(gửi kèm minh chứng, sản phẩm, mô hình tiêu biểu)*.

1.2. Đối với cá nhân

a) Có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống giản dị, mẫu mực; chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế làm việc của đơn vị và tại địa phương nơi cư trú.

b) Có giải pháp huy động được các nguồn lực để triển khai thực hiện Đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2021-2030"; tổ chức nhiều hoạt động thiết thực nhằm triển khai hiệu quả Đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2021-2030"; có sáng kiến, đổi mới phương thức tổ chức tại địa phương, đơn vị.

c) Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; có sáng kiến trong việc xây dựng, tham mưu ban hành cơ chế, chính sách; hướng dẫn, tham gia tổ chức thực hiện công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT.

c) Tích cực tham gia các phong trào, chương trình hỗ trợ các huyện nghèo, xã hoặc thôn đặc biệt khó khăn và người nghèo trong công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập có hiệu quả.

e) Gương mẫu trong việc học tập thường xuyên, suốt đời và đạt danh hiệu CDHT.

2. Qui trình xét khen thưởng

2.1. Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, Sở GDĐT chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng tiêu chuẩn, kế hoạch xét khen thưởng bảo đảm phù hợp đối với tập thể, cá nhân; tổ chức xét khen thưởng đáp ứng tiêu chuẩn và yêu cầu.

2.2. Các sở, ban ngành và các tổ chức đề cử, xét khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu, đáp ứng tiêu chuẩn gửi về Sở GDĐT (là đơn vị chủ trì) để tổng hợp, rà soát, phân loại hồ sơ và báo cáo Hội đồng xét khen thưởng.

2.3. Tổ chức xét khen thưởng

a) Thành lập Hội đồng xét khen thưởng:

Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo UBND tỉnh. Các ủy viên Hội đồng là Lãnh đạo các đơn vị thuộc UBND tỉnh. Chủ tịch Hội đồng ban hành quyết định thành lập tổ Thư ký giúp việc cho Hội đồng

b) Tổ chức thực hiện

Trên cơ sở các hồ sơ đề cử nhận được, Hội đồng xét tặng xem xét, lựa chọn, đề xuất các tập thể, cá nhân tiêu biểu.

Căn cứ thành tích đạt được của các tập thể, cá nhân, Hội đồng xét tặng lựa chọn, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh quyết định Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho các tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong công tác xây dựng XHHT.

3. Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng

Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng gồm:

a) Công văn đề cử của các cơ quan, đơn vị.

b) Bản tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân được đề cử, trong đó nêu rõ những việc làm cụ thể, thành tích đặc biệt xuất sắc đã đạt được xét tặng và minh chứng (theo mẫu gửi kèm).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở GDĐT là Cơ quan thường trực của Hội đồng xét khen thưởng cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Trình Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng

b) Tham mưu giúp Hội đồng xây dựng thể lệ quy định cụ thể về tiêu chí, phương thức chấm điểm, xét khen thưởng; xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện xét khen thưởng.

c) Tiếp nhận, tổng hợp danh sách các tập thể, cá nhân tham gia xét khen thưởng; lập hồ sơ, tài liệu liên quan phục vụ việc xét khen thưởng.

d) Phối hợp với phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí và tổ chức triển khai thực hiện xét khen thưởng.

đ) Tham mưu Hội đồng xét khen thưởng giải quyết việc khiếu nại, tố cáo về khen thưởng.

2. Sở Nội vụ

a) Phối hợp, hướng dẫn Sở GDĐT tổ chức thực hiện công tác xét khen thưởng theo đúng quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng.

b) Thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân theo đề nghị của Hội đồng.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1.

MỘT SỐ THUẬT NGỮ LIÊN QUAN ĐẾN HỌC TẬP SUỐT ĐỜI, XÃ HỘI HỌC TẬP

I. Thuật ngữ về các loại hình học tập và giáo dục suốt đời

Học tập của người lớn (adult learning)

Là tập hợp các hoạt động học tập chính quy, không chính quy và phi chính quy được người lớn thực hiện sau khi hoàn thành quá trình GDĐT ban đầu, giúp người học thu được hoặc cập nhật những kiến thức và kỹ năng mới.

Học tập chính qui (formal learning)

Quá trình hoặc hình thức học tập diễn ra trong một môi trường có tổ chức và cấu trúc, với các mục tiêu, thời gian hoặc nguồn lực… cho học tập được xác định rõ ràng. Từ góc độ người học, học tập chính quy là hình thức học có chủ định, và thường dẫn tới việc được nhận bằng cấp hoặc chứng chỉ. Từ góc độ quản lý cơ sở giáo dục, học tập chính qui thường được kiểm định, đánh giá và công nhận bởi các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Học tập không chính qui (nonformal learning)

Việc học có tổ chức, có chủ định từ phía người học, thường diễn ra bên ngoài hệ thống nhà trường chính qui (như trường phổ thông hoặc cao đẳng, đại học), thay thế hoặc bổ sung cho học tập chính qui, có thể dẫn đến hoặc không dẫn đến bằng cấp, nhằm giúp người học trang bị hoặc cập nhật thêm các kiến thức, kĩ năng cần thiết, đáp ứng các nhu cầu học tập đa dạng tại những thời điểm khác nhau trong cuộc đời. Trong một số trường hợp, học tập không chính qui cũng được cấu trúc theo các thành tố giáo dục (như chương trình, tổ chức dạy và học, kiểm tra, đánh giá…) nhưng linh hoạt hơn. Nó thường diễn ra trong bối cảnh của cộng đồng, nơi làm việc hoặc qua hoạt động của các tổ chức xã hội - dân sự.

Học tập phi chính qui (informal learning)

Học tập phát sinh một cách tự nhiên, thường không chủ đích, từ các hoạt động hàng ngày của mỗi cá nhân liên quan đến công việc, gia đình, giao tiếp xã hội, hoặc vui chơi, giải trí. Học tập phi chính qui không có tổ chức hoặc cấu trúc về mặt mục tiêu, thời gian và các nguồn lực hỗ trợ học tập, và trong hầu hết các trường hợp là không xuất phát từ chủ định ban đầu của người học (Về mặt ngữ nghĩa, để tránh nhầm lẫn với thuật ngữ "học tập không chính quy" phía trên, học tập phi chính quy còn có thể được gọi là "học tập không chính thức").

Giáo dục người lớn (adult education)

Theo quan niệm truyền thống, GDNL là các các chương trình giáo dục có tổ chức, được tiến hành theo hình thức chính qui hoặc không chính qui, phục vụ lợi ích và đáp ứng nhu cầu của những người học ngoài hệ thống nhà trường phổ thông và cơ sở giáo dục đại học, thường có độ tuổi từ 15 trở lên. 'Giáo dục người lớn' cũng hay được dùng theo nghĩa tương đương với 'giáo dục ngoài nhà trường', bao gồm cả các chương trình XMC, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ (Nguồn: ISCED).

Những thập niên gần đây, với sự phát triển của tư tưởng HTSĐ, quan niệm về GDNL đã được mở rộng hơn theo hướng gắn liền GDNL với quá trình giáo dục và học tập của mỗi cá nhân trong suốt cuộc đời. Theo đó, *GDNL là quá trình mang tính phức hợp, hướng tới việc thực hiện giáo dục suốt đời cho mọi người và học tập hiệu quả trong suốt cuộc đời của mỗi cá nhân; nó bao gồm mọi hình thức, quá trình GDĐT từ cơ bản đến thường xuyên dành cho thanh niên và người trưởng thành, được tiến hành theo phương thức chính qui, không chính qui hay phi chính qui*. GDNL nhằm mục tiêu cung cấp kiến thức giúp cho người học nâng cao chất lượng nghề nghiệp và lĩnh hội được thái độ, kĩ năng trong các lĩnh vực công dân, xã hội, đạo đức và văn hóa để thực thi trách nhiệm và đạt được sự tiến bộ trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Như vậy, GDNL trong thế kỉ 21 bao gồm bất kì loại hình giáo dục, đào tạo nào dành cho thanh niên và người lớn, ngoại trừ giáo dục phổ thông và đại học/cao đẳng hoặc đào tạo nghề chính qui, và hướng tới mục tiêu HTSĐ cho tất cả mọi người.

Giáo dục xóa mù chữ (literacy education)

Quá trình hoặc hoạt động giáo dục mà kết quả của nó là giúp cho người học có được khả năng đọc, viết và tính toán cơ bản. (Đây chỉ là nghĩa cơ bản, thuật ngữ này không bao gồm những cách hiểu và áp dụng rộng hơn trong tiếng Anh của từ 'literacy', với nghĩa 'các hiểu biết và năng lực thiết yếu' trong các cụm từ như 'ICT literacy' (hiểu biết và năng lực về CNTT – truyền thông), 'financial literacy' (hiểu biết và năng lực về tài chính), 'foreign languages literacy' (hiểu biết và năng lực về ngoại ngữ,…).

Giáo dục sau bắt buộc (post-compulsory education)

Các hình thức giáo dục mà một cá nhân theo đuổi sau khi đã hoàn thành số năm giáo dục bắt buộc theo qui định. Ví dụ, nếu một nước qui định số năm giáo dục bắt buộc là 9 năm (từ lớp 1 đến hết lớp 9), thì giáo dục từ lớp 10 trở đi được coi là giáo dục sau bắt buộc.

Giáo dục thường xuyên (continuing education)

Theo Chương trình giáo dục cho mọi người ở các nước trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (APPEAL), GDTX (continuing education) được hiểu là *quá trình giáo dục tiếp tục* sau một khoảng thời gian ngắt quãng với giáo dục ban đầu, nhằm đáp ứng nhu cầu HTSĐ của mọi người. Trong GDTX, mỗi người có thể tiếp tục học theo các

phương thức khác nhau: chính qui, không chính qui hoặc phi chính qui, tùy theo điều kiện và nhu cầu từng cá nhân. Như vậy, theo quan niệm này GDTX là một khái niệm rộng, có thể bao gồm nhiều hình thức giáo dục khác nhau, từ GDCQ, GDKCQ cho đến GDPCQ.

Tuy nhiên, ở Việt Nam, khái niệm GDTX thường được dùng với ý nghĩa tương đương hoặc thay thế cho GDKCQ. Điều 40 Luật Giáo dục 1998 và Điều 44 Luật Giáo dục 2005 cùng khẳng định GDKCQ hay GDTX đều thực hiện mục tiêu 'giúp mọi người vừa làm vừa học, học liên tục, học suốt đời nhằm hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ để cải thiện chất lượng cuộc sống, tìm việc làm, tự tạo việc làm và thích nghi với đời sống xã hội'.

GDTX thúc đẩy HTSĐ ở mọi nơi trong xã hội thông qua các kênh chính quy và không chính quy và cả học tập phi chính quy[3].

GDTX là giáo dục để thực hiện một chương trình giáo dục nhất định, được tổ chức linh hoạt về hình thức thực hiện chương trình, thời gian, phương pháp, địa điểm, đáp ứng nhu cầu HTSĐ của người học[4].

Giáo dục mở (open education)

Giáo dục mở là loại hình giáo dục, thường sử dụng công nghệ số, nhằm mở rộng cơ hội tiếp cận và tham gia học tập bằng cách xoá bỏ các rào cản, và tạo điều kiện cho mọi người tiếp cận các nội dung phong phú, có thể tuỳ biến theo người học. Giáo dục mở cung cấp nhiều cách thức giảng dạy và học tập, xây dựng và chia sẻ kiến thức. Nó mở ra nhiều con đường tiếp cận GDCQ và không chính quy, đồng thời kết nối giữa hai hình thức giáo dục này.

II. Thuật ngữ về các cơ sở GDTX, GDSĐ

Trung tâm học tập cộng đồng (Community Learning Centre – CLC)

TTHTCĐ là cơ sở GDTX trong hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam, là trung tâm học tập tự chủ của cộng đồng cấp xã/phường/thị trấn, có sự quản lý, hỗ trợ của Nhà nước, đồng thời phát huy mạnh mẽ sự tham gia, đóng góp của nhân dân trong cộng đồng dân cư để xây dựng và phát triển các trung tâm theo cơ chế Nhà nước và nhân dân cùng làm. TTHTCĐ được trực tiếp quản lý bởi lãnh đạo chính quyền cấp cơ sở (xã/phường/thị trấn nơi đóng trung tâm), với sự hỗ trợ về mặt chuyên môn của ngành giáo dục địa phương và các ban ngành, đoàn thể có liên quan khác.

Hoạt động của TTHTCĐ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi được học tập thường xuyên, HTSĐ; được phổ biến kiến thức và sáng kiến kinh nghiệm trong sản xuất và cuộc sống góp phần xoá đói giảm nghèo, tăng năng suất lao

---

[3] Theo *Continuing Education: New Policies and Directions*của UNESCO năm 1993

[4] Theo Luật Giáo dục 2019

động, giải quyết việc làm; nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người dân và cả cộng đồng; là nơi thực hiện việc phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật đến với mọi người dân. TTHTCĐ là cơ sở giáo dục của dân, do dân, và vì dân, góp phần thực hiện HTSĐ cho người dân trong mỗi cộng đồng.

Trung tâm giáo dục thường xuyên (Continuing Education Centre – CEC)

TTGDTX là cơ sở GDTX của hệ thống giáo dục quốc dân ở Việt Nam, được thành lập ở các cấp quận/huyện và tỉnh/thành phố. Nhiệm vụ của TTGDTX là (1) Thực hiện các chương trình giáo dục (như như XMC, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, chương trình GDTX cấp THCS và THPT, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ…); (2) Điều tra nhu cầu học tập trên địa bàn, xác định nội dung học tập, đề xuất với Sở GDĐT, chính quyền địa phương việc tổ chức các chương trình và hình thức học phù hợp với từng loại đối tượng; (3) Tổ chức các lớp học theo chương GDTX cấp THCS và THPT dành riêng cho các đối tượng được hưởng chính sách xã hội, người tàn tật, khuyết tật, theo kế hoạch hằng năm của địa phương; (4) Tổ chức dạy và thực hành kỹ thuật nghề nghiệp, các hoạt động lao động sản xuất và các hoạt động khác phục vụ học tập; và (5) Nghiên cứu, tổng kết rút kinh nghiệm về tổ chức và hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục góp phần phát triển hệ thống GDTX.

Trung tâm GDNN-GDTX

Đây cũng là một loại Trung tâm GDTX, có sự mở rộng hơn về chức năng so với Trung tâm GDTX trước năm 2015. Trong những năm vừa qua, ở một số đơn vị cấp huyện tồn tại cùng lúc các mô hình trung tâm dạy nghề, trung tâm GDTX, trung tâm kĩ thuật tổng hợp - hướng nghiệp công lập. Một số chức năng của những mô hình này đang có sự trùng lặp, chồng chéo nhau. Để khắc phục tình trạng đó, Chính phủ đã sáp nhập các trung tâm công lập cấp huyện. Thực hiện Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 04/9/2014 của Chính phủ, năm 2015, liên Bộ: Lao động, Thương binh – Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ đã ban hành Thông tư liên tịch số 39/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BNV ngày 19/10/2015 hướng dẫn sáp nhập ba loại hình: trung tâm dạy nghề, trung tâm GDTX, và trung tâm kĩ thuật tổng hợp - hướng nghiệp công lập cấp huyện thành Trung tâm GDNN-GDTX. Ngoài chức năng tương tự như trung tâm GDTX, trung tâm GDNN-GDTX còn cung cấp cơ hội học văn hóa kết hợp học nghề trong thời gian 3 năm học Chương trình GDTX cấp THPT, giúp học viên có thêm sự lựa chọn sau khi học xong cấp THPT.

C. Thuật ngữ về các mô hình học tập

Đơn vị học tập/Tổ chức học tập (Learning organization)

Các tổ chức học tập là các cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp, các địa phương… mà trong đó mọi người thường xuyên học cách học cùng nhau nhằm mở rộng hiểu biết trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Các tổ chức học tập là những tế bào của XHHT.

Cộng đồng học tập cấp xã (Learning community at commune level)

Cộng đồng học tập cấp xã được hiểu là một tập hợp dân cư sống trên địa bànhành chính xã/phường/thị trấn, nơi mọi người dân trong cộng đồng được tạo điều kiện và tổ chức học tập thường xuyên, suốtđời nhằm đạt được những kếtquả cụ thể cho việc phát triển cá nhân, gia đình và có đóng góp tíchcực cho cộng đồng, xã hội.

Thành phố/thị trấn học tập (Learning city/town)

Thành phố/thị trấn học tập là một Thành phố, Thị trấn hoặc Vùng mà ở đó huy động được mọi nguồn lực trong mọi thành phần của mình nhằm phát triển, làm giàu thêm tiềm năng con người để nuôi dưỡng sự phát triển cá nhân, duy trì sự gắn kết xã hội, và tạo ra sự thịnh vượng.

C. Thuật ngữ về các phương thức học tập và giáo dục suốt đời

Tự học (self-study; self-directed learning; self-taught)

Việc học tập mà một người tự thực hiện không có sự hỗ trợ của giáo viên hay người hướng dẫn; người học tự đặt mục đích, lên kế hoạch, tổ chức, tự tìm kiếm các nguồn lực… cho việc học tập của mình.

Học có hướng dẫn (guided learning)

Là sự kết hợp giữa việc giảng dạy trực tiếp/gián tiếp và tự học, và cả hai quá trình đều được thực hiện dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của giáo viên.

Vừa học vừa làm/học tập dựa vào công việc (work-based learning)

Quá trình học tập mang tính năng động, diễn ra thông qua việc thực hiện và đánh giá những nhiệm vụ công việc trong một môi trường thực tế, thôn qua đó người học lĩnh hội được những kĩ năng, kiến thức mới hoặc củng cố những điều đã biết, đồng thời áp dụng được những gì đã học vào công việc, nhiệm vụ cụ thể.

Học từ xa (distance learning)

Các hình thức GDĐT được tổ chức từ xa cho người học, thông qua các phương tiện truyền thông khác nhau: sách, đài, truyền hình, điện thoại, thư tín thông thường và điện tử, máy tính hay băng hình…

Học tập trực tuyến (online learning)

Học tập trực tuyến là phương thức học tập có sử dụng kết nối mạng để phục vụ học tập, lấy học liệu, trao đổi và giao tiếp giữa người học với giảng viên, giữa người học với người học.

Học tập điện tử (Electronic learning – E-learning)

Học tập điện tử là phương thức học ảo thông qua máy vi tính, điện thoại di động thông minh, nối mạng đối với một máy chủ ở nơi khác có lưu giữ sẵn bài giảng điện tử và phần mềm cần thiết để có thể hỏi, yêu cầu, ra đề cho học viên học từ xa. Giáo viên có thể truyền tải hình ảnh hay âm thanh qua đường truyền băng thông rộng hoặc kết nối

không dây (Wifi, WIMAX), mạng nội bộ (LAN). Các học viên có thể tự tạo ra môi trường học điện tử (e-school) mà nơi đó vẫn nhận đào tạo học viên, đóng học phí và có các bài kiểm tra như tại các trường học.

Học tập hỗn hợp (blended learning)

Học tập hỗn hợp là một thuật ngữ ngày càng được dùng rộng rãi trong GDĐT, chỉ mô hình học tập kết hợp giữa việc giảng dạy/học tập ở trên lớp theo truyền thống và các giải pháp học tập từ xa, học tập điện tử (e-learning). Học tập hỗn hợp thường bao gồm từ 2 phương pháp/ hình thức học khác nhau trở lên. Chẳng hạn, người học trong những lớp học truyền thống có thể được giao tài liệu vừa bằng giấy vừa trên mạng, có những buổi trao đổi trên mạng với giảng viên qua hình thức chat, và đăng ký một tài khoản email của lớp học. Hoặc ngược lại, một khóa học qua mạng được hỗ trợ bằng việc giảng dạy trực tiếp theo định kỳ… Một số ví dụ về các phương pháp và hình thức học theo mô hình học tập hỗn hợp như: học theo tình huống, diễn đàn thảo luận, nghiên cứu, so sánh các kịch bản, thực tập tại nơi làm việc, nghe giảng, học theo dự án… Các phương thức giảng dạy, hướng dẫn có thể bao gồm dạy học mặt đối mặt, học từ xa thông qua hội nghị truyền hình, internet, đài, tivi, hoặc các loại hình đa phương tiện khác.

Đào tạo tại chỗ (on-the-job/ on-the-spot training)

Hình thức đào tạo nghề cho NLĐ ngay trong quá trình thực hiện công việc, tại nơi làm việc. Đào tạo tại chỗ có thể là toàn bộ một chương trình đào tạo riêng biệt, hoặc được kết hợp với đào tạo ngoài công việc (off-the-job training).

D. Một số thuật ngữ khác

Biết chữ hành dụng/biết chữ chức năng (functional literacy)

Khả năng đọc, viết và tính toán tới một mức độ năng lực nhất định giúp người học tham gia đầy đủ vào đời sống kinh tế, xã hội, phục vụ được các nhu cầu cơ bản, thiết yếu của bản thân trong các hoàn cảnh giao tiếp xã hội và công việc khác nhau.

Năng lực cốt lõi (key competence)

Bao gồm các năng lực cơ bản giúp cho mỗi cá nhân có thể tương tác, hoạt động hiệu quả trong những bối cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội khác nhau:

- Giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ;
- Giao tiếp bằng ngoại ngữ;
- Năng lực toán học và những năng lực cơ bản về khoa học và công nghệ;
- Trình độ vi tính;
- Học tập để biết cách học;
- Năng lực xã hội và công dân;
- Tinh thần chủ động, sáng tạo và khả năng kinh doanh, tạo nghiệp;

- Khả năng nhận thức và biểu đạt văn hóa.

Tỉ lệ tham gia vào HTSĐ (participation rate in lifelong learning)

Sự tham gia của người lớn vào các chương trình, hình thức, hoạt động HTSĐ, tức tỷ lệ phần trăm dân số độ tuổi 25-64 tham gia GDĐT trong vòng 4 tuần trước khi tiến hành điều tra (Lưu ý: Đây là định nghĩa áp dụng cho các mục đích của Liên minh Châu Âu, liên quan đến chuẩn đánh giá của Ủy ban Châu Âu được tính toán bởi Điều tra Lực lượng Lao động; các định nghĩa sử dụng trong những điều tra khác có thể sẽ có sự khác biệt).

Tài nguyên giáo dục mở (Open Educational Resources-OER)

Tài nguyên Giáo dục Mở là các tư liệu dạy, học và nghiên cứu ở bất kỳ định dạng và phương tiện nào mà nằm trong phạm vi công cộng hoặc có bản quyền đã được phát hành theo một giấy phép mở, cho phép việc sử dụng, nhân bản, thay đổi và chia sẻ lại nội dung tài liệu hoàn toàn miễn phí và hợp pháp.

Khóa học trực tuyến mở đại chúng (Massively open online course - MOOC)

Khóa học trực tuyến mở đại chúng là các lớp học ảo được chào tự do và mở cho bất kỳ ai có kết nối Internet.

Phụ lục 2

VĂN BẢN CHỈ ĐẠO ĐÁNH GIÁ CÁC MÔ HÌNH HỌC TẬP GIAI ĐOẠN 2021-2030

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO --------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 44 /2014/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2014*

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI "CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP" CẤP XÃ

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 07/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 sửa đổi Điểm b Khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012- 2020";

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên;

Sau khi thống nhất với Hội Khuyến học Việt Nam tại Công văn số 419/CV-HKHVN ngày 06 tháng 11 năm 2014, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã, bao gồm: tiêu chí, hồ sơ, quy trình, trách nhiệm thực hiện đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập".

2. Thông tư này áp dụng đối với xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã), các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

3. Thông tư này không áp dụng đối với việc đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương.

Điều 2. Mục đích

1. Động viên, khuyến khích phong trào xây dựng "Cộng đồng học tập" cấp xã; tạo điều kiện, cơ hội cho mọi người được học tập thường xuyên, học tập suốt đời.

2. Giúp cấp xã tự đánh giá để lập kế hoạch, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch xây dựng "Cộng đồng học tập" phù hợp với thực tế của địa phương.

3. Giúp ủy ban nhân dân các cấp đánh giá thực trạng xây dựng "Cộng đồng học tập" cấp xã và làm căn cứ đề ra các biện pháp chỉ đạo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Điều 3. Tiêu chí đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập"

1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền cấp xã.

2. Hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng XHHT cấp xã.

3. Sự tham gia, phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trên địa bàn cấp xã.

4. Mạng lưới và hoạt động của các cơ sở giáo dục, các thiết chế văn hóa trên địa bàn cấp xã.

5. Kết quả phổ cập giáo dục- xóa mù chữ.

6. Công bằng xã hội trong giáo dục.

7. Kết quả học tập, bồi dưỡng thường xuyên của cán bộ, công chức cấp xã.

8. Kết quả học tập thường xuyên của người lao động (từ 15 tuổi trở lên).

9. Kết quả xây dựng "Gia đình hiếu học"; "Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương".

10. Kết quả xây dựng thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương được công nhận danh hiệu "Khu dân cư văn hoá".

11. Giảm tỷ lệ hộ nghèo.

12. Thực hiện bình đẳng giới.

13. Đảm bảo vệ sinh, môi trường.

14. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

15. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Điều 4. Đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập"

1. Việc đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã phải căn cứ vào kết quả đạt được, thông qua các minh chứng phù hợp với các tiêu chí được quy định tại Điều 3 của Thông tư này. Mỗi tiêu chí có các nội dung cần đánh giá theo các mức độ đạt được và được hướng dẫn cách cho điểm cụ thể tại Phụ lục Hướng dẫn đánh giá, cho điểm "Cộng đồng học tập" cấp xã kèm theo Thông tư này.

2. Tổng số điểm tối đa cho tất cả các tiêu chí là 100. Các tiêu chí không có minh chứng phù hợp không được chấm điểm.

3. Xếp loại

a) Loại tốt: Tổng số điểm đạt được từ 85-100, không có tiêu chí bị điểm 0;

b) Loại khá: Tổng số điểm đạt được từ 70-84, không có tiêu chí bị điểm 0;

c) Loại trung bình: Tổng số điểm đạt được từ 50-69, không có tiêu chí bị điểm 0;

d) Loại chưa đạt: các trường hợp còn lại.

4. Thời gian kiểm tra, đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã được thực hiện vào tháng 12 hằng năm.

Điều 5. Hồ sơ đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập"

1. Hồ sơ của ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập"

a) Tờ trình của ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Báo cáo (kèm theo các minh chứng phù hợp với các tiêu chí) đánh giá kết quả xây dựng "Cộng đồng học tập" của cấp xã, có xác nhận của chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Biên bản tự kiểm tra, đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" của cấp xã;

Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

2. Hồ sơ của hội khuyến học cấp huyện trình chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" của cấp xã

a) Tờ trình của hội khuyến học cấp huyện;

b) Biên bản kiểm tra, đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã;

Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

Điều 6. Quy trình đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập"

1. Hội khuyến học cấp xã chủ trì xây dựng kế hoạch tự kiểm tra, đánh giá kết quả xây dựng "Cộng đồng học tập" của xã trình chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt và chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt.

2. Căn cứ kết quả tự kiểm tra, hội khuyến học cấp xã lập hồ sơ và gửi chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã ký tờ trình đề nghị ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, đánh giá, xếp loại đối với cấp xã.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ của ủy ban nhân dân cấp xã, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện giao hội khuyến học chủ trì xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá và xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã và trình chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

4. Căn cứ vào kế hoạch đã được chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, hội khuyến học chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã.

5. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra, hội khuyến học lập hồ sơ trình chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập"cấp xã và công bố công khai.

Điều 7. Trách nhiệm thực hiện

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chỉ đạo các cơ quan liên quan xây dựng và thực hiện kế hoạch xây dựng xã hội học tập của địa phương;

b) Căn cứ tiêu chí, quy trình đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã quy định trong Thông tư này và Phụ lục Hướng dẫn đánh giá, cho điểm "Cộng đồng học tập" cấp xã kèm theo, ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện cho phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương.

2. Sở giáo dục và đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với hội khuyến học cấp tỉnh và các cơ quan liên quan tham mưu cho ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn triển khai thực hiện Thông tư này tại địa phương;

b) Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã trên địa bàn.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo hội khuyến học cấp huyện, phòng giáo dục - đào tạo và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá và công nhận kết quả xây dựng "Cộng đồng học tập" cấp xã.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo hội khuyến học cấp xã phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng "Cộng đồng học tập" cấp xã; thường xuyên củng cố và nâng cao kết quả đã đạt được.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/01/2015.

2. Các ông, bà Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; giám đốc sở giáo dục và đào tạo; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đã ký

Nguyễn Vinh Hiển

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGDTNTNNĐ của QH;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban quốc gia đổi mới GD&ĐT;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP ;
- Các tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức XH, nghề nghiệp;
- Hội KHVN;
- Chủ tịch UBND các tỉnh/TP trực thuộc TƯ;
- Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;
Các Thứ trưởng Bộ GD&ĐT;
- Các sở GD&ĐT tỉnh/TP trực thuộc TƯ;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ GD&ĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDTX.

PHỤ LỤC

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM "CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP" CẤP XÃ

(Kèm Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2014)

TIÊU CHÍ	Mức điểm theo yêu cầu	Điểm đạt được	CÁC MINH CHỨNG
1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền cấp xã (8 điểm)			
1.1. Cấp ủy Đảng, chính quyền có Nghị quyết/Chỉ thị/Quyết định về xây dựng xã hội học tập và thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng XHHT (XD XHHT)	2		- Nghị quyết, chương trình hành động hoặc kế hoạch thực hiện của cấp ủy Đảng, chính quyền cấp xã - Quyết định thành lập hoặc kiện toàn ban chỉ đạo, quy chế hoạt động của ban chỉ đạo, quyết định phân công nhiệm vụ cho các thành viên của trưởng ban chỉ đạo
1.2. Nhiệm vụ xây dựng"Cộng đồng học tập" được đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hằng năm của HĐND, UBND	2		- Chương trình công tác của cấp ủy Đảng, kế hoạch phát triển KT-XH của UBND trình HĐND qua các kỳ họp hằng năm đã đưa chỉ tiêu, nhiệm vụ xây dựng "Cộng đồng học tập" vào các văn bản trên
1.3. Hằng năm có dành kinh phí từ ngân sách của xã để hỗ trợ các hoạt động tuyên truyền, giáo dục cho người lớn (ngoài kinh phí hỗ trợ của nhà nước theo Quyết định 89)	2		- Báo cáo tài chính của cấp xã (phần kinh phí chi các hoạt động tuyên truyền, giáo dục cho người lớn) - Kế hoạch huy động các nguồn lực của địa phương để hỗ trợ XD "Cộng đồng học tập"
1.4. Cấp ủy Đảng, chính quyền thường xuyên chỉ đạo, giám sát tiến độ và kết quả xây dựng XHHT	2		Bên bản kiểm tra hằng tháng, hằng quý
2. Hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng XHHT cấp xã (8 điểm)			
2.1. Ban chỉ đạo xây dựng được kế hoạch phù hợp với nhu cầu học tập của người dân và thực tế của địa phương	2		Kế hoạch hoạt động năm, quý, tháng của ban chỉ đạo XD XHHT
2.2. Ban chỉ đạo thường xuyên giám sát, đánh giá, tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, khen thưởng kịp thời	2		- Báo cáo sơ kết, tổng kết hằng năm của ban chỉ đạo - Quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng XHHT
2.3. Các thành viên trong ban chỉ đạo được phân công cụ thể	2		Văn bản phân công công việc cho các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức và các thành

và hoạt động thường xuyên và hiệu quả			viên ban chỉ đạo XD XHHT của trưởng ban chỉ đạo XD XHHT cấp xã
2.4. Công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức về học tập suốt đời, XD XHHT, XD "Cộng đồng học tập" được triển khai thường xuyên và có hiệu quả	2		- Các văn bản chỉ đạo hoặc kế hoạch triển khai của cấp ủy Đảng, chính quyền cấp xã quán triệt các chủ trương của Đảng, Nhà nước và của ban thường vụ tỉnh ủy, UBND tỉnh về XHHT đến cán bộ, đảng viên, nhân dân - Báo kết quả tổ chức tuyên truyền, các hình thức tuyên truyền và thống kê số người, đối tượng được tuyên truyền. Đánh giá kết quả, tác động của công tác tuyên truyền về XHHT đến cán bộ, đảng viên, nhân dân - Các bài viết tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh của cấp xã
3. Sự tham gia, phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trên địa bàn cấp xã (8 điểm)			
3.1. Có cơ chế phối hợp giữa ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trong xây dựng XHHT, trong đó hội khuyến học giữ vai trò nòng cốt	2		Các chương trình phối hợp đã ký kết hoặc văn bản phân công công việc của ban chỉ đạo
3.2. Nhiệm vụ tổ chức học tập suốt đời (HTSĐ) cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân ở địa phương được đưa vào kế hoạch công tác hằng năm của các ban ngành, đoàn thể, tổ chức, doanh nghiệp	2		Kế hoạch hoạt động hằng năm của ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức về XD XHHT và kết quả thực hiện kế hoạch
3.3. Có sự lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát chặt chẽ, thường xuyên của cấp ủy Đảng, HĐND và chính quyền địa phương đối với sự tham gia, phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trong xây dựng XHHT. Hằng năm, tổ chức hội nghị liên tịch	2		Các Nghị quyết, văn bản chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền hoặc các văn bản phối hợp của các đoàn thể; phê duyệt kế hoạch hoạt động hằng năm của chủ tịch UBND cấp xã
3.4. Có sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm hằng năm về sự phối kết hợp	2		Báo cáo sơ kết, tổng kết hằng năm về sự phối kết hợp
4. Mạng lưới và hoạt động của các cơ sở giáo dục, các thiết chế văn hóa trên địa bàn cấp xã (15 điểm)			
4.1. Có đủ các trường mầm non/ mẫu giáo/nhà trẻ/nhóm trẻ/ lớp	2		Căn cứ vào Điều lệ trường mầm non, kết hợp với báo cáo của xã và xem xét thực tế.

mẫu giáo độc lập đáp ứng nhu cầu học của trẻ theo quy định của Điều lệ trường mần non			Nếu có nhưng còn thiếu các trường mầm non/ mẫu giáo/nhà trẻ/nhóm trẻ/ lớp mẫu giáo độc lập thì cho 1 điểm
4.2. Có ít nhất một trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	2		Quyết định công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 của UBND tỉnh, TP. Nếu có ít nhất một trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 thì cho 1 điểm
4.3. Có đủ trường tiểu học/lớp tiểu học trong các trường phổ thông nhiều cấp học/trường chuyên biệt/cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học đáp ứng nhu cầu của học sinh theo quy định của Điều lệ trường tiểu học	2		Căn cứ vào Điều lệ trường tiểu học, kết hợp với báo cáo của xã và xem xét thực tế. Nếu có nhưng còn thiếu trường tiểu học/lớp tiểu học trong các trường phổ thông nhiều cấp học/trường chuyên biệt/cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học thì cho 1 điểm
4.4. Có ít nhất một trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	2		Quyết định công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 của UBND tỉnh, TP. Nếu có ít nhất một trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 thì cho 1 điểm
4.5. Có đủ trường trung học cơ sở/trường phổ thông có nhiều cấp học đáp ứng nhu cầu học của học sinh theo Điều lệ trường trung học cơ sở	2		Căn cứ vào Điều lệ trường THCS, kết hợp với báo cáo của xã và xem xét thực tế. Nếu có nhưng còn thiếu trường trung học cơ sở/trường phổ thông có nhiều cấp học thì cho 1 điểm
4.6. Có ít nhất một trường THCS đạt chuẩn quốc gia	2		Quyết định công nhận trường THCS đạt chuẩn quốc gia của UBND tỉnh, TP
4.7. Trung tâm học tập cộng đồng hoặc trung tâm văn hóa, thể thao-học tập cộng đồng hoạt động hiệu quả được xếp loại tốt	3		Quyết định công nhận xếp loại TTHTCĐ của chủ tịch UBND huyện (được đánh giá và xếp loại theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT và của địa phương). Nếu xếp loại khá thì cho 2 điểm, xếp loại trung bình cho 1 điểm
5. Kết quả phổ cập giáo dục-xóa mù chữ (14 điểm)			
5.1. Tỷ lệ trẻ dưới 3 tuổi đến nhà trẻ, nhóm trẻ đạt 40% trở lên	2		Sổ danh bạ ghi danh sách trẻ dưới 3 tuổi đang được nuôi dạy ở trường mầm non và danh sách trẻ trong độ tuổi tương ứng để tính tỷ lệ ra lớp
5.2. Tỷ lệ trẻ 3-5 tuổi đến lớp mẫu giáo đạt 85% trở lên	2		Sổ danh bạ ghi danh sách trẻ 3- 5 tuổi ở trường mầm non và danh sách trẻ trong độ tuổi tương ứng để tính tỷ lệ ra lớp
5.3. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	2		Quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi của UBND huyện

5.4. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	3		Quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 của UBND huyện. Nếu đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2 thì cho 2 điểm, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 1 thì cho 1 điểm
5.5. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3	3		Quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 của UBND huyện. Nếu đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2 thì cho 2 điểm, đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 1 thì cho 1 điểm
5.6. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	2		Quyết định công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 của UBND huyện. Nếu đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1 thì cho 1 điểm
6. Công bằng xã hội trong giáo dục (6 điểm)			
6.1. Có chính sách cụ thể hỗ trợ trẻ em bị thiệt thòi, có hoàn cảnh khó khăn được đến trường, lớp (trẻ em nghèo, trẻ em gái, dân tộc, trẻ khuyết tật …)	2		Quyết định của UBND cấp xã về việc huy động, sử dụng nguồn lực để trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được đến trường (hỗ trợ học bổng cho học sinh nghèo; cấp xe lăn cho trẻ em khuyết tật; cấp xe đạp cho trẻ em nghèo tại những vùng khó khăn; hỗ trợ đỡ đầu trẻ em mồ côi; khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ dưới 6 tuổi...)
6.2. Tích cực huy động trẻ em khuyết tật ra trường, lớp tham gia học tập hòa nhập	2		Danh sách trẻ khuyết tật ở địa phương và danh sách trẻ khuyết tật ra lớp hằng năm (căn cứ số điều tra với sổ phổ cập GDMN, GDTH và GDTHCS)
6.3. Có các hình thức tổ chức cho trẻ em khuyết tật tham gia học tập	2		Các hình thức tổ chức cụ thể
7. Kết quả học tập, bồi dưỡng thường xuyên của cán bộ, công chức cấp xã (6 điểm)			
7.1. Tỷ lệ cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn theo chuẩn quy định đạt 95% trở lên (vùng khó khăn: 85% trở lên)	2		Danh sách cán bộ của cấp xã có ghi chức vụ (hoặc vị trí công tác), trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị, quản lý nhà nước, tin học...đã được đào tạo đến thời điểm đánh giá
7.2. Tỷ lệ cán bộ cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc đạt 100% (vùng khó khăn: 90% trở lên)	2		Danh sách cán bộ của cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc

7.3. Tỷ lệ công chức cấp xã thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hàng năm đạt 85% trở lên (vùng khó khăn: 75% trở lên)	2		Danh sách công chức cấp xã được bồi dưỡng từng năm của 3 năm gần nhất (chuyên đề gì?, thời gian bồi dưỡng, do cơ quan, cơ sở đào tạo nào mở...)
8. Kết quả học tập thường xuyên của người lao động (từ 15 tuổi trở lên) (4 điểm)			
Tỷ lệ lao động nông thôn tham gia học tập cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyển giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất tại trung tâm học tập cộng đồng đạt 70% trở lên	4		Thống kê lập danh sách lao động nông thôn của địa phương và danh sách học viên của các lớp đã mở; sổ đầu bài. Nếu tỷ lệ lao động nông thôn tham gia học tập cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyển giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất tại trung tâm học tập cộng đồng đạt từ 60-69% cho 3 điểm; đạt từ 50-59% cho 2 điểm; dưới 50% cho 1 điểm
9. Kết quả xây dựng "Gia đình hiếu học", " Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương" (7 điểm)			
9.1. Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu "Gia đình hiếu học" đạt 70% trở lên (vùng khó khăn: 60% trở lên)	3		Số hộ gia đình trong cấp xã; số hộ gia đình được hội khuyến học công nhận "Gia đình hiếu học". Nếu tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu "Gia đình hiếu học" đạt từ 60-69% (vùng khó khăn: 50-59%) cho 2 điểm; đạt từ 50-59% (vùng khó khăn: 40-49%) cho 1 điểm
9.2. Tỷ lệ thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương đạt danh hiệu "Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập" đạt 60% trở lên (vùng khó khăn: 50% trở lên)	4		Danh sách thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương của cấp xã; các quyết định của chủ tịch UBND cấp xã công nhận thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương đạt danh hiệu " Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập". Nếu tỷ lệ thôn, ấp, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu "Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập" đạt từ 50-59% (vùng khó khăn: 40-49%) cho 3 điểm; đạt từ 40-49% (vùng khó khăn: 30-39%) cho 2 điểm; đạt dưới 40% (vùng khó khăn: 30%) cho 1 điểm
10. Kết quả xây dựng thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương được công nhận danh hiệu "Khu dân cư văn hóa" (4 điểm)			
Tỷ lệ thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương được công nhận danh hiệu "Khu dân cư văn hóa" đạt 80% trở lên (vùng khó khăn: 70% trở lên)	4		Danh sách thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương của cấp xã; các quyết định của chủ tịch UBND cấp huyện công nhận thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương đạt danh hiệu " Khu dân cư văn hóa". Nếu tỷ lệ thôn, ấp, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu "Khu dân cư văn hóa" đạt từ 70-79% (vùng khó khăn:

			60-69%) cho 3 điểm; đạt từ 60-69% (vùng khó khăn: 50-59%) cho 2 điểm; đạt dưới 70% (vùng khó khăn: 50%) cho 1 điểm
11. Giảm tỷ lệ hộ nghèo (3 điểm)			
Tỷ lệ hộ nghèo có giảm theo hằng năm	3		Báo cáo kinh tế - xã hội của UBND xã trước kỳ họp HĐND cuối năm hoặc 6 tháng đầu năm và kết quả điều tra hộ nghèo (Theo Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011- 2015). Nếu địa phương không có hộ nghèo thì cho điểm tối đa (3 điểm)
12. Thực hiện bình đẳng giới (6 điểm)			
12.1. Bảo đảm 80% trở lên các cấp lãnh đạo của chính quyền, tổ chức, đoàn thể xã có nữ tham gia quản lý	1		- Danh sách lãnh đạo UBND cấp xã - Danh sách cán bộ nữ làm công tác quản lý ở UBND cấp xã
12.2. Giảm bạo lực gia đình đối với phụ nữ dưới mọi hình thức	1		Báo cáo của hội phụ nữ cấp xã
12.3. Bảo đảm bình đẳng về cơ hội học tập đối với trẻ em trai và trẻ em gái	2		Danh sách trẻ em trai và gái trong độ tuổi đi học
12.4. Bảo đảm tỷ lệ cân bằng giữa nam - nữ trong tham gia các hoạt động xã hội và tham gia học tập tại trung tâm học tập cộng đồng	2		Thống kê, báo cáo của TTHTCĐ cấp xã (danh sách nam, nữ tham gia các hoạt động xã hội và tham gia học tập tại TTHTCĐ)
13. Đảm bảo vệ sinh, môi trường (4 điểm)			
13.1. Môi trường, cảnh quan trên địa bàn xã đảm bảo xanh-sạch-đẹp	1		- Có nhiều cây xanh, thường xuyên được chăm sóc và bổ sung. Đường đi lối lại trong thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương, trụ sở UBND xã, khuôn viên các nhà trường, … luôn giữ sạch sẽ, đảm bảo yêu cầu cảnh quan sư phạm - Mọi người được giáo dục cách sống khoẻ mạnh và có sự hỗ trợ về y tế, về tâm lý
13.2. Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia đạt	1		Có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước cho tất cả các khu vực theo quy định về vệ sinh môi trường

85% trở lên. (Vùng khó khăn: 75% trở lên)			
13.3. Chất thải, nước thải gia đình và cơ quan, xí nghiệp được thu gom và xử lý theo đúng quy định	1		Trong mỗi thôn (ấp, bản, tổ dân phố) đều có tổ dọn vệ sinh, khai thông cống rãnh, phát quang dọn cỏ ở đường thu gom rác thải về nơi quy định để xử lý
13.4. Không có cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động gây ô nhiễm môi trường	1		Các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường nếu trong quá trình sản xuất, chế biến có xả nước thải, chất thải rắn, mùi, khói bụi, tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định
14. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng (4 điểm)			
14.1. Vệ sinh, an toàn thực phẩm được đảm bảo	1		Không có người dân bị ngộ độc thực phẩm
14.2. Các dịch bệnh được khống chế hiệu quả	1		Không có các dịch bệnh hoặc nếu có đã được khống chế, xử lý hiệu quả
14.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi còn 23% trở xuống	1		Sổ danh bạ ghi danh sách trẻ dưới 5 tuổi và danh sách trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi.
14.4. Bảo đảm 100% trẻ em được tiêm chủng đầy đủ	1		Danh sách trẻ em trong độ tuổi tiêm chủng và danh sách trẻ đã tham gia tiêm chủng theo quy định (do trạm y tế xã cung cấp)
15. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội (3 điểm)			
15.1. Giảm các vụ khiếu kiện vượt cấp	1		Báo cáo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của UBND cấp xã
15.2. Giảm các tệ nạn xã hội (đánh nhau, mê tín, cờ bạc, rượu chè, ma túy, trộm cắp, …).	2		Báo cáo công tác phòng chống tệ nạn xã hội của UBND cấp xã
Cộng	**100**		

....., ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 22/2020/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2020*

THÔNG TƯ
Quy định về đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập, bao gồm: tiêu chí, quy trình, tổ chức thực hiện đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập.

2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương; cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh); cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn lao động, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội nông dân, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội cựu chiến binh cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh); cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện); cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn lao động, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội nông dân, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội cựu chiến binh cấp huyện (sau đây gọi chung là Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện) và tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Đơn vị học tập* là các cơ quan, đoàn thể mà trong đó mọi người được tạo điều kiện thuận lợi và có nhu cầu tự học, học tập thường xuyên, học cách học cùng nhau nhằm mở rộng hiểu biết trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

2. *Công dân học tập* là công chức, viên chức, người lao động (sau đây gọi chung là thành viên) trong cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương; cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện (sau đây gọi chung là đơn vị), có ý thức tích cực, tự giác học tập nâng cao trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu công việc, có khả năng thích ứng với môi trường sống và làm việc trong xã hội hiện đại.

3. *Tiêu chí đánh giá Đơn vị học tập* là các nội dung, yêu cầu được thiết lập để đánh giá việc triển khai học tập suốt đời của các đơn vị và đánh giá năng lực, phẩm chất của công chức, viên chức, người lao động trong xã hội học tập.

Điều 3. Mục đích

1. Tạo cơ hội và điều kiện cho thành viên trong đơn vị được học tập thường xuyên, học tập suốt đời, xây dựng mẫu hình công dân học tập trong các đơn vị, làm nòng cốt trong việc xây dựng các mô hình học tập trong cộng đồng, góp phần xây dựng xã hội học tập.

2. Cung cấp cơ sở để xây dựng kế hoạch thực hiện và huy động nguồn lực hỗ trợ việc học tập, bồi dưỡng nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong đơn vị.

3. Là căn cứ để xem xét đánh giá kết quả công tác hằng năm của đơn vị và các thành viên trong đơn vị.

Điều 4. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập

1. Đề cao trách nhiệm tự đánh giá, xếp loại của các đơn vị và trách nhiệm tổng hợp, đánh giá, xếp loại của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Thông tư này.

2. Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, minh bạch, khách quan.

Điều 5. Tiêu chí đánh giá Đơn vị học tập

1. Các tiêu chí về các điều kiện để xây dựng Đơn vị học tập (tối đa 30 điểm).

a) Đơn vị có chủ trương hoặc kế hoạch cho thành viên học tập thường xuyên (tối đa 10 điểm);

b) Đơn vị có các quy định cụ thể nhằm động viên thành viên học tập (tối đa 10 điểm);

c) Đơn vị quan tâm đầu tư các nguồn lực, bao gồm tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị và những điều kiện đảm bảo để đáp ứng nhu cầu học tập của thành viên (tối đa 10 điểm).

2. Các tiêu chí về kết quả học tập của thành viên (tối đa 30 điểm).

a) 100% thành viên trong đơn vị có kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng hàng năm được lãnh đạo đơn vị phê duyệt (tối đa 10 điểm);

b) 100% thành viên trong đơn vị tuân thủ kỷ luật lao động, nội quy làm việc trong đơn vị, có tinh thần hợp tác, đoàn kết và trao đổi (tối đa 05 điểm);

c) 100% thành viên trong đơn vị hoàn thành đầy đủ chương trình học tập, bồi dưỡng bắt buộc theo quy định của nhà nước (tối đa 10 điểm);

d) 100% thành viên trong đơn vị đạt từ danh hiệu "Lao động tiên tiến" trở lên (tối đa 05 điểm).

3. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả, tác động của xây dựng Đơn vị học tập (tối đa 40 điểm).

a) 100% thành viên trong đơn vị đáp ứng đầy đủ các năng lực và phẩm chất của Công dân học tập (tối đa 25 điểm), gồm:

- Có ý thức tuân thủ pháp luật; thực hiện quyền và trách nhiệm công dân đối với gia đình, xã hội;

- Có cam kết học tập suốt đời để phát triển bản thân;

- Có ý thức tổ chức việc học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng;

- Có lối sống lành mạnh, tôn trọng và hòa hợp với môi trường;

- Biết sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc;

- Có tư duy phản biện, sáng tạo, tính chủ động và kỹ năng giải quyết vấn đề;

- Tôn trọng và thực hiện bình đẳng giới;

- Hiểu rõ, trân trọng sự đa dạng văn hóa và có cách ứng xử văn hóa phù hợp.

b) Đơn vị đạt từ danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" trở lên (tối đa 10 điểm);

c) Góp phần tạo lập môi trường chia sẻ tri thức với các đơn vị khác (tối đa 05 điểm).

Điều 6. Đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập

1. Việc đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập phải căn cứ vào kết quả đạt được của các tiêu chí quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

2. Việc đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập theo phương thức chấm điểm. Tổng số điểm tối đa cho tất cả các tiêu chí là 100.

3. Xếp loại

a) Loại tốt: Tổng số điểm đạt được từ 85 điểm đến 100 điểm;

b) Loại khá: Tổng số điểm đạt được từ 70 điểm đến dưới 85 điểm;

c) Loại trung bình: Tổng số điểm đạt được từ 50 điểm đến dưới 70 điểm;

d) Loại chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

Điều 7. Quy trình đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập

1. Các đơn vị tổ chức tự đánh giá, xếp loại theo các tiêu chí quy định tại Điều 5 của Thông tư này và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập về Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với các đơn vị cấp tỉnh); Phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với các đơn vị cấp huyện). Thời gian gửi báo cáo tự đánh giá, xếp loại chậm nhất trong tháng 1 của năm sau.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổ chức kiểm tra việc đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập của các đơn vị và tổng hợp kết quả trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập và công bố công khai.

3. Việc đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập được thực hiện định kỳ một năm một lần.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chỉ đạo các cơ quan liên quan xây dựng và thực hiện kế hoạch xây dựng xã hội học tập của địa phương;

b) Căn cứ tiêu chí, quy trình đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập quy định trong Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn đánh giá, chấm điểm, xếp loại Đơn vị học tập cụ thể, phù hợp với đặc điểm tình hình ở địa phương;

c) Bố trí kinh phí đảm bảo cho công tác kiểm tra, thanh tra, tổng kết việc đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với Hội khuyến học cấp tỉnh và các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung quy định tại điểm b, khoản 1, Điều này;

b) Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập của các đơn vị trên địa bàn;

c) Tổng hợp và báo cáo kết quả về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chỉ đạo các đơn vị cấp huyện xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập;

b) Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổ chức kiểm tra việc đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập của các đơn vị cấp huyện trên địa bàn.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2020.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đã ký

Nguyễn Hữu Độ

Nơi nhận:
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGDTTNNĐ của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban quốc gia Đổi mới GDĐT;
- Tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Bộ GDĐT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Hội Khuyến học Việt Nam;
- Sở GDĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc thuộc trung ương;
- Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ Bạc Liêu;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDTX.

HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 242 /QĐ-KHVN	*Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí và Hướng dẫn đánh giá, công nhận các danh hiệu "Gia đình học tập", "Dòng họ học tập", "Cộng đồng học tập", "Đơn vị học tập" giai đoạn 2021 – 2030

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 122/TTg ngày 29/2/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội Khuyến học Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030;

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030";

Căn cứ Quyết định số 387/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình "Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị giai đoạn 2021 – 2030";

Theo đề nghị của Thường trực Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ tiêu chí và Hướng dẫn tổ chức đánh giá, công nhận các danh hiệu "Gia đình học tập", "Dòng họ học tập", "Cộng đồng học tập", "Đơn vị học tập" giai đoạn 2021 – 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Chấp hành Trung ương Hội, Hội Khuyến học các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chuyên môn của cơ quan Trung ương Hội, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. BAN CHẤP HÀNH TW HỘI
CHỦ TỊCH

Đã ký

Nguyễn Thị Doan

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban Tuyên giáo Trung ương (để b/c);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để phối hợp);
- Bộ Tài chính (để phối hợp);
- Các Bộ, các Tổ chức chính trị, xã hội có liên quan đến Quyết định 387/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 (để phối hợp);
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Hội Khuyến học các tỉnh, thành phố;
- Lưu VP.

BỘ TIÊU CHÍ – HƯỚNG DẪN
Đánh giá công nhận các danh hiệu "Gia đình học tập", "Dòng họ học tập", "Cộng đồng học tập",
"Đơn vị học tập" giai đoạn 2021 – 2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số 242/QĐ-KHVN, ngày 28/7/2022)

A- CÁC BỘ TIÊU CHÍ KHUNG

I. Mô hình "Gia đình học tập"

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá *(đã bổ sung và sửa đổi)*	Điểm
I. Kết quả học tập của gia đình (60 điểm)	1. Trẻ em trong độ tuổi đi học đều được đến trường, hoàn thành phổ cập giáo dục theo quy định.	10
	2. Kết quả học tập của học sinh, sinh viên phải đạt yêu cầu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. **Ngay từ bậc tiểu học, trẻ em đã có kỹ năng tối thiểu học tập trực tuyến do nhà trường tổ chức theo quy định**.	10
	3**. Hạnh kiểm của học sinh, sinh viên phải đạt yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo**. *Trẻ em phải lễ phép với mọi người trong gia đình, khu dân cư và ngoài xã hội; Đoàn viên thanh niên phải hoàn thành tốt nhiệm vụ và chỉ tiêu phấn đấu theo quy định của tổ chức Đoàn TNCSHCM; tích cực tham gia các hoạt động chung ở địa phương nơi cư trú.*	10
	4. *100% người trong độ tuổi từ 16-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 trở lên theo quy định; đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn từ 90% trở lên*. **Người cao tuổi còn sức khỏe tham gia học tập ít nhất 01 nội dung bổ ích, phục vụ cho cuộc sống hàng ngày**.	15
	5. **- 90% cán bộ, công chức, viên chức trong gia đình được đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, kỹ năng số và chuyên môn theo quy định của Nhà nước;** **- 70% người lớn là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được tìm hiểu hoặc học tập các chương trình giáo dục kỹ năng sống;** **- 40% người lớn trong gia đình đạt danh hiệu công dân học tập;**	15
II. Điều kiện học tập của gia đình (20 điểm)	6. Mọi người trong gia đình giúp đỡ nhau, **tạo điều kiện học tập tại trường học, trung tâm học tập cộng đồng, nhà văn hóa, thư viện...**., dự các hội nghị, hội thảo. Gia đình có hình thức khen thưởng, động viên các thành viên trong gia đình tích cực tự học, học tập thường xuyên.	10
	7. Gia đình có góc học tập cho trẻ em, có sách báo, TV, máy tính nối mạng hoặc điện thoại thông minh **để mọi người có điều kiện tự học và học tập thường xuyên.** **- Người lớn là cán bộ, công chức, viên chức trong gia đình biết ít nhất 01 ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số** (theo quy định) **để sử dụng vào công việc...**	10

III. Tác dụng của học tập đối với gia đình (20 điểm)	8. **Gia đình biết xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, góp phần tích cực phát triển kinh tế gia đình và địa phương.** Gia đình thoát nghèo hoặc có cuộc sống khá trở lên, **ai cũng có nghề hoặc việc làm ổn định** (trừ những người đã hết tuổi lao động).	10
	9. **Gia đình sống hòa thuận, gắn bó, chia sẻ với các gia đình trong thôn, bản, tổ dân phố. Tích cực tham gia công tác khuyến học**, các cuộc vận động như "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", "toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" và các phong trào khác ở địa phương. **Tích cực gìn giữ môi trường xanh, sạch, đẹp; thực hiện tốt quy định của pháp luật.**	10

II. Mô hình "Dòng họ học tập"

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá	Điểm
I. Kết quả học tập của dòng họ (55 điểm)	1. **80%** số gia đình trong dòng họ đạt danh hiệu "Gia đình học tập" (**60%** đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn). **- Trẻ khuyết tật cũng được học tập** (trừ trường hợp ốm đau, bệnh tật quá nặng hoặc không có khả năng học tập). **- 90% đoàn viên, thanh niên trong dòng họ theo học các khóa ngắn hạn để có kỹ năng sử dụng các thiết bị điện tử phục vụ cho công việc.**	20
	2. *100% người trong độ tuổi từ 16-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 trở lên theo quy định; đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn từ 90% trở lên*	15
	3. **40% người lớn trong dòng họ đạt danh hiệu "Công dân học tập"**	20
II. Điều kiện học tập của dòng họ (25 điểm)	4. Dòng họ có nhiều hình thức động viên, khen thưởng kịp thời đối với những thành viên có tinh thần tự học và tham gia học tập thường xuyên, **giúp đỡ các gia đình khó khăn, bảo đảm con em trong dòng họ đều được đi học và đạt yêu cầu của Bộ GDĐT.**	15
	5. Quỹ Khuyến học của dòng họ đạt từ **32.000- 35.000 đồng/đầu người** và ngày càng tăng.	10
III. Tác dụng của học tập đối	6. Trong dòng họ không có hộ nghèo. Các gia đình trong dòng họ đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập, sản xuất, kinh doanh,	10

với dòng họ (20 điểm)	dịch vụ. **Mọi người trong độ tuổi lao động đều có nghề hoặc việc làm ổn định.**	
	7. Dòng họ tích cực tham gia các phong trào: xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; *phát triển văn hóa đọc, tham gia học tập trong TTHTCĐ, nhà văn hóa, thư viện...* và các phong trào khác liên quan của địa phương.	10

III. Mô hình "Cộng đồng học tập"

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá	Điểm
I. Kết quả học tập của cộng đồng (50 điểm)	1. **80%** số gia đình trong thôn bản/tổ dân phố đăng ký đạt danh hiệu "Gia đình học tập" (**60%** đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn); trong đó **70%** trở lên số gia đình đăng ký đạt danh hiệu "Gia đình học tập".	20
	2. **40% người trong độ tuổi lao động đạt danh hiệu công dân học tập** **- 90% đoàn viên, thanh niên trong cộng đồng theo học các khóa ngắn hạn để có kỹ năng sử dụng các thiết bị điện tử phục vụ cho công việc.**	20
	3. **- 100% người lớn học tập thường xuyên; tối thiểu đạt chuẩn biết chữ mức độ 1** *- 100% người trong độ tuổi từ 16-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 trở lên theo quy định; đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn từ 90% trở lên***.**	10
II. Điều kiện học tập của cộng đồng (30 điểm)	4. Chi bộ đảng và thôn bản/tổ dân phố có kế hoạch và chỉ tiêu phấn đấu xây dựng các mô hình: gia đình học tập, cộng đồng học tập, **công dân học tập.**	10
	5. Chi hội Khuyến học của thôn bản/tổ dân phố tổ chức động viên, khen thưởng kịp thời với những người tích cực học tập thường xuyên. **Quỹ khuyến học của thôn bản/tổ dân phố đạt mức từ 32.000đ - 35.000đ/đầu người và ngày càng tăng lên**.	10
	6. Trong thôn bản/tổ dân phố có ít nhất **02 trong các phương tiện học tập cộng đồng** (tủ sách, thư viện, phòng sinh hoạt chung, phương tiện truyền thanh, truyền hình, máy tính...)	10

III. Tác dụng của học tập đối với cộng đồng (20 điểm)	7. Trong thôn bản/tổ dân phố, **mọi người trong tuổi lao động ai cũng có việc làm. Không có hộ nghèo.**	10
	8. **Nhân dân** trong thôn bản/tổ dân phố *tích cực tham gia học tập tại TTHTCĐ, nhà văn hóa, thư viện;* triển khai/tham gia các cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư, "xây dựng nông thôn mới", "xây dựng khu đô thị văn minh";	10

IV. Mô hình "Đơn vị học tập"

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá	Điểm
I. Kết quả học tập của đơn vị (50 điểm)	1. **90% cán bộ, công chức, viên chức được cung cấp, bồi dưỡng kiến thức kỹ năng sống cần thiết.**	10
	2. - 90% cán bộ, công chức, viên chức tham gia học tập các chương trình theo quy định của nhà nước, của đơn vị hoặc của đoàn thể. - **90%** lao động trong các doanh nghiệp, cơ quan, đoàn thể có trình độ trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên.	10
	3. - **90%** cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo về chuyển đổi số, kỹ năng số để sử dụng các thiết bị số trong công việc; - **40%** cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu công việc.	10
	4. **60% cán bộ, công chức, viên chức đạt danh hiệu "Công dân học tập"**	20
II. Điều kiện học tập của đơn vị (30 điểm)	5. **Cấp ủy và lãnh đạo** đơn vị có kế hoạch, có chỉ tiêu thi đua hàng năm đối với việc học tập trong đơn vị, tạo môi trường thuận lợi để các thành viên phấn đấu trở thành công dân học tập; bố trí kinh phí hàng năm cho công tác đào tạo **Các tổ chức đoàn thể** trong đơn vị có giải pháp và trách nhiệm động viên, thúc đẩy thành viên của mình học tập thường xuyên đạt kết quả tốt.	10
	6. Đơn vị có các phương tiện phục vụ cho việc học tập thường xuyên của các thành viên, nhất là các trang thiết bị kỹ thuật số để học tập và truy cập thông tin chính thống trên mạng internet.	10
	7. Tổ chức khuyến học của đơn vị hoạt động có nề nếp, hiệu quả. **Xây dựng Quỹ khuyến học của đơn vị, phấn đấu đạt mức bình quân từ 32.000đ – 35.000đ/đầu người và ngày càng tăng.**	10

III. Tác dụng của học tập đối với đơn vị (20 điểm)	8. Hằng năm, đơn vị đạt danh hiệu thi đua từ "Tập thể lao động tiên tiến" trở lên. Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ với Nhà nước; không vi phạm pháp luật. Các thành viên trong đơn vị tích cực tham gia các cuộc vận động trong cộng đồng.	10
	9. Gia đình của các thành viên thuộc đơn vị đều đăng ký phấn đấu xây dựng "gia đình học tập", trong đó **80%** gia đình cán bộ, công chức, viên chức đạt danh hiệu "Gia đình học tập"	10

B- HƯỚNG DẪN

Việc triển khai đánh giá, công nhận các Danh hiệu học tập

Theo Quyết định 387/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ

(Sau đây gọi là Chương trình 387)

Trong giai đoạn 2014 – 2020, các Hội Khuyến học địa phương đã có kinh nghiệm trong việc đánh giá công nhận các mô hình "Gia đình học tập", "Dòng họ học tập", "Cộng đồng học tập", "Đơn vị học tập" tại Đề án 281 (theo hướng dẫn tại Quyết định số 448/QĐ-KHVN ngày 01/12/2015 của Trung ương Hội KHVN). Đồng thời, các Hội địa phương cũng đã tiếp cận Kế hoạch số 123/KH-KHVN ngày 14/4/2022 về việc thực hiện Chương trình 387, nên đã có thời gian nghiên cứu Bộ tiêu chí đánh giá các mô hình học tập (có chỉnh sửa, bổ sung so với giai đoạn 2014-2020) được quy định tại Chương trình 387.

Giai đoạn 2022-2030, về cơ bản, quy trình đánh giá, công nhận các mô hình học tập vẫn dựa theo hướng dẫn tại Quyết định số 448/QĐ-KHVN ngày 01/12/2015 của Trung ương Hội KHVN; tuy nhiên, các Hội địa phương cần quan tâm, thực hiện một số những điểm sau:

1. Vận dụng linh hoạt việc đánh giá, công nhận các mô hình học tập theo Bộ tiêu chí dùng cho việc đánh giá mô hình học tập trên địa bàn hành chính cấp xã giai đoạn 2022 – 2030, xong phải bảo đảm các nguyên tắc:

a) Không thay đổi 3 tiêu chí đánh giá cơ bản: Kết quả học tập, Điều kiện học tập, Tác dụng của học tập;

b) Vẫn giữ đúng 9 chỉ số đánh giá;

c) Có thể bổ sung những chi tiết trong từng chỉ số đo, nhưng những tỷ lệ về người đạt chuẩn biết chữ, về cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo về chuyển đổi số, về công dân học tập… phải giữ nguyên vì đây là những tỷ lệ quy định trong Quyết định 387/QĐ-TTg;

d) Với các chỉ số đo, nếu không đạt đầy đủ thì không cho điểm tối đa. Tùy vào mức độ đạt được cụ thể để xác định mức điểm tương xứng. Riêng với chỉ số 5 thuộc tiêu chí I của mô hình "Gia đình học tập"; chỉ số 3 thuộc tiêu chí I của mô hình "Dòng họ học tập", chỉ số 2 thuộc tiêu chí I của mô hình "Cộng đồng học tập" và chỉ số 4 thuộc tiêu chí I của mô hình "Đơn vị học tập" mà không đạt đầy đủ thì cho điểm 0.

2. Trong báo cáo tổng kết về số lượng và tỷ lệ các mô hình học tập trên địa bàn hành chính cấp xã được bình chọn phải ghi rõ tỷ lệ người đạt danh hiệu "Công dân học tập" so với tổng số dân trên địa bàn.

3. Để không bị xáo trộn cách đánh giá, bình chọn các mô hình học tập, các khâu thẩm định báo cáo, xác lập minh chứng, tổng hợp thành tích, hoàn thiện báo cáo vẫn tiến hành theo cơ chế và sự phân công như đã thực hiện trong giai đoạn 2014 – 2020.

4. Hội Khuyến học cơ sở tập hợp hồ sơ đã được bình chọn trình UBND cấp xã ra quyết định công nhận các mô hình học tập.

5. Báo cáo tổng hợp về kết quả xây dựng các mô hình học tập ở cấp xã cần bảo đảm đủ các số liệu trong bảng thống kê dưới đây:

Gia đình học tập	Số gia đình trên địa bàn cấp xã	Số gia đình đạt danh hiệu "Gia đình học tập"	Tỷ lệ % GĐHT/Gia đình trong xã
Dòng họ học tập	Số dòng họ trên địa bàn cấp xã	Số dòng họ đạt danh hiệu "Dòng họ học tập"	Tỷ lệ % DHHT/Dòng họ trong xã
Cộng đồng học tập	Số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã	Số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã đạt danh hiệu "Cộng đồng học tập"	Tỷ lệ % CĐHT/Cộng đồng trong xã
Đơn vị học tập	Số cơ quan, trường học, tổ sản xuất, doanh nghiệp trên địa bàn xã	Số cơ quan, trường học, tổ sản xuất, doanh nghiệp trên địa bàn xã đạt danh hiệu "Đơn vị học tập"	Tỷ lệ % ĐVHT/Đơn vị trong xã
Công dân học tập	Tổng số người lớn trên địa bàn xã (không tính học sinh, sinh viên đang đi học)	Tổng số người lớn trong gia đình đạt danh hiệu "Gia đình học tập"	Tỷ lệ % CDHT/người lớn trong xã

HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 244 /QĐ-KHVN	*Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Bộ tiêu chí và Hướng dẫn đánh giá, công nhận danh hiệu "Công dân học tập" giai đoạn 2021 – 2030

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 122/TTg ngày 29/2/1996 của Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập Hội Khuyến học Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 8/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT/CT-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về "Đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021- 2030";

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030";

Căn cứ Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 3/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình "Xây dựng mô hình Công dân học tập giai đoạn 2021 – 2030";

Theo đề nghị của Thường trực Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ tiêu chí và Hướng dẫn tổ chức đánh giá, công nhận danh hiệu "Công dân học tập" giai đoạn 2021 – 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Chấp hành Trung ương Hội, Hội Khuyến học các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chuyên môn của cơ quan Trung ương Hội, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban Tuyên giáo Trung ương (để b/c);
- Phó Thủ tướng CP Vũ Đức Đam (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để ph/h);
- Bộ Tài chính (để ph/h);
- Các Bộ, ngành, tổ chức Chính trị, Xã hội liên quan đến Quyết định 677/QĐ-TTg;
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Hội Khuyến học các tỉnh, thành phố;
- Lưu VP.

TM. BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG HỘI
CHỦ TỊCH

Đã ký

Nguyễn Thị Doan

BỘ TIÊU CHÍ – HƯỚNG DẪN
ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN DANH HIỆU "CÔNG DÂN HỌC TẬP"
GIAI ĐOẠN 2021 – 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 244 /QĐ-KHVN ngày 28/7/2022)

I. BỘ TIÊU CHÍ "CÔNG DÂN HỌC TẬP"

Bộ tiêu chí khung và chỉ số đánh giá mô hình "Công dân học tập"

Tiêu chí khung	**Chỉ số đánh giá** (*các kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn*)	**Điểm**
I. ***Năng lực tự học, học tập suốt đời***	1. Kỹ năng: tìm kiếm, tra cứu, đọc, cập nhật thông tin và kiến thức trên sách báo, các phương tiện truyền thông đại chúng, các thiết bị điện tử cá nhân.	10
	2. Kỹ năng: *sắp xếp/xây dựng* kế hoạch học tập theo các chương trình phục vụ yêu cầu công việc, hoặc do Nhà nước, cơ quan, đoàn thể quy định.	10
	3. Kỹ năng: sắp xếp hợp lý công việc để có thời gian tham gia các hoạt động cộng đồng, tại các cơ sở, thiết chế văn hóa, giáo dục hoặc các hội thảo, hội nghị nhằm trang bị kiến thức cho bản thân	10
	4. Kỹ năng: động viên, tạo điều kiện cho người thân trong gia đình và đồng nghiệp được học tập thường xuyên.	10
II. ***Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc***	5. Kỹ năng: sử dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc và cuộc sống.	10
	6. Kỹ năng: sử dụng ngoại ngữ theo yêu cầu công việc và vị trí đảm nhận.	10
	7. Kỹ năng: tính toán để công việc luôn được cải tiến, sáng tạo, đạt chất lượng và hiệu quả cao, đóng góp nhiều cho cộng đồng và xã hội.	10
	8. Kỹ năng: tư duy biện chứng và tư duy phản biện trong công việc, trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ... và hoạt động xã hội.	10
III. ***Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội***	9. Kỹ năng: thiết lập mối quan hệ thân thiện với mọi người; kỹ năng giải quyết xung đột, thích ứng an toàn. Có trách nhiệm với gia đình, cộng đồng và xã hội. Tuân thủ pháp luật.	10
	10. Kỹ năng: hợp tác, chia sẻ trong lao động, học tập và hoạt động xã hội. Tôn trọng bình đẳng giới và sự đa dạng văn hóa. Có ý thức bảo vệ môi trường.	10
	Tổng điểm tối đa	***100***

Nhóm 1. Tiêu chí và chỉ số đánh giá Công dân học tập

(Dùng cho nông dân và lao động nông thôn)

Tiêu chí (Năng lực cốt lõi)	***Chỉ số đánh giá*** *(Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)*	***Điểm***
I. Năng lực tự học, học tập suốt đời	1. Hàng ngày dành thời gian hợp lý để đọc sách báo, cập nhật thông tin trên đài phát thanh, đài truyền hình hoặc trong điện thoại di động…	10
	2. Tham gia học tập tại Trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm dạy nghề tham gia các khóa huấn luyện ... để làm tốt công việc sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, buôn bán và dịch vụ trên địa bàn nông thôn.	10
	3. Biết sắp xếp thời gian lao động hợp lý để có thời gian tham gia các hoạt động đoàn thể hoặc hoạt động của các tổ chức xã hội, các buổi sinh hoạt ở Nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện tại địa bàn cấp xã.	10
	4. Chăm lo, giúp đỡ, động viên, khuyến khích mọi người trong gia đình và bà con hàng xóm, bà con trong cộng đồng... học tập thường xuyên.	10
II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc	5. Sử dụng được điện thoại di động hoặc máy tính bảng, ipad vào công việc sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, giao dịch có hiệu quả (Thương mại điện tử).	10
	6. Tham gia học một ngoại ngữ hoặc ngôn ngữ của đồng bào thiểu số để chào hỏi, làm quen, hiểu được một số hướng dẫn bằng tiếng nước ngoài đối với một số mặt hàng như phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia cầm – gia súc, hoặc các quy tắc an toàn... trong cuộc sống.	10
	7. Biết xếp sắp hợp lý công việc để có năng suất lao động cao hơn, hiệu quả công việc tốt hơn, tăng thu nhập cho bản thân và gia đình.	10
	8. Biết tính toán, suy nghĩ, phân tích, đánh giá tác động của các yếu tố đến một công việc sẽ triển khai trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trước khi quyết định thực hiện.	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Thân thiện, hòa đồng với mọi người trong cộng đồng; đoàn kết, gắn bó với bà con thôn xóm, tổ dân phố. Có trách nhiệm với gia đình và xã hội. Tham gia giữ gìn an ninh trật tự đảm bảo an toàn giao thông.	10
	10. Hợp tác, chia sẻ với mọi người trong lao động sản xuất và hoạt động xã hội; tôn trọng mọi người, ứng xử đúng mực trong giao tiếp; có ý thức bảo vệ môi trường.	10
Tổng cộng		**100**

Nhóm 2. Tiêu chí và chỉ số đánh giá Công dân học tập

(Dùng cho công nhân, lao động tiểu thủ công, thợ sửa chữa thiết bị gia dụng, lao động tự do...)

Tiêu chí (Năng lực cốt lõi)	***Chỉ số đánh giá*** *(Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)*	***Điểm***
I. Năng lực tự học, học tập suốt đời	1. Hàng ngày có dành thời gian để đọc sách báo, cập nhật thông tin trên đài phát thanh, đài truyền hình hoặc trong điện thoại, thiết bị điện tử cầm tay.	10
	2. Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo các chương trình do nhà máy, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tổ chức, theo học các lớp học ngắn hạn, các khóa huấn luyện của đơn vị, đoàn thể, trung tâm dạy nghề, trung tâm ngoại ngữ - tin học….	10
	3. Sắp xếp công việc hợp lý để có thời gian tham gia các hoạt động của Nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện, các hội nghị có nội dung liên quan đến công việc đang làm, các cuộc vận động thi đua tại cộng đồng.	10
	4. Quan tâm khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện để người thân trong gia đình và bạn bè, đồng nghiệp học tập thường xuyên, cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm làm ăn, phát triển nghề nghiệp, nâng cao kiến thức.	10
II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc	5. Sử dụng được máy vi tính, điện thoại thông minh, các thiết bị điện tử để làm tốt nhiệm vụ sản xuất, kết nối với đồng nghiệp, với các đối tác để phát triển chuyên môn – nghiệp vụ, nâng cao tay nghề.	10
	6. Biết sử dụng ngoại ngữ để giao dịch với khách hàng, mở rộng giao lưu, hiểu được những hướng dẫn cơ bản về công việc làm ăn, sử dụng thiết bị sản xuất.	10
	7. Biết tính toán để hợp lý hóa các thao tác, tổ chức nơi làm việc khoa học; cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động; nâng cao tay nghề và kỹ năng nghề nghiệp.	10
	8. Biết phân tích, định ra những phương án, giải pháp hợp lý trong xây dựng kế hoạch sản xuất, tổ chức và quản lý công việc, quản lý và bảo dưỡng công cụ, máy móc và các thiết bị, tiết kiệm nguyên vật liệu.	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Xây dựng được mối quan hệ thiện cảm với khách hàng, với người xung quanh, không làm hàng giả, hàng kém chất lượng. Tuân thủ kỷ luật lao động. Có trách nhiệm với gia đình, cơ quan, nhà máy, doanh nghiệp, tập thể người lao động và xã hội.	10
	10. Gắn kết, hợp tác và chia sẻ với đồng nghiệp trong tập thể cơ quan, đơn vị; giúp đỡ khi đồng nghiệp gặp khó khăn, tích cực xây dựng tập thể lao động tiên tiến, tôn trọng mọi người. Ứng xử đúng mực trong giao tiếp; Có ý thức bảo vệ môi trường, thực hiện và vận động mọi người đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư và xây dựng đô thị văn minh.	10
Tổng cộng		**100**

Nhóm 3. Tiêu chí đánh giá công nhận công dân học tập

(Dùng cho cán bộ quản lý, công chức, viên chức, nhân viên từ cấp xã trở lên, doanh nhân, quản lý doanh nghiệp,...)

Tiêu chí (Năng lực cốt lõi)	***Chỉ số đánh giá*** *(Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)*	***Điểm***
I. Năng lực tự học, học tập suốt đời	1. Kỹ năng đọc, cập nhật thông tin và kiến thức trên sách báo, tivi, trên mạng Internet, điện thoại thông minh.	10
	2. Kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo các chương trình phục vụ yêu cầu công việc hoặc do Nhà nước, cơ quan, đoàn thể quy định.	10
	3. Kỹ năng tính toán, xếp sắp hợp lý các công việc để có thời gian tham gia hoạt động văn hóa, khoa học, các hội nghị, hội thảo có nội dung cần thiết cho chuyên môn nghề nghiệp của bản thân.	10
	4. Kỹ năng động viên, khích lệ và tạo điều kiện cho người thân trong gia đình và đồng nghiệp học tập thường xuyên.	10
II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc	5. Kỹ năng sử dụng máy tính, điện thoại thông minh và các thiết bị số để truy cập internet nhằm học tập thường xuyên trên mạng, trao đổi thông tin điện tử, giao lưu trực tuyến, mua bán thông qua thiết bị điện tử, sử dụng các dịch vụ trực tuyến; không vi phạm các quy định về an ninh, an toàn khi sử dụng mạng.	10
	6. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ và vị trí đảm nhiệm.	10
	7. Kỹ năng tính toán thu xếp công việc một cách hợp lý, lao động có khoa học, có sáng kiến, đổi mới sáng tạo để công việc có chất lượng và hiệu quả cao, đóng góp tích cực cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp...	10
	8. Kỹ năng tư duy biện chứng, tư duy phản biện: Khả năng phân tích vấn đề rõ ràng, hợp lý, toàn diện, khách quan, logic và phát triển... áp dụng trong lao động, sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu khoa học và hoạt động xã hội.	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Kỹ năng tạo mối quan hệ thân thiện với mọi người, điều hòa các mâu thuẫn để tránh xung đột. Có trách nhiệm với gia đình, đơn vị công tác, tập thể lao động và cộng đồng xã hội. Tuân thủ pháp luật. Ứng xử có văn hóa với người nói ngôn ngữ khác.	10
	10. Kỹ năng hợp tác, chia sẻ trong lao động và hoạt động xã hội. Tôn trọng bình đẳng giới, sự đa dạng văn hóa và ngôn ngữ. Ứng xử đúng mực trong giao tiếp; Có ý thức bảo vệ môi trường. thực hiện và vận động mọi người đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư và xây dựng đô thị văn minh.	10
Tổng cộng		**100**

II. HƯỚNG DẪN

Triển khai đánh giá, công nhận Danh hiệu "Công dân học tập"

Theo Quyết định 677/QĐ-TTg ngày 03/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ

(Sau đây gọi là Chương trình 677)

Việc đánh giá, công nhận Danh hiệu "Công dân học tập" trong Chương trình 677 khác với việc đánh giá công nhận các mô hình học tập trong Chương trình 387: Nếu các mô hình học tập trong Chương trình 387 là những mô hình nằm trên địa bàn hành chính cấp xã, người dân tham gia xây dựng các mô hình đó là cư dân trên địa bàn, thì đối tượng tham gia xây dựng mô hình "Công dân học tập" trong Chương trình 677 đề cập phạm vi rộng hơn bao gồm tất cả cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên từ cấp xã trở lên, doanh nhân, công nhân, nhân viên kĩ thuật thuộc các doanh nghiệp, quân nhân trong lực lượng vũ trang và lao động tự do... trong toàn xã hội.

Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam xây dựng và ban hành **Bộ tiêu chí khung** về mô hình "Công dân học tập"; việc áp dụng tiêu chí cho đối tượng nào sẽ theo các Bộ tiêu chí riêng, bao gồm những chỉ số đánh giá phù hợp với trình độ văn hóa, trình độ học vấn chuyên môn - nghề nghiệp, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện sống và công việc của mỗi cá nhân, phù hợp với từng cơ quan, đơn vị và đặc thù mỗi địa phương.

A. Quan điểm chỉ đạo

1. Mỗi công dân học tập là người biết tự học và coi trọng việc học tập; thông qua học tập suốt đời để thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn - nghề nghiệp, hoàn thiện tay nghề, có tinh thần đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, có ý thức lập thân, lập nghiệp nhằm cải thiện đời sống cá nhân, gia đình và cộng đồng, hướng tới công dân số, đóng góp tích cực cho xã hội.

2. Mọi công dân có trách nhiệm và quyền lợi được học tập thường xuyên, học suốt đời, tận dụng mọi cơ hội do xã hội mang lại để biến tri thức của nhân loại thành kiến thức của mình; tương tác, tạo điều kiện để người khác cùng học tập hiệu quả, góp phần xây dựng xã hội học tập, hướng tới xã hội số.

3. Các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang, cộng đồng dân cư... có trách nhiệm thực hiện tốt Chỉ thị của Bộ Chính trị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về khuyến học, khuyến tài và thực hiện các mô hình học tập, khuyến khích, tạo cơ hội công bằng và điều kiện thuận lợi cho mọi cá nhân trong tổ chức, đơn vị, gia đình, mọi công dân trong xã hội được tham gia học tập, nhất là các đối tượng chính sách, những người ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, người bị thiệt thòi, yếu thế trong xã hội.

B. Nguyên tắc chung

- Đánh giá "Công dân học tập" bằng hình thức cho điểm; Mỗi chỉ số đánh giá cho điểm từ 1 đến 10, tổng điểm tối đa của 10 chỉ số sẽ là 100;

- Những người đạt từ 80 điểm trở lên (riêng đối với những người ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thì đạt từ 70 điểm trở lên), trong đó không có chỉ số nào đạt điểm dưới 5 được công nhận là "Công dân học tập"; những người đạt danh hiệu CDHT 5 năm liền được ghi nhận là CDHT tiêu biểu;

- Hồ sơ kê khai là bản tự đánh giá, cho điểm theo mẫu (kèm theo Kế hoạch số 196/KH-KHVN ngày 16/6/2022): Cá nhân tự kê khai, thu thập minh chứng, cho điểm, gửi hồ sơ cho Chi hội khuyến học của địa phương để được xem xét, tập hợp danh sách và báo cáo Hội Khuyến học cấp xã/phường (Hội cơ sở); Hội Khuyến học cấp xã xác nhận, trình UBND cùng cấp ra quyết định công nhận danh sách các cá nhân đạt danh hiệu "Công dân học tập";

- Đối với cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị do cấp huyện, tỉnh, trung ương quản lý, thì nộp bản tự đánh giá cho Ban khuyến học cơ quan, đơn vị để được Thủ trưởng đơn vị xem xét, công nhận danh hiệu "Công dân học tập"; Nếu đơn vị chưa có Ban khuyến học thì có thể đề nghị tổ chức Công đoàn (hoặc Đoàn Thanh niên) phối hợp, xác nhận và trình Thủ trưởng đơn vị quyết định công nhận.

- Hàng năm, Hội Khuyến học các cấp (xã, huyện, tỉnh) tổng hợp hồ sơ, danh sách công nhận Danh hiệu Công dân học tập theo quy định tại Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 03/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ, báo cáo cấp trên và Trung ương Hội theo quy định.

C. Hướng dẫn đánh giá theo các bộ tiêu chí

1. Các cá nhân đăng ký phấn đấu đạt Danh hiệu "Công dân học tập" sẽ được xếp vào 1 trong 3 loại đối tượng với 3 Bộ tiêu chí tương ứng là:

a) Bộ tiêu chí dùng cho nông dân và lao động nông thôn.

b) Bộ tiêu chí dùng cho công nhân, lao động thủ công, thợ sửa chữa thiết bị gia dụng, lao động tự do...

c) Bộ tiêu chí dùng cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên... từ cấp xã trở lên, doanh nhân, quản lý doanh nghiệp, lực lượng vũ trang.

Lưu ý:

- Học sinh phổ thông, sinh viên đang học cao đẳng, đại học hệ chính quy... chưa phải là đối tượng đăng ký phấn đấu đạt danh hiệu "Công dân học tập".

- Đối với cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang: Thực hiện theo các quy định của Nhà nước đối với vị trí mà quân nhân đảm nhiệm. Trong khi chưa có bộ tiêu chí riêng thì căn cứ Bộ tiêu chí khung, nhóm 3, lãnh đạo chỉ huy đơn vị từ cấp Trung đoàn hoặc tương đương ban hành tiêu chí cho phù hợp với nhiệm vụ đơn vị.

- Đối với người đã về hưu, người cao tuổi: Ngoài các năng lực, chỉ số đã được hình thành theo ngành nghề trong quá trình còn công tác, chủ yếu cần quan tâm nhiều hơn đến các chỉ số như tích cực học tập để nâng cao kỹ năng sống, chăm sóc sức khỏe bản thân, quan tâm đến gia đình và xã hội, tích cực động viên mọi người tham gia xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, giữ gìn đoàn kết, an ninh, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường...

2. "Công dân học tập" là *yếu tố chất lượng mới* của các mô hình học tập cấp xã, đồng thời là điều kiện cần thiết để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao của từng địa phương, do đó tỷ lệ 40% số người trong gia đình và 60% số người trong đơn vị phải bảo đảm tuyệt đối. Nếu tỷ lệ này không được bảo đảm thì số điểm đánh giá công dân học tập trong các mô hình học tập cấp xã sẽ bằng 0 điểm.

3. Cơ bản việc đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập” căn cứ vào bản tự kê khai, đánh giá của cá nhân. Các Chi hội/Ban khuyến học phối hợp với Tổ dân phố (thôn, bản...)/cơ quan, đơn vị... sẽ thẩm định hồ sơ thông qua bản tự kê khai của cá nhân, đánh giá mức độ hoàn thành 10 chỉ số để xác nhận kết quả.

4. Việc tự đánh giá, cho điểm, thu thập hồ sơ cá nhân phấn đấu đạt danh hiệu “Công dân học tập” cũng như cách xác định mức độ đạt được của các chỉ số sẽ thực hiện thí điểm trên máy tính kể từ quý I/2023. Việc áp dụng công nghệ thông tin vào việc xử lý kết quả đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập” theo Chương trình 677 sẽ có hướng dẫn riêng.

5. Trên cơ sở Bộ tiêu chí khung, các Hội địa phương có thể xây dựng các Bộ tiêu chí cụ thể, áp dụng linh hoạt cho từng nhóm đối tượng người dân trên địa bàn quản lý sao cho phù hợp, dễ nhớ, dễ làm, chính xác, hiệu quả, đảm bảo chất lượng mô hình, động viên được tinh thần tự học, ham học, chia sẻ kinh nghiệm học tập, lao động của cộng đồng dân cư.

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình 677, nếu có vướng mắc phát sinh, Hội Khuyến học các cấp trao đổi, tổng hợp ý kiến, báo cáo Trung ương Hội xem xét, điều chỉnh phù hợp.

Phụ lục 3.

KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG TRONG VIỆC XÂY DỰNG VÀ NHÂN RỘNG MÔ HÌNH HỌC TẬP

(1) Thanh Hoá: Chủ động, sáng tạo xây dựng bộ tiêu chí về "xã hội học tập cấp xã" và "Đơn vị học tập"; ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn việc giám sát, đánh giá công tác xây dựng xã hội học tập đầu tiên trong cả nước

Quán triệt, triển khai thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Chính phủ về xây dựng XHHT và HTSĐ, phát huy truyền thống "Đất Thanh - một vùng đất học", tỉnh Thanh Hóa đã xác định để xây dựng xã hội học tập cần phải xây dựng được mô hình đạt chuẩn xây dựng XHHT ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị vũ trang, đi đôi đối với tiếp tục xây dựng các mô hình học học tập thường xuyên và các mô hình khuyến học, khuyến tài có chất lượng. Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã tham mưu Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 06 - NQ/TU ngày 23 - 8 - 2012 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2012-2020; nghiên cứu, ban hành Bộ tiêu chí công nhận xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp đạt chuẩn xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020" ban hành kèm theo Quyết định 1667/2012/QĐ-UBND ngày 01/6/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh; ban hành Quyết định số 696/QĐ-UBND "Quy định cụ thể về trình tự, thủ tục tự rà soát, đăng ký, kiểm tra, xét công nhận và tổ chức công bố xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị vũ trang, doanh nghiệp đạt chuẩn XHHT giai đoạn 2012-2020".

Thường trực Ban chỉ đạo xây dựng XHHT tỉnh Thanh Hóa đã tổ chức tập huấn cho Thường trực Ban chỉ đạo xây dựng XHHT tỉnh Thanh Hóa các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Thường trực Ban chỉ đạo xây dựng XHHT tỉnh Thanh Hóa của các huyện, thị xã, thành phố về việc "Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu, bằng chứng để tự kiểm tra, kiểm tra, phúc tra xét công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn xã hội học tập giai đoạn 2012- 2020; tự kiểm tra, kiểm tra, phúc tra xét các cơ quan, đơn vị vũ trang, doanh nghiệp đạt chuẩn xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020 và thành lập đoàn kiểm tra, phúc tra".

Chỉ đạo tất cả các sở, ban, ngành, đơn vị lực lượng vũ trang, đoàn thể cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố đều tổ chức tập huấn văn bản hướng dẫn đánh giá, xếp loại cho Ban chỉ đạo xây dựng XHHT cấp huyện, cấp xã và các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các đơn vị trực thuộc. Các sở, ban, ngành, đơn vị lực lượng vũ trang, đoàn thể cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố tiến hành tự rà soát các tiêu chí đạt chuẩn, các tiêu chí chưa đạt chuẩn để đăng ký thời

gian công nhận đạt chuẩn XHHT và xây dựng Đề án phấn đấu đạt chuẩn XHHT.

Hằng năm, Ban chỉ đạo xây dựng XHHT tỉnh Thanh Hóa đã tổ chức hội nghị gặp gỡ các xã, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đăng ký công nhận đạt chuẩn XHHT để trao đổi những thuận lợi, khó khăn, những việc làm tốt, kinh nghiệm hay trong phấn đấu đạt chuẩn và những kiến nghị, đề xuất để có sự chỉ đạo phù hợp, động viên, khích lệ, thúc đẩy phong trào chung tay xây dựng XHHT.

Chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các địa phương trong tỉnh tăng cường phối hợp, gắn bó giữa việc xây dựng XHHT với xây dựng nông thôn mới, xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh để tác động và hỗ trợ, thúc đẩy lẫn nhau. Đề nghị Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh và Đảng ủy Khối các doanh nghiệp tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức Đảng trực thuộc trực tiếp lãnh đạo tổ chức việc rà soát, đăng ký và xây dựng đạt chuẩn XHHT theo Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Sau này, khi Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT về đánh giá CĐHT cấp xã của Bộ GDĐT ban hành, Thanh Hóa đã kịp thời điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí, cũng như cách đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã và "Đơn vị học tập" cấp huyện, cấp tỉnh theo đúng hướng dẫn của Thông tư.

Như vậy, có thể thấy, ngay từ những năm đầu triển khai Đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2012-2020", Thanh Hóa chủ động và sáng tạo thực hiện đồng bộ bài bản các giải pháp về lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng và nhân rộng các mô hình học tập ở địa phương.

(2) Hòa Bình: Thúc đẩy quyết tâm xây dựng và nhân rộng các mô hình học tập thông qua việc kí kết giao ước thi đua đua phát động phong trào xây dựng các mô hình học tập giữa các huyện, thành phố

Ban chỉ đạo xây dựng XHHT tỉnh Hòa Bình phân công nhiệm vụ cụ thể cho cấp uỷ, chính quyền, các tổ chức đoàn thể xã hội trong tỉnh. Đặc biệt là giao nhiệm vụ cho Sở GDĐT nghiên cứu ra văn bản hướng dẫn cụ thể, chi tiết giúp các cấp uỷ, chính quyền các ngành trong tỉnh triển khai thực hiên thuận lợi, nghiêm túc đạt hiệu quả cao; tham mưu thành lập đoàn kiểm tra công tác xây dựng hồ sơ minh chứng "Cộng đồng học tập cấp xã" tại các huyện, thành phố hằng năm.

Ban chỉ đạo xây dựng XHHT tỉnh Hòa Bình đã ký kết giao ước thi đua phát động phong trào xây dựng các mô hình học tập giữa các huyện, thành phố. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã ban hành các văn bản cần thiết

để triển khai Kế hoạch nhân rộng các mô hình học tập tới tất cả các xã, phường, thị trấn của địa phương trong tỉnh.

Ban chỉ đạo xây dựng XHHT các cấp (cấp huyện, cấp xã) đều phải đánh giá thực chất mặt mạnh, mặt yếu chỉ ra những thiếu sót, tồn tại trong việc xây dựng mô hình "Cộng đồng học tập" cấp xã, rút ra những bài học kinh nghiệm. Để thực hiện Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT, các cấp uỷ Đảng phải lãnh đạo sâu sát, thường xuyên; chính quyền phải quản lý, xây dựng chương trình kế hoạch, chỉ đạo công tác tập huấn cho cán bộ các cấp, các ngành, hỗ trợ kinh phí ngân sách nhà nước để thực hiện đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã; Mặt trận và các tổ chức cùng tham gia, Hội Khuyến học làm tham mưu, nòng cốt cùng phối hợp tổ chức thực hiện.

Giám đốc Sở GDĐT Hòa Bình đã có các văn bản chỉ đạo huy động cán bộ quản lý, giáo viên toàn ngành tham gia cùng Ban chỉ đạo xây dựng XHHT cấp xã để tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho người dân địa phương về xây dựng các mô hình học tập và tham gia thực hiện đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã.

(3) Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình: Làm tốt công tác tuyên truyền về việc học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập đến tận thôn, xóm và người dân; phát huy có hiệu quả chức năng hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn

Các cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp ở huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình đã thường xuyên quán triệt cho cán bộ, đảng viên và tuyên truyền cho quần chúng nhân dân về mục đích, ý nghĩa, những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của việc xây dựng "cộng đồng học tập". Đưa nội dung xây dựng "Cộng đồng học tập" trong Nghị quyết, Chương trình hành động, kế hoạch thực hiện của Đảng ủy, chính quyền cấp xã, cấp huyện. Nội dung xây dựng "Cộng đồng học tập" gắn liền với việc thực hiện các nhiệm vụ xây dựng "Nông thôn mới", "Xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" gắn liền với việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Các xã, thị trấn đều thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng XHHT cấp xã và đã chủ động trực tiếp quản lý, đôn đốc, điều hành các hoạt động về "Cộng đồng học tập" thông qua việc xây dựng kế hoạch hoạt động và phân công các thành viên trong Ban chỉ đạo. Thường xuyên theo dõi, đánh giá về nhu cầu học tập của người dân để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phù hợp tình hình thực tế của địa phương. Nhiều xã, thị trấn đã làm tốt công tác tuyên truyền về việc học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập đến tận thôn, xóm và người dân trên địa bàn

như các xã: Tân Thủy, Xuân Thủy, Mai Thủy, An Thủy, Dương Thủy, Hoa Thủy, Sơn Thủy, Liên Thủy …

Cơ chế phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể và các tổ chức cấp xã được hình thành và hoạt động khá hiệu quả trong việc chung tay xây dựng "Cộng đồng học tập" cấp xã, qua đó đã thúc đẩy sự tham gia tích cực của các ban, ngành trên địa bàn xã, thị trấn, thúc đẩy tinh thần trách nhiệm, tinh thần làm chủ của mỗi thành viên góp phần xây dựng "Cộng đồng học tập" của địa phương mình.

Huyện Lệ Thủy và các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã thường xuyên quan tâm thực hiện các chế độ, chính sách đối với học sinh khuyết tật. Bên cạnh đó các xã, thị trấn cũng đã phát huy có hiệu quả chức năng hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng góp phần tạo cơ hội và điều kiện cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là lực lượng lao động được tham gia các lớp học nghề ngắn hạn, các lớp bồi dưỡng, tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật…

(4) Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh: Thực hiện đồng bộ, bài bản công tác chỉ đạo, sáng tạo trong tổ chức thực hiện xây dựng các mô hình học tập, đặc biệt là việc triển khai thí điểm mô hình "Đơn vị học tập" cấp huyện, cấp tỉnh

Sở GDĐT Quảng Ninh (cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo xây dựng XHHT tỉnh) đã chủ trì tổ chức họp với Hội Khuyến học tỉnh để thống nhất các nội dung tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các sở, ban ngành và các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Thông tư số 22/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT. Căn cứ các văn bản của Ban Chỉ đạo xây dựng XHHT tỉnh, Sở GDĐT đã:

Tổ chức tập huấn về quy trình kiểm tra, đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập cấp huyện, cấp tỉnh cho đội ngũ cán bộ phụ trách công tác XHHT của các sở, ban ngành và các huyện, thị xã, thành phố.

Xây dựng kế hoạch cụ thể, phân công nhiệm vụ cho các phòng chuyên môn thuộc Sở GDĐT triển khai kế hoạch, lập hồ sơ, tổ chức tự đánh giá, xếp loại "Đơn vị học tập".

Tổ chức các hội thảo chia sẻ những kinh nghiệm trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện xây dựng các mô hình học tập, đặc biệt là việc triển khai thí điểm mô hình "Đơn vị học tập", từ đó đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng xây dựng các mô hình học tập tại địa phương.

Lồng ghép việc kiểm tra, đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập cấp huyện của các Phòng GDĐT với kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học. Nắm bắt, giải quyết kịp thời

những khó khăn, vướng mắc của các Phòng GDĐT trong việc tham mưu thực hiện đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập cấp huyện.

Hằng năm, tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại của các sở, ban ngành trong tỉnh (thông qua báo cáo, số liệu thống kê, minh chứng…) để trình UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận được Sở GDĐT Quảng Ninh thực hiện nghiêm túc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

Bộ GDĐT. (2014). *Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12/12/2020 ban hành quy định về đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã*

Bộ GDĐT. (2020). *Thông tư số 22/TT-BGDĐT ngày 06/8/2020 ban hành quy định về đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập*

Bộ GDĐT. (2021). *Thông tư số 10/2021/TT-BGDĐT ngày 05/4/2021 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm GDTX*

Bộ GDĐT, UNESCO Hà Nội. (2013). *Kỷ yếu Hội nghị 'Xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam: Từ tầm nhìn đến hành động'*, Hà Nội 17-18/12/2013.

Phạm Tất Dong. (2012). *Xây dựng mô hình XHHT ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb dân Trí.

Phạm Tất Dong. (2014). *Thuật ngữ về giáo dục người lớn và xã hội học tập.*

Thủ tướng Chính phủ. (2005). *Quyết định số 112/QĐ-TTg ngày 18/5/2005 về phê duyệt đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2005 – 2010"*

Thủ tướng Chính phủ. (2013). *Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 về phê duyệt đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2012 – 2020"*

Thủ tướng Chính phủ. (2021). *Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 về phê duyệt đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2021 – 2030"*

Bộ Chính trị. (2007). *Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT*

Ban Bí thư Trung ương Đảng. (2019). *Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT*

Thủ tướng Chính phủ. (2021). *Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2021 về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT giai đoạn 2021-2030*

Hội Khuyến học Việt Nam. (2022). *Quyết định số 242/QĐ-KHVN ngày 28/7/2022 ban hành Bộ tiêu chí và hướng dẫn đánh giá, công nhận các danh hiệu "Gia đình học tập", "Dòng họ học tập", "Cộng đồng học tập", "Đơn vị học tập" giai đoạn 2021-2030*

Hội Khuyến học Việt Nam. (2022). *Quyết định số 244/QĐ-KHVN ngày 28/7/2022 ban hành Bộ tiêu chí và hướng dẫn tổ chức đánh giá, công nhận danh hiệu "Công dân học tập" giai đoạn 2021 – 2030*

UNESCO (văn phòng khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, 1993). *Giáo dục thường xuyên: Chính sách và phương hướng mới* (Tài liệu lưu hành nội bộ dùng trong huấn luyện của APPEAL cho cán bộ GDTX tại BăngKok)

UNESCO (Tài liệu dịch). *Giáo dục không chính quy và sự thực thi* (Tư liệu tham khảo thuộc Dự án "Hỗ trợ học từ xa"

UNESCO (Tài liệu dịch). *Tài liệu hướng dẫn xây dựng thành phố học tập, 2017*

Bộ GDĐT. (2010). *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2005-2010"*

Ban Tuyên giáo Trung ương. (2017). *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị (Khóa X) về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập"*

Bộ GDĐT. (2021). *Báo cáo tổng kết 8 năm thực hiện Đề án "Xây dựng XHHT giai đoạn 2012-2020"*